

***Tứ Thanh Tịnh Giới
và
Phận Sự Của Bậc Xuất Gia***



***Tỳ Khuru Bửu Chơn
(Bhikkhu Nàga Thera)
PL. 2504 - TL. 1960***

---o0o---

Nguồn

<http://thuvienhoasen.org>

Chuyển sang ebook 27-8-2009

Người thực hiện : Nam Thiên – namthien@gmail.com

[Link Audio Tại Website http://www.phatphaponline.org](http://www.phatphaponline.org)

Mục Lục

PHI LỘ
TỨ THANH TỊNH GIỚI
BHIKKHUPPÁTİMOKKHA
GIỚI BỐN BA ĐỀ MỘC XOA CỦA TỖ KHUU
PÀRÀJIKUDESŌ
BÁT CŌNG TRỤ
SANGHADISES'UDESŌ
PHẦN KỂ RA TĂNG TÀNG (1)
ANİYAT ' UDESŌ
PHẦN KỂ RA VỀ BÁT ĐỊNH
NISSAGGIYE VITTHÀR ' UDESŌ
PHẦN KỂ RA VỀ ỪNG XÃ ĐỐI TRỊ
PÀCITIYE VITTHAR' UDESŌ
PHẦN KỂ RA VỀ ỪNG ĐỐI TRỊ
PÀTIDESANĪYE VITTHÀR' UDESŌ
PHẦN KỂ RA VỀ ỪNG PHÁT LỘ
SEKHIYĀ DHAMM' UDESŌ
PHẦN KỂ RA VỀ ỪNG HỌC PHÁP
ADHIKARANA SAMATHE VITTHÀR' UDESŌ.

PHÂN KÊ RA VỀ CHI TIẾT PHÁP ĐIỀU GIẢI.
SANKHITENA PÀTIMOKKHUDDESO
INDRIYA SAMVARASÌLA
ÀJÌVA PÀRISUDDHISÌLA
PACCAYASANNISSITA SÌLA
PABBAJITA KICCÀNI
CÁCH LÀM LỄ TỰ TỬ – PAVÀRANÀ
CÁCH NGUYỆN HOẶC XẢ Y
CÁCH SÁM HỎI
CÁCH SÁM HỎI VỀ ỨNG XẢ ĐỐI TRỊ (B. SIKKHÀ P. 509)
CÁCH XẢ VÀNG BẠC MÀ MÌNH ĐÃ THỌ LÃNH
CÁCH NHẬP HẠ VAS'ÙPANÀYIKA
CÁCH THỌ LỄ DÂNG Y – KATHINA
THỜI HẠN PHỨC TẠP CỦA VẬT DỤNG
BỐN PHÁP DUNG HÒA – MAHÀPADESA
LINH TINH – PAKINNAKA
CÁCH TỎ SỰ ỨNG THUẬN VÀ TRONG SẠCH
CÁCH XUẤT GIA SADI (TÓM TẮT)

---o0o---

PHI LỘ

Quyển Luật này bản Tăng trích lục theo trong Tam Tạng Pàli, quyển Pàtimokka Sankheppa, quyển Anàgàra Vinaya và quyển Pubba Sikkhà Vannanà. Những điểm quan trọng mà bậc xuất gia cần phải biết (ngoài ra cũng còn rất nhiều phạm sự phải học hỏi thêm cho hiểu rộng ra nữa). Đây chỉ giải tóm tắt những chỗ cần yếu đến mỗi khi hành Tăng sự.

Với tài học còn kém khuyết nhưng cố gắng biên soạn ra, sợ e có chỗ nào sai lầm, khuyết điểm xin chư đại đức hoan hỷ chỉ thêm cho, hầu có sửa chữa lại cho được chu đáo. Quyển Luật này xuất bản với thiện ý để góp sức thêm một tài liệu trong việc hoằng dương Phật pháp, mà hàng xuất gia luôn luôn phải cần dùng đến, nhưng mỗi khi cần dùng khỏi phải phiền phức lục kiếm câu Pàli chỗ nọ, chỗ kia và muốn hiểu rõ phạm sự của mình ít nhất cũng phải thuộc quyển Luật này thì mới thực hành dễ dàng.

Đức Phật có nói: Người chăn bò mà không biết bày bò của mình có bao nhiêu con cái, con đực, màu vàng, đen, đốm v.v... thì cũng không thể gìn giữ bày bò cho được tròn đủ như thế nào? Thì thầy Tỳ Khuru trong Phật giáo,

nếu không biết giới hạnh và phận sự của mình là bao nhiêu, thì cũng không thể gìn giữ phạm hạnh cho được chu đáo vậy.

Hơn nữa, Đức Phật có nói: Giới Luật mà còn tồn tại đến lúc nào, thì giáo pháp của Như Lai cũng còn thanh hành đến lúc ấy. Nếu khi nào Giới Luật mà mất đi thì giáo pháp của Như Lai cũng tiêu diệt, do câu Vinayo sāsana mùlam - "Giới Luật là nền tảng của Phật Giáo" vậy.

Quả phước của sự phiên dịch này, Bản Tăng xin hồi hướng đến các bậc ân nhân nhất là Thầy Tổ và song thân đều được thọ hưởng và xin cho được mau pháp Bồ đề Tâm để tu hành cho đến nơi an vui bất sanh bất diệt.

Tấm lòng thành thật
Bhikkhu Nàga Thera
Tỳ Khưu BỬU CHƠN

--- o0o ---

TỨ THANH TỊNH GIỚI

Catupàrisuddhisīla

Namo tassa Bhagavato Arahato Sammāsambuddhassa.

Tôi xin đem hết lòng thành kính làm lễ đến đức Bhagavà,
Ngài là bậc Arahām cao thượng được đấng Chánh Biến Tri (Tam Miếu Tam Bồ Đề).

Tứ thanh tịnh giới là:

1) Pàtimokkha samvarasīla, giới Ba đề mộc xoa (là biệt biệt giải thoát, giữ được một giới thì thoát khỏi một tội),

2) Indriya samvarasīla, giới thu thúc lục căn (thanh tịnh).

3) Ajīva pàrisuddhisīla, giới nuôi mạng chơn chánh (trong sạch).

4) Paccaya sannissitasīla, giới quán tưởng thanh tịnh trong khi thọ dụng bốn món vật dụng.

Đây xin giảng giải lần lượt theo thứ tự, để cho bậc xuất gia nghiên cứu và học hỏi cho được dễ dàng.

Trước hết giải về giới Bốn Ba đề mộc xoa luôn cả cách làm lễ phát Lộ "Uposatha" của Chư Tăng trong nửa tháng một lần để đọc lại và nhắc nhở 227 điều học của mình đã thọ trì.

Những việc phải làm trước khi đọc giới bốn
(Pubbakarana – Pubbakicca)

Phải có 2 vị Tỳ Khuru rành mạch cách làm lễ Phát lộ vấn đáp với nhau giữa Chư Tăng (từ 4 vị trở lên luôn cả 2 vị vấn đáp) như thế này:

Vị vấn đọc: Namò tassa Bhagavato Arahato Sammà Sambuddhassa.

Tôi xin đem hết lòng thành kính làm lễ đến đức Bhagavà, Ngài là bậc Arahant cao thượng, được đấng Chánh Biến Tri (Tam Miệu Tam Bồ Đề).

Rồi đọc trình Chư Tăng đặng hỏi luật vị khác như vậy:

Sunātu me bhante (1) sangho, yati sanghassa pattakallam, aham àyasmantam (itthannàmam) (2) vinayam Pucchayyam.

Bạch đại đức Tăng, xin Chư Tăng nghe tôi, nếu tăng sự này hợp thời thì tôi xin hỏi luật vị Tỳ Khuru (tên... này).

Kế vị đáp đọc:

Namò tassa Bhagavato Arahato Sammà Sambuddhassa. (3 lần) (nghĩa như trên).

Rồi đọc trình Tăng để trả lời cho vị kia như vậy:

Sunātu me (1) sangho, yati sanghassa pattakallam, aham àyasmantam (itthannàmam) (2) vinayam puttho (vissajjeyyam).

Bạch đại đức Tăng, xin chư Tăng nghe tôi, nếu Tăng sự này hợp thời thì tôi xin trả lời luật cho vị Tỳ Khuru (tên....)

Kể đó người hỏi cứ hỏi tiếp:

VẤN: Sammajjani padipoca, udakam àsanena ca upothassa etàni pubbakarananti vuccati. Ukàsa sammajjani?

Sự quét chùa, đốt đèn, múc nước để sẵn, trải chỗ ngồi, hết thấy bốn điều này gọi là việc phải làm trước khi làm lễ Phát Lộ.

Bạch Ngài, thế nào gọi là việc phải quét sạch?

ĐÁP: Sammajjanakarananca.

Sự quét sạch "trong chỗ làm lễ này vậy."

VẤN: Padìpo ca? Sự đốt đèn?

ĐÁP: Padìpo ujjalananca (idàni suriya lokassa natthitaya padìpa-kiccam atthi)

"Bây giờ không có mặt trời nên phải đốt đèn". là sự đốt đèn cho sáng "trong chỗ này"

VẤN: Udakam àsannena ca? Nước và chỗ ngồi thế nào?

ĐÁP: Asanena saha pàniya paribhojaniya udakatthapananca. Là sự múc nước uống, nước xài để sẵn và sự trải chỗ ngồi.

VẤN: Upothassa etàni bubbakarananti vuccati? Tất cả phận sự này sao gọi là việc phải làm của lễ Phát Lộ?

ĐÁP: Etàni cattàri vattàni sammajjanakaranàdini sangha sannipàtato pathamam kattabbattà uposathassa uposathakammassa, pubbakarananti vuccati, pubbakaranànti akkàtani.

Bốn phận sự này, nhất là phải quét sạch là việc phải làm trước, vì trước khi Chư Tăng hội họp để làm lễ Phát Lộ thì phải làm cho xong, nên gọi là việc phải làm trước của sự làm lễ Phát Lộ.

VẤN: Chandapàrisuddhi utukkhànam nhikkhu ganana caovado uposathassa etàni pubbakiccanti vuccati; Chanda pàrisuddhi?

Các việc làm như, đem sự ưng thuận, tỏ sự trong sạch, sự kê thời tiết, sự đếm số tăng hội, chỉ dạy cho Tỳ Khuru ni, đều gọi là phạm sự phải làm trước của lễ Phát Lộ.

Vậy chớ thế nào gọi là sự đem sự thỏa thuận và tỏ sự trong sạch?

ĐÁP: Chandàrahànam bhikkhùnàm chandapàrisuddhi àharanàncà (idhà natthi).

Cách đem sự thỏa thuận và sự trong sạch của các vị Tỳ Khuru cần phải đem đó (nơi đây không cần).

VẤN: Utukkànam? Sự kê mùa tiết?

ĐÁP: Hemantàdìnam tinnam utùnàm ettakam atikkantam, etakkam avasitthanti evam utu àcikkhanam vasena tìni honti (ayam hemanta utu, asmimutumhi attha uposathà, iminà pakkhena ekouposatho sampatto, eko uposatho atikkanto, eha uposathà avasitthà (1).

Sự kê mùa tiết là: theo Phật Giáo một năm có 3 mùa là: mùa lạnh, mùa nóng (nắng) và mùa mưa, trong ngày làm lễ Phát Lộ ấy nhằm mùa nào, mùa ấy có mấy kỳ lễ Phát Lộ, đã qua hết bao nhiêu, hiện tại và sẽ còn mấy kỳ nữa phải khai rõ (như đây là mùa lạnh, trong mùa này có 8 kỳ lễ Phát Lộ, một kỳ hiện đương làm, một kỳ đã qua rồi, còn sáu kỳ nữa sẽ tới).

VẤN: Bhikkhuganànà ca? Sự đếm số Tăng hội có bao nhiêu?

ĐÁP: Imasmin uposathagge, sannipatitànàm bhikkhùnàm ganànà, (...) (1) bhikkhu honti,

Trong chỗ làm lễ Phát Lộ đây, số Chư Tăng hội họp được..... vị (1)

VẤN: Ovàdo? Sự chỉ dạy cho Tỳ Khuru ni thế nào?

ĐÁP: Bhikkhuninàm ovàdo dàtabbo (idànipnà tàsam natthitàyà, so ca ovàdo idhà natthi).

Thầy Tỳ Khuru phải chỉ dạy cho các vị Tỳ Khuru ni (bây giờ sự chỉ dạy ấy không còn nữa, vì không còn Tỳ Khuru ni).

VẤN: Uposathassa etàni pubbakiccanti vuccati?

Các việc này sao gọi là phận sự phải làm trước lễ Phát Lộ?

ĐÁP: Etàni panca kammàni chandàharanadìni patimokkh'uddesato pathamam kattabbattà, uposathassa uposathakammasa pubbakiccanti vuccati, pubbakiccànti akkhatàni.

Hết thấy 5 công việc, nhất là đem sự trong sạch, gọi là phận sự phải làm trước, vì trước khi Chư Tăng làm tăng sự là đọc giới bốn Ba la đề mộc xoa, các phận sự ấy phải làm cho xong.

VẤN: Uposatho yâvatikà ca bhikkhù kammappattà sabhàg'apattiyo cana vijjanti, vajjanûya capuggalà tasmim nahomti, pattakallanti vuccati. Uposatho?

Bốn điều nhất định là: ngày làm lễ Phát Lộ I, bao nhiêu vị Tỳ Khuru hội họp để làm lễ ấy (1) không có phạm chung một tội, trong tăng sự ấy không có người phải xa lánh 1, như thế thì cuộc lễ Phát Lộ họp thời nên làm, vậy chớ ngày lễ Phát Lộ này thế nào?

ĐÁP: Tisu uposatha divasesu, cātuddasipannarasī sāmaggīsu, ajj' uposatho (pannaraso) (1).

Ngày làm lễ Phát Lộ có 3 là ngày Rằm, ngày 11 và ngày 29 của tháng thiếu, và ngày Chư Tăng làm lễ hòa hợp như ngày lễ hôm nay thuộc ngày Rằm.

VẤN: Yâvatikà ca bhikkhù kammappattà?

Vậy chớ có mấy vị Tỳ Khuru mới nên làm lễ Phát Lộ?

ĐÁP: Yattakà bhikkhù tassa uposatha kammassa pattàuttà anurupà, sabbantimena paricchena cattāro bhikkhù pakatattà sanghena anukkhittā te ca kho hatthapāsam avijjābitvā ekasīmāyam thitā.

Tất cả các vị Tỳ Khuru bao nhiêu cũng có thể làm, lễ Phát Lộ được, nhưng ít nhất là 4 vị trong sạch, không bị Chư Tăng phạt (ngưng chức) đều ngồi gần sát nhau trong một sīmā.

VẤN: Sabbàg'apattiyo ca na vijjanti?

Còn về sự phạm đồng một tội thế nào?

ĐÁP: Vikàlabhojan' àdivatthu sabhàg' apattiyo ca na vijjanti.

Sự phạm đồng một tội do một việc làm, nhất là ăn sái giờ, không có.

VẤN: Vajjanìyâ ca puggalà tasmimna honti.

Người mà phải tránh xa trong khi làm lễ Phát Lộ là thế nào?

ĐÁP: Gahatthapandak' àdayo ekavīsati vajjanìyapuggalà, hatthapàsato bahikarana vasena vajjetabbà, tasmimna honti.

Người phải tránh xa có 21 hạng, nhất là người thế và người lại cái, không có ngồi gần sát với Chư Tăng trong khi làm lễ Phát Lộ đâu.

VẤN: Pattakallanti vuccati?

Thế nào gọi là lúc nên làm lễ Phát Lộ?

ĐÁP: Sanghassa uposathakammam imehi catùhi lakkhanchi sangahitam, pattakallanti vuccati, pattakàlavantanti akkhàtam.

Sự nhất định trong 4 điều này gọi là lúc nên làm lễ Phát Lộ của Chư Tăng vậy, như thế là thì giờ nên làm.

* * *

Hỏi xong vị Tỳ Khuru vấn luật ấy nên đọc thỉnh như vậy:

Pubbakarana pabbakiccàni samàpetvâ, desitâpattikassa samaggassa bhikkhusanghassa anumatiyâ, pàtimokkham uddisitam àràdhanam karomi.

Theo sự bằng lòng của Chư Tăng, vì đã làm các việc và phạm sự trước khi làm lễ, đã sám hối tội lỗi rồi, và đều bằng lòng ưng thuận với nhau, vậy tôi xin thỉnh Ngài đọc giới bốn.

-ooOoo-

BHIKKHUPPÀTIMOKKHA

Namo tassa Bhagavato Arahato Sammà Sambhuddhassa.

Sunàtu me bhante sangho, ajj'uposatho (pannaraso) yadi sanghassa pattakallam, sangho uposatham kareyya pàtimokkham uddiseyya.

Kim sanghassa pubbakiccam? pàrisuddhim àyasmanto àrocetha, pàtimokkham uddisissàmi, tam sabbeva santà sàdhukam sunoma manasikaroma, yassa siyâ àpatti, so àvikareyya asantiyâ àpattiyâ tunhi bhavitabbam, tunhìbhàvena, khopan àyasmante parisuddhàti vedissàmi; yathà khopana pacceka putthassa veyyàkaranam hoti.

Evameram evarùpàya parisàya yàvatatiyam anussàvitam hoti, yo pana bhikkhu yàvatatiyam anussàviyamàne saramàno santim àpattim nàvikareyya sampajānamusàvādassa hoti, sampajāna musàvādo kho pan' àyasmanto antorayiko dhammo vutto bhagavatà, tasmà saramànena bhikkhunà àpannena visuddha pekkhena santi àpatti avitabbà, àvikatà hissa phàsu honti.

Uddittham kho àyasmonto nidànam.

Tatth' àyasmante pucchà, kaccittha parisuddhà?

Dutiyampi pucchàmi kaccittha parisuddhà?

Tatitampi pucchàmi kaccittha parisuddhà?

Parisuddhetth' àyasmanto, tasmà tunhi, evametam dhàrayâmi.

Nidanuddeso nitthito.

---o0o---

GIỚI BỒN BA ĐỀ MỘC XOA CỦA Tỳ KHƯU

Tôi xin đem hết lòng thành kính làm lễ đến đức Bhagavà Ngài là bậc Araham cao thượng, được đấng Chánh Biến Tri (Tam diệu tam bồ đề).

Bạch đại đức Tăng, xin Chư Tăng nghe tôi, ngày hôm nay là ngày lễ Phát Lộ của ngày Rằm, nếu hợp thời nên làm, thì Chư Tăng làm lễ Phát Lộ là phải đọc giới bốn, Ba đề một xoa.

Phận sự phải làm trước, các Ngài đã làm chưa ? Thưa các vị, xin các vị phải sám hối cho trong sạch rồi tôi mới đọc giới bốn. Chúng ta ở đây hết thầy phải thành tâm để nghe đọc giới bốn cho được sự lợi ích. Như vị nào có phạm tội xin vị ấy sám hối đi, còn vị nào trong sạch thì làm thỉnh. Tôi sẽ biết rằng vị ấy được trong sạch do cử chỉ làm thỉnh ấy, cũng như người mà bị người ta cật hỏi phải trả lời như thế nào, thì khi lời tôi tuyên bố hỏi Chư Tăng đủ 3 lần cũng như thế ấy. Nếu khi tôi đã hỏi đủ 3 lần rồi mà vị nào nhớ được sự phạm tội của mình, nhưng vẫn không chịu sám hối, thì vị ấy sẽ phạm thêm một hành ác về nói láo, vì biết mình mà không chịu khai ra.

b?ch các Ngài, tội này Đức Thế Tôn có nói cũng là một pháp tai hại, bởi vậy cho nên, vị nào đã phạm rồi mà nhớ lại được và muốn cho mình được trong sạch thì nên sám hối tội ấy ra. do nhờ sự sám hối ấy mà tâm thầy Tỳ Khưu ấy được sự vui vẻ.

Bạch các Ngài, nguyên nhân tôi đã kể ra rồi.

Tôi xin hỏi các Ngài trong nguyên nhân này các Ngài đã được trong sạch chưa? Tôi xin hỏi lần thứ nhì, các Ngài đã được trong sạch chưa? Tôi xin hỏi lần thứ ba, các Ngài đã được trong sạch chưa? Tất cả các Ngài đã được trong sạch, trong nguyên nhân này, nên các Ngài mới làm thỉnh. Tôi xin chứng nhận do nơi sự làm thỉnh ấy.

Dứt phần kể các nguyên nhân.

-ooOoo-

PÀRÀJIKUDESÒ

Tatrimè cattàro pàràjikà dhammà uddesam àgacchanti.

1. Yo pana bhikkhu bhikkhùnà sikkhàsàjìvasamàpanno, sikkham appaccakkhàya, dubbalyam anàvikatvà, methunam dhammam patisebeyyan tamaso tiracchàna gatàyapi, pàràjiko hoti asamvaso.

2. Yo pana bhikkhu gàmà và arannà và adinnam theyyasan khàtam àdiyeyya yathàrùpe adinnàdàne ràjàno coram gahetvà haneyyum và bandheyum và pabbàjeyyum và corosi bàlosi mùlhosi thenosìti tathàrùpam bhikkhu adinnam àdiyamàno, ayampi pàràjiko hoti asamvào.

3. Yo pana bhikkhu sancicca manussaviggaham jìvità voropeyya, sathahàrakam vassa pariyeseyya, maranavannam và samvanneyya, maranàya và samadapeyya, ambho purisa kim tuyhiminà pàpakena dujjìvitena? matante jìvità seyyoti; iti cittamano cittasankappo, anekapariyâyena maranavannam và samvanneyya, maranàya và samàdapeyya, ayampi pàràjiko hoti asamvào.

4. Yo pana bhikkhu anabhijànam uttarimanussadhammam attùpanàyikam alamariyannànadassanam samudàcareyya: iti jànàmi, iti passàmiti, tato aparena samayena samanuggàhiyamàno và asamanuggàhiyamàno và àpanno, visuddhàpekkho evam vadeyya: ajànamevam àvuso avacam jànàmi apassam passàmi, tuccham musà vilapinti, annatra adhimànà, ayampi pàràjiko hoti asamvào.

Uddhitthà kho àyasmanto cattàro pàràjika dhammà, yesam bhikkhu annataram: và annataram và àpajjitvà, ra labbati bhikkùhi saddhim sàvamvàsam, yathà pure tathà pacchà, pàràjiko hoti asamvào.

Tatth' àyasmante pucchàmi, kaccittha parisuddhà?

Dutiyampi pucchàmi, kaccittha parisuddhà?

Tatitampi pucchàmi, kaccittha parisuddhà?

Parisuddhetth' àyasmnto, tasmà tunhì evametam (dhàrayâmi)

Pàràjik'uddeso nitthito.

---o0o---

BÁT CỘNG TRỤ

Bốn pháp Bát Cộng Trụ của giới bốn, phải kể ra là:

1. Thầy Tỳ Khuru nào, đã có học hỏi và thọ trì các điều học của Tỳ Khuru rồi, chưa hoàn tục hoặc chưa tỏ ra mình là người yếu hèn (không thể hành đạo cao thượng được) mà hành dâm, dâm cho với loài thú cái, cũng phạm tội Bất Cộng Trụ, không được phép ở chung với các Tỳ Khuru khác.

2. thầy Tỳ Khuru nào, đã có tâm trộm cắp lấy của người, ở trong xóm hoặc ở trong rừng; các nhà vua bắt được đạo tặc, hoặc giết hại, hoặc giam cầm, hoặc lưu đầy xứ và cho rằng "người là kẻ đạo tặc, là người hung ác, là người ăn cắp" như thế nào, thì thầy Tỳ Khuru lấy của mà người ta không dâng cho cũng như thế ấy, thầy Tỳ Khuru ấy đã phạm Bất Cộng Trụ, không được phép ở chung với các Tỳ Khuru khác.

3. Thầy Tỳ Khuru nào, cố ý giết hại mạng sống con người hoặc kiếm khí giới biểu cho kẻ khác giết hại, hoặc khen sự nên chết hoặc nói dắc dãn cho người nên chết cho rồi như vậy: "Này người ơi ! Mạng sống của người rất xấu xa có lợi ích chi đâu, vậy người nên chết đi còn tốt hơn là sống".

Thầy Tỳ Khuru suy nghĩ tính toán trong tâm như thế ấy, rồi nói khen ngợi dắc dãn chỉ bảo người sự chết đủ cách, thầy Tỳ Khuru ấy đã phạm Bất Cộng Trụ không được phép ở chung với các vị Tỳ Khuru khác.

4. Thầy Tỳ Khuru nào biết rõ, nhưng nói khoe khoan rằng: Mình đã đắc được pháp của bậc cao hơn là pháp phải thấy rõ bằng trí tuệ cao thượng, như vậy: "Tôi biết như thế này, tôi thấy như thế này". Sau khi ấy, dẫu có ai hỏi lại hoặc không có ai hỏi lại chẳng hạn cũng phạm tội Bất Cộng Trụ. Mặc dầu sau lại muốn được trong sạch là khỏi tội bèn nói sửa trở lại như vậy: "Này người, tôi không biết như thế này, tôi không thấy như thế này, nhưng tôi nói biết và thấy, nói như vậy là tôi nói láo. Thầy Tỳ Khuru ấy đã phạm tội Bất Cộng Trụ, không được phép ở chung với các vị Tỳ Khuru khác. trừ ra tưởng rằng mình đã đắc đạo của bậc cao hơn.

Bạch các Ngài, 4 pháp Bất Cộng Trụ tôi đã kể ra rồi, thầy Tỳ Khuru nào đã phạm tội một trong bốn pháp này, thì không còn được phép ở chung với các vị Tỳ Khuru khác, trước kia người ấy thế nào thì sau này phạm tội Bất Cộng Trụ rồi cũng không được ở chung với các vị Tỳ Khuru như thế ấy.

Tôi xin hỏi các Ngài, trong bốn pháp Bất Cộng Trụ này, các Ngài có trong sạch không? Tôi xin hỏi lần thứ nhì, các Ngài có được trong sạch không? Tôi xin hỏi lần thứ ba, các Ngài có được trong sạch không? Các Ngài đã

trong sạch nên mới làm thính, tôi xin chứng nhận sự trong sạch các Ngài, do nơi sự làm thính ấy.

Dứt phần kể các pháp Bất Cộng Trụ.

-ooOoo-

SANGHADISES'UDDESO

Ime kho pan'àyasmanto terasa sanghàdisesà dhammà uddesani àgacchanti.

1. Sancetanikà sukkavisatthi, annatra supinantà, sanghàdiseso.

2. Yo pana bhikkhu otinno viparinatena cittena, mātugāmena saddhim kāyasamsaggam samāpajjeyya, hatthaggaṃham và veniggāham và annata và annatarassa và angassa parā masanam, sanghàdiseso.

3. Yo pana bhikkhu otinno viparinatena cittena mātugāmam dutthullāhi vācāhi obhāseyya yathātam yuvā yuvatim methūnupasanhitāhi, sanghàdiseso.

4. Yo pana bhikkhu otinno viparinatena cittena, mātugamassa santike attakāma pāricariyāya, vānam bhāseyya: Etadaggam bhagini pāricariyānam, yā madisam sīlavantam kalyanadhammam brahmacārim etana dhammena, paricareyyāti methūnupasanhitena, sanghàdiseso.

5. Yo pana bhikkhu sancarittam samāpajjeyya, itthiyā và purisamatim, purisassa và itthimatim, jāyattane và jārattane và, antamaso tamkhanikāyapi, sanghàdiseso.

6. Sannācikāya pana bhikkhunā kutim kārayamānena assāmikam att'uddesam, pamānikā kāretabbā, tatridam pamānam dīghaso dvādasavidatthiyo. Sugatavidatthiyā, tiriyaṃ sattantā: bhikkhū abhinētabbā, vatthudesanāva: Tehi bhikkhūhi vatthum desetabbam anārambham sapaṛikkamanam sārāmbhe ce bhikkhu vatthusmim aparikkamane sannācikāya kutim kāreyya, bhikkhū và anabhineyya vatthudesanāya, pamānam và atikkāmeyya, sanghàdiseso.

7. Mahallakam panà bhikkhunà vihàram kàrayamàna sassaṃmikàṃ att'uddesam, bhikkhū abhinetaḃḃā vatthu desanāya, tehi bhikkhūhi vatthum desetaḃḃam anārambham sapaṃikkamaṃ; saraṃbhe ce bhikkhu vatthusmim apaṃikkamaṃ mahallakam vihàram kàreyya, bhikkhū vā anabbineyya vatthudesanāya, saṃghādiseso.

8. Yo pana bhikkhum duttho doso appatīto, amūlakena pāṃjikenā dhammena anuddhamseyya: appeva nāma naṃ imamaḃ brahmacariyā cāveyyanti tato aparana samayana samaṃuggāhiyaṃaṃ vā asamaṃuggāhiyaṃaṃ vā, amūlakaceva taṃ.

Adhikaraṃaṃ hoti, bhikkhu ca dosaṃ patitthāti, saṃghādiseso.

9. Yo pana bhikkhu bhikkhum duttho doso appatīto, anaḃhāgiyassa adhikaraṃassa kiṃci desaṃ lesamaṃtaṃ upādāya, pāṃjikenā dhammena anuddhamseyya: appeva nāma naṃ imamaḃ brahmacariyā cāveyyanti, tato aparana samayena samaṃuggāhiyaṃaṃ vā asamaṃuggāhiyaṃaṃ vā, anaḃhāgiyaceva taṃ adhikaraṃaṃ hoti koci desolesamaṃto upādinnaṃ, bhikkhu ca dosaṃ patitthāti saṃghādiseso.

10. Yo pana bhikkhu samaḃgassa saṃghassa bhesāya paṃakkameyya, bhedaṃsamvattaniḃaṃ vā adhikaraṃaṃ samaḃdāya paḃgayha tittheyya; so bhikkhu bhikkhūhi evamaṃsa vacaṃiyo mā āyasmaṃ samaḃgassa saṃghassa bhedaṃ paṃakkamaṃ, bhedaṃsamvattaniḃaṃ vā adhikaraṃaṃ samaḃdāya paḃgayha atthāsi; samaṃt'āyasmaṃ saṃghena samaḃgohi saṃgho samaṃmodamaṃaṃ avivadaṃaṃ ek'uddeso phāsu viharatīti, evaṃca so bhikkhu bhikkhūhi vucaṃaṃaṃ taṃheva paḃganheyya; so bhikkhu bhikkhūhi yāvataṃiyam samaṃubhāsitabbo taṃsa paṃinissaḃḃāya.

Yāvataṃiyance samaṃubhāsiyaṃaṃaṃ taṃ paṃinissaḃḃeyya, iccetaṃ kuṃsalaṃ; no ce paṃinissaḃḃeyya, saṃghādiseso.

11. Taṃsa'eva kho pana bhikkhussa bhikkhū honti anuvattaḃā vaḃḃavaḃdakaṃ eko vā dve vā tayo va, te evaṃ vadeyyuṃ; maāyasmaṃto etaṃ bhikkhum, kiṃci avacuttha dhammaṃvāḃi ceṃso bhikkhu, viṃayaṃvāḃi ceṃso bhikkhu, amaḃkāṃceṃso bhikkhu chaṃdaṃca ruṃciṃca ādāya voḃharati, jāṃnāti no bhāṃsati, amaḃkāṃpaṃetaṃ khaṃmatīti; Te bhikkū bhikkhūhi evamaṃssu vacaṃūyā; mā āyasmaṃto evaṃ avacuttha na ceṃso bhikkhu dhammaṃvāḃi, na ceṃso bhikkhu viṃayaṃvāḃi mā āyasmaṃtaṃaṃpaṃi saṃghabhedaṃ ruṃcitthā samaṃt'āyasmaṃtaṃaṃ saṃghena, samaḃggo hi saṃgho samaṃmodamaṃaṃ avivadaṃaṃ ek'uddeso phāsu

viharatīti; evanca te bhikkhū bhikkhūhi vuccamānā, that'eva pagganheyyum te bhikkhū bhikkhūhi yāvatatiyam samanubhāsītābbā tassa patinissaggāya.

Yāvatatiyance samanubhāsīyamānā tam patinissajjeyyum, iccetam kusalam no ce patinissajjeyyum, sanghādiseso.

12. Bhikkhu pan'eva dubbacajātiko hoti, uddesa pariyāpannesa sikkhāpadesu bhikkhūhi, sahadhammikam vuccamāno, attanam avacāṇīyam karoti: mā mam āyasmanto kinci avacuttha kalyānam vā pāpakam vā ahamp' āyasmante na kinci vakkhāmi kalyānam vā pāpakam vā viramath' āyasmanto mama vacanāyāti.

So bhikkhu bhikkhūhi evamassa vacāṇīyo, mā āyasmā attānam avacāṇīyam akāsi, vacāṇīyam' eva āyasmā attānam karotu, āyasmāpi bhikkhū vadetu sahadhammena, bhikkhūpi āyasmantam vakkhanti sahadhammena; evam samvaddhāhi tassa bhagavāto parisā, yadidam annamannavacanena annamanna vutthāpanenāti.

Evanca so bhikkhu bhikkhūhi vuccamāno that' evapagganheyya, so bhikkhu bhikkhūhi yāvatatiyam samanubhāsītābbo tassa patinissaggāya.

Yāvatatiyance samanubhāsīyamāno tam patinissajjeyya iccetam kusalam no ce patinissajjeyya, sanghādiseso.

13. Bhikkhu pan'eva annataram gāmaṃ vā nigamaṃ vā upanissāya viharati kuladūsako pāpasamācāro, tassa kho pāpakā samācārā dissanti e' eva suyyanti ca, kulāni ca tena dutthāni dissanti e' eva suyyanti ca.

So bhikkhu bhikkhūhi evamassa vacāṇīyo: āyasmā kho kuladūsako pāpasamācāro, āyasmato kho pāpakā samācārā dissanti e' eva suyyanti ca kulāni e' āyasmatā dutthāni dissanti e' eva suyyanti ca, kulāni e' āyasmatā dutthāni dissanti e' eva suyyanti ca, pakkamat' āyasmā imamhā āvāsā alante idha vāsenāti.

Evancā so bhikkhu bhikkhūhi vuccamāno, te bhikkhū evam vadeyya: chandagāmino ca bhikkhū, dosagāmino ca bhikkhū, mohagāmino ca bhikkhū, bhayagāmino ca bhikkhū, tātisikāya apattiyā ekaccam pabhājenti ekaccam na pabhājenti.

So bhikkhu bhikkhùhi evamassa vacaniyo: mà àyasmà evam avaca, na ca bhikkhù chandagàmino na ca bhikkhù dosagàmino, na ca bhikkhù mohagàmino, na ca bhikkhu bhayagàmino àyasmà kho kuladùsako pàpasamàcàro. Aøyasmato kho pàpakà sàmacàrà dissanti e'eva suyanti e' eva auyyanti ca; pakkamat'àyasmà imamhà àvàsà alante idha vàsenàti. Evanca so bhikkhu bhikkhùhi vuccamàno that ' eva pagganheyya, so bhikkhu bhikkhùhi yâvatatiyam samanubhàsitabho tassa patinissaggàya. Yâvatatiyance samanubhàsiyamàno tam patinissajjeyya, iccetam kusalam, no ce patinissajjeyya sanghàdiseso. Udditthà kho àyasmanto terasa sanghàdisesà dhammà, nava patham àpattikà, cattàro yâvatatiyakà; yesam bhikkhu annataram và anntaram và àpajjittvà yâvatiram và annataram và àpajjittvà yâvatiham jànam paticchàteti, tàvatiham tena bhikkhunà akàmà parivatthabbam parivutthaparivàsena bhikkhunà uttarim ehàrattam bhikkhumànattàya patipajjitabbam. Cinnamànatto bhikkhu, yattha siyâ visatigano bhikkhu sangho, tattha so bhikkhu abbhetaḥ.

Ekenapi ce ùno visatigano bhikkhusangho tam bhikkhum abbhetaḥ, so ca bhikkhu anbbhito, te ca bhikkhù gàrayhà. Ayam tattha sàmìci.

Tatth ' àyasmante pucchàmi, kaccittha parisudhà?

Dutiyampi pucchàmi, kaccittha parisudhà?

Tutiyampi pucchàmi, kaccittha parisudhà?

Parisudhetth' àyasmanto, tasmà tunhì.

Evametam dhàrayâmi.

Sanghàdises ' uddeso nitthito.

---o0o---

PHẦN KỂ RA TĂNG TÀNG (1)

1. Thầy Tỳ Khuru nào cố ý làm cho tinh khí xuất ra thì phạm tội tăng tàng, trừ phi nằm chiêm bao.

2. Thầy Tỳ Khuru nào tâm thay đổi, bị tình dục đè nén, rờ rẫm vào mình phụ nữ, hoặc nắm tay, hoặc rờ đầu tóc, hoặc rờ trong mình bất luận chỗ nào, thì phạm tội tăng tàng.

3. Thầy Tỳ Khuru nào tâm thay đổi, bị tình dục đè nén, nói trêu gheo phụ nữ bằng lời tục tĩu cũng như người trai tơ nói trêu gheo cô gái bằng lời nói có tánh cách dâm dục thì phạm tội tăng tàng.

4. Thầy Tỳ Khuru nào tâm thay đổi, bị tình dục đè nén, nói lời có tánh cách dâm dục là khen ngợi ân đức của sự cho mình hành dâm với phụ nữ rằng: "Này cô, người phụ nữ nào hầu hạ là cho sự hành dâm đến người tu hành cao thượng có giới hạnh, có nhiều đức tánh như tôi đây, sự hầu hạ ấy là cao thượng hơn tất cả các sự hộ độ khác", thì phạm tội tăng tàng.

5. Thầy Tỳ Khuru nào làm mai mối là đem ý muốn của người nam nói với phụ nữ, của phụ nữ nói với người nam, làm cho hai bên thành vợ chồng hoặc kết tình với nhau, dầu nói một lúc cho mấy cô gái giang hồ, cũng phạm tội tăng tàng.

6. Thầy Tỳ Khuru khi làm tịnh thất riêng cho mình, mà không có thí chủ đứng cất cho, tự mình đi xin vật liệu để cất thì phải cất cho đúng luật là: bề dài 12 gan, bề ngang 7 gan của Đức Phật (1) do từ phía trong vách và phải dẫn Chư Tăng đến để chỉ chỗ cho. Chỗ ấy không có sự hoài nghi (là nhằm ở mối, kiến v.v..) và có chỗ trống chung quanh (cho xe bò đi được). Nếu thầy Tỳ Khuru làm cốc liêu, đi xin vật liệu của người. Cất trong chỗ có sự hoài nghi và trống chung quanh, không dẫn Chư Tăng đến chỉ chỗ hoặc cất quá luật định thì phạm tội tăng tàng.

7. Khi nào thầy Tỳ Khuru làm chỗ ở lớn cho mình, do có thí chủ đứng cất cho, thì phải dẫn Chư Tăng chỉ chỗ cho, chỗ ấy không có sự hoài nghi và chung quanh có chỗ trống. Nếu thầy Tỳ Khuru cho làm chỗ lớn ở riêng cho mình nơi chỗ có sự hoài nghi, không có khoảng trống chung quanh hoặc không dẫn Chư Tăng đến chỉ chỗ cho thì phạm tội tăng tàng.

8. Thầy Tỳ Khuru nào, sân hận, hung dữ, phiền phức, cáo gian thầy Tỳ Khuru khác phạm tội Bất Cộng Trụ mà không có nguyên nhân chi, với sự cố ý rằng: "Ta làm thế nào ! cho vị Tỳ Khuru đó phải xa lìa sự đạo hạnh cao thượng"(là phải hoàn tục) sau khi ấy, dầu có ai hỏi lại hoặc không ai hạch hỏi lại, nếu sự tố cáo rõ ràng là không có nguyên nhân chi, dầu cho thầy Tỳ Khuru tiên cáo ấy có nhìn nhận tội của mình cũng phạm tội tăng tàng.

9. Thầy Tỳ Khuru nào, sân hận, hung dữ, phiền phức, nhân một nguyên nhân nhỏ mọn nào khác để làm bằng cứ, rồi tố cáo vị Tỳ Khuru khác phạm tội Bất Cộng Trụ với sự cố ý rằng: "Ta làm thế nào, cho vị Tỳ Khuru đó phải xa lìa sự hành đạo cao thượng". Sau khi ấy dầu có ai hỏi lại hoặc không ai hỏi lại, nếu sự tố cáo ấy là một việc khác, mà thầy Tỳ Khuru ấy dựa vào một nguyên nhân nhỏ mọn để làm bằng cứ, dầu thầy Tỳ Khuru ấy có thú nhận tội lỗi của mình, cũng phạm tội tăng tàng.

10. Thầy Tỳ Khuru nào, Chư Tăng đang hòa thuận nhau mà cố gắng làm cho chia rẽ, hoặc chấp lấy một sự tranh luận nào mà làm cho Chư Tăng chia rẽ nhau ở riêng biệt nhau. Thì các vị Tỳ Khuru khác nên khuyên vị Tỳ Khuru ấy rằng: "Này đạo hữu, không nên cố gắng làm cho Chư Tăng đang hòa hiệp nhau phải chia rẽ, và cũng không nên chấp lấy một bằng cứ nào mà làm cho Chư Tăng chia rẽ ở riêng nhau, xin đạo hữu nên hòa thuận nhau, vui vẻ nhau, không cãi cọ nhau, có sự sum họp nhau, thì thường được an vui". Khi các vị Tỳ Khuru nói như thế ấy, nhưng thầy Tỳ Khuru ấy cũng vẫn chấp như cũ các vị Tỳ Khuru phải họp lại "Tụng tuyên ngôn ngăn cản trong 3 lần" cho vị ấy dứt bỏ sự chia rẽ tăng chúng ấy đi. Khi các Tỳ Khuru đã "Tụng tuyên ngôn ngăn cản 3 lần rồi" mà thầy Tỳ Khuru ấy chịu dứt bỏ sự làm cho tăng chúng chia rẽ ấy ra, sự dứt bỏ ấy rất tốt vậy, nếu không chịu dứt bỏ thì phạm tội tăng tàng.

11. Các thầy Tỳ Khuru, hoặc 1 vị, 2 vị, 3 vị, xu hướng theo vị làm cho chia rẽ tăng chúng và chấp theo phe đảng. các vị Tỳ Khuru khác nên ngăn cản khi các vị Tỳ Khuru ấy ngăn cản thì các vị kia nói như vậy: "Xin các đạo hữu đừng nói lời chi với vị Tỳ Khuru ấy, bởi vì vị ấy nói đúng theo kinh, nói đúng theo luật, hơn nữa vị ấy chấp lấy việc mà chúng tôi vừa lòng đẹp ý nên mới nói. Vị ấy biết rõ sự bằng lòng của chúng tôi nên mới nói". Các vị Tỳ Khuru khác nên nói lại với các vị kia rằng: "Các đạo hữu không nên nói như vậy, vì thầy Tỳ Khuru này, không phải là người nói đúng theo kinh, theo luật đâu, xin các vị đừng vui thích việc làm chia rẽ tăng chúng và nên hòa hợp với Chư Tăng đi. "Bởi vì Chư Tăng hòa thuận nhau, vui vẻ với nhau, không cãi cọ nhau, sum họp nhau lại làm một thì thường được sự an vui". Khi các vị Tỳ Khuru ấy nói như thế mà các vị kia cứ chấp như cũ thì Chư Tăng nên đọc "Tuyên ngôn để ngăn cản các vị kia trong 3 lần" để dứt bỏ sự chấp như cũ ấy đi. Khi Chư Tăng đã tụng ""Tuyên ngôn 3 lần để ngăn cản", như các vị đó dứt bỏ sự chấp ấy đi, sự dứt bỏ ấy là một việc rất tốt nếu không chịu dứt bỏ, thì phạm tội tăng tàng.

12. Nếu thầy Tỳ Khuru có tánh nết khó dạy, khi có các vị Tỳ Khuru khác khuyên giải đúng theo giáo pháp và theo như các điều học trong giới bản, lại tỏ ra mình là người cứng đầu và nói rằng: "Xin các vị đừng nói lời gì tới tôi hết thầy, mặc dầu xấu hay tốt gì thầy kệ tôi". Còn phần tôi, cũng vậy, tôi không nói gì dầu tốt dầu xấu gì tới các vị xin các vị đừng có giảng dạy cho tôi nữa".

Các vị kia nên nói với vị ấy rằng: "Này đạo hữu, không nên tỏ ra người khó dạy như thế. Nên làm cho mình là người dễ dạy". Còn đạo hữu cũng vậy, cứ chỉ dạy chúng tôi đúng theo giáo pháp và chúng tôi cũng chỉ dạy đạo hữu đúng theo kinh luật vậy. Bởi vì đệ tử của Đức Phật thường được sự tấn hóa do nhờ sự nhắc nhở nhau những lời có lợi ích là làm cho nhau thoát khỏi những điều tội lỗi".

Khi các vị Tỳ Khuru nói như thế ấy mà vị kia cũng vẫn chấp như cũ thì Chư Tăng phải tụng "Tuyên ngôn 3 lần để ngăn cản và cho dứt bỏ sự chấp ấy đi". Khi Chư Tăng đã tụng tuyên ngôn ngăn cản 3 lần rồi mà vị ấy dứt bỏ được, sự dứt bỏ ấy rất hợp pháp, nếu không chịu dứt bỏ thì phạm tội tăng tàng.

13. Thầy Tỳ Khuru đến cư ngụ một xứ nào hoặc một nơi nào, là người hành động xấu xa, làm cho hư hại gia quyến người, sự hành động ấy có người nghe và thấy rõ ràng; lại nữa các gia quyến ấy họ cũng nghe và thấy rõ sự hành động xấu xa của vị ấy.

Các vị Tỳ Khuru khác nên nói với vị Tỳ Khuru ấy rằng: "Đạo hữu là người làm hư hại gia quyến người và hành động xấu xa rõ rệt, sự hành động xấu xa ấy có người ta nghe và thấy, hơn nữa các gia quyến mà đạo hữu đã hãm hại ấy, người ta cũng nghe và thấy rõ ràng. Vậy đạo hữu phải đi khỏi chỗ này đi, không nên cư ngụ nơi đây nữa".

Khi các vị Tỳ Khuru nói như thế ấy, thì vị kia lại trả lời rằng: "Các Ngài đều là người tây vị, vì thương, tây vị vì ghét, tây vị vì sự si mê, tây vị vì sợ, bởi vậy các Ngài, có người cũng đồng phạm một tội với nhau, mà kẻ bị đuổi còn người lại không".

Các vị Tỳ Khuru khác nên nói lại với vị ấy rằng: "Đạo hữu không nên nói như vậy, vì Chư Tăng không phải là tây vị vì thương, tây vị vì ghét, tây vị vì sự si mê, tây vị vì sợ đâu. Đạo hữu là người hành động xấu xa và hãm hại

gia quyến người, sự hành động xấu xa ấy, có người ta nghe và thấy rõ ràng; hơn nữa những gia quyến mà đạo hữu làm hư hại, người ta cũng nghe và thấy rõ ràng. vậy đạo hữu phải đi khỏi chỗ này đi, không nên ở đây nữa".

Khi các vị Tỳ Khuru đã nói như thế mà vị kia cũng cứ chấp như cũ, thì các vị Tỳ Khuru nên tụng "Tuyên ngôn ngăn cản 3 lần" để cho dứt bỏ sự hành động xấu xa ấy đi. Nếu khi đã tụng "Tuyên ngôn ngăn cản 3 lần" mà vị ấy chịu sự dứt bỏ ấy rất hợp pháp vậy, nếu không chịu dứt bỏ thì phạm tội tăng tằng.

Bạch các Ngài, 13 pháp tăng tằng, tôi đã kể ra rồi, 9 pháp đầu gọi là "Patham ' àpattikà: Khi hành sái thì phạm tội liền". Còn 4 pháp sau gọi là "Yâvatatiyakà: phạm tội khi nào Chư Tăng đã đọc tuyên ngôn ngăn cản 3 lần mà không dứt bỏ".

Tất cả 13 tội này, nếu thầy Tỳ Khuru nào phạm một tội nào, mà biết rõ mà dẫu bao nhiêu ngày thì phải phạt tội cấm phòng bấy nhiêu ngày (là phải ở dưới sự hành phạt nhất định của Chư Tăng), khi hành phạt xong còn phải thực hành "Mànatta" (là hành động cho tốt, để Chư Tăng ưa thích) trong 6 đêm nữa, rồi Chư Tăng từ 20 vị trở lên ở đâu thì thầy Tỳ Khuru ấy đến xin "Abbhànakamma" là tăng hợp lại tụng tuyên ngôn cho phép mình nhập chúng). Nếu Chư Tăng không đủ 20 vị, dẫu chỉ thiếu một vị mà vẫn tụng tuyên ngôn cho nhập chúng thì tăng sự ấy cũng không thành tựu đến vị ấy. Về phần Chư Tăng thì cũng bị Đức Phật quở rầy. Làm như thế là việc làm hợp pháp trong tăng sự.

Tôi xin hỏi các Ngài trong 13 tội tăng tằng này các Ngài có trong sạch không?

Tôi xin hỏi lần thứ nhì, các Ngài có được trong sạch không?

Tôi xin hỏi lần thứ ba, các Ngài có được trong sạch không?

Các Ngài được trong sạch nên mới làm thỉnh, tôi xin chứng nhận sự trong sạch của các Ngài, do nơi sự làm thỉnh ấy.

Dứt phân kê về tăng tằng.

ANIYAT ' UDDESO

Ime kho pan ' àyasmanto dve aniyatà dhammà uddesam àgacchanti.

1. Yo pana bhikkhu mātugāmena saddhim eko ekāya raho paticchane āsane almkammaniye nissajjam kappeyya, tamenam saddheyyavacasā upasikā disvā tinnam dhammānam annatarena vadeyya pārājikena vā sanghādisesena vā pācittiyena vā, nisajjam bhikkhu patijānamāno tinnam dhammānam annatarena kàretabbo pārājikena vā sanghādisesena vā pācittiyena vā; yena vā sà saddheyyavacasā upāsikā vadeyya, tena so bhikkhu kàretabbo.

Ayam dhammo aniyato.

2. Na heva kho pana paticchannam āsanam hoti nālamkammaniyam, alanca kho hoti mātugāmam dutthullāhi vācāhi obhāsitum.

Yo pana bhikkhu tathārūpe āsane mātugāmena saddhim eko ekāya raho nisajjam kappeyya, tamenam saddheyya vacasā upāsikā disvā dvinnam dhammānam annatarena vadeyya sanghādisesena vā pācittiyena vā, nisajjam bhikkhu pītijānamāno dvinnam dhammānam annatarena kàretabbo sanghādisesena vā pācittiyena vā, yena vā sà saddheyya vacasā upāsikā vadeyya, tena so bhikkhu kàretabbo.

Ayampi dhammo aniyato.

Udditthā kho àyasmanto dve aniyatà dhammā.

Tatth' àyasmante pucchāmi kacittha parisuddhā?

Dutiyampi pucchāmi kacittha parisuddhā?

Tatiyampi pucchāmi kacittha parisuddhā?

Parisuddhetth' àyasmanto tasmā tunhī

Evametam dhārayāmi.

Aniyat' uddeso nitthito.

---o0o---

PHẦN KỂ RA VỀ BẤT ĐỊNH

Bạch các Ngài, hai pháp Bất Định này tôi xin kể ra là:

1. Thầy Tỳ Khuru nào, một mình ngồi nơi thanh vắng kín đáo với một người phụ nữ, có thể hành dâm được. Có người tín nữ đáng tin (1) thấy và đem đi tố cáo một trong ba tội, là tội Bất Cộng Trụ, tội Tăng Tàng, tội Ứng Đối Trị. Nếu vị Tỳ Khuru ấy thú nhận có ngồi thiết, thì luật sư phải xử một tội trong ba tội là: Bất Cộng Trụ, Tăng Tàng, Ứng Đối Trị. hon nữa, nếu người tín nữ ấy tố cáo quả quyết tội nào thì luật sư phải xử tội ấy.

Pháp này gọi là bất định (vì không thể nhất định trước là tội nào trong ba tội).

2. Nếu thiết chỗ trống trải, là chỗ không có che dưng, không thể hành dâm được; nhưng mà chỗ ấy có thể nói những lời tục tiểu để trêu ghẹo phụ nữ được.

Thầy Tỳ Khuru nào, một mình ngồi nơi chỗ như thế ấy với một người phụ nữ, có người tín nữ đáng tin, thấy và đem đi tố cáo một trong hai tội là Tăng Tàng, Ứng Đối Trị. Nếu vị Tỳ Khuru ấy thú nhận có ngồi thiết, thì luật sư phải xử một tội nào trong hai tội là Tăng Tàng và Ứng Đối Trị.

Nhưng mà nếu người tín nữ ấy tố cáo tội nào thì luật sư phải xử ngay tội ấy.

Pháp này cũng gọi là Bất Định vậy.

Bạch các Ngài, hai pháp Bất Định tôi đã kể ra rồi.

Tôi xin hỏi các Ngài, hai pháp Bất Định này các Ngài có được trong sạch không? Tôi xin hỏi lần thứ nhì, các Ngài có được trong sạch không? Tôi xin hỏi lần thứ ba, các Ngài có được trong sạch không?

Các Ngài trong sạch nên mới làm thỉnh.

Tôi xin chứng nhận các Ngài, do sự nơi làm thỉnh ấy.

"Dúrt phần kể ra về Bất Định".

-ooOoo-

NISSAGGIYE VITTHÀR ' UDDESO

Ime kho pan ' àysamanto timsa nissaggiyâ pàcittiyâ dhammà uddesam àggacchanti.

1. Nitthitacivarasmim bhikkhumà ubbhatasmim kathine, dasàhaparamam atirekacivaram dhàratabbam tam atikkàmayato, nissaggiyam pàcittiyam.

2. Nitthitacivarasmim bhikkhunà ubbhatasmim kathine, ekarattampi ce bhikkhu ticivarena vippavaseyya, annatra bhikkhusammatiyâ nissaggiyam pàcittiyam.

3. Nitthitacivarasmim bhikkhunà ubbhatasmim kathine, bhikkhuno pan ' eva akàlacivaram uppajjeyya, àkankhamàna bhikkhunà patiggahetabbam, pitiggahetvâ khipp'eva kàretabbam, no cassa pàripùri, māsaparamantenà bhikkhunà tam cìvaram nikkhipitabbam. Unassa pàripùriyâ satiyâ paccàsaya, tato ce uttarim nikkhipeyya, sàtiyâpi paccàsaya, nissaggiyam pàcittiyam.

4. Yo pana bhikkhu annatikàya bhikkhuniyâ puràna cìvaram dhovàpeyya và rajàpeyya và àkotàpeyya và, nissaggiyam pàcittiyam.

5. Yo pana bhikkhu annatikàya bhikkhuniyâ hatthato cìvaram patigganheyya, annatra pàrivattakà, nissaggiyam pàcittiyam.

6. Yo pana bhikkhu annatakam gahapatim và gahapatanim và cìvaram vinnàpeyya, annatra समयâ, nissaggiyam pàcittiyam, tatth' ayam samayo? Acchinnacivaro và hoti bhikkhu nattha cìvaro và. Ayam attha samayo.

7. Tance annàtako gahapati và gahàtani và bahùhi cìvarehi abhihatthum pavàreyya santar ' uttara paramantena bhikkhunà tato cìvaram sàditabbam, tato ce uttarim sadiyeyya, nissaggiyam pàcittiyam.

8. Bhikkhum pan'eva uddissa annàtakassa gahapatissa và gahapatàniyâ và cìvaracetàpanam upakkatam hoti: Iminà cìvaracetàpanena cìvaram cetàpetvâ itthannàmam bhikkhum cìvarena acchàdessamiti.

Tatra ce so bhikkhu pubbe appavàrito upasankamitvā cīvare vikappam āpajjeyya: Sādhu vata mam āyasmā iminā cīvaracetāpanena evarūpam vā evarūpam vā cīvaram cetāpetvā acchādehīti, kalyānā kamyatam upādāya, nissaggiyam pācittiyam.

9. Bhikkhum pan' eva uddissa ubhinnam annātakānam gahapatinam vā gahapatānīnam vā paccekacīvara, cetāpanā upakkhatā honti:

Imehi mayam pacceka cīvaracetāpanehi paccekacīvarāni cetāpetvāitthannāmam bhikkhum cīvarehi acchādessāmāti.

Tatra ce so bhikkhu pubbe appavàrito upasankamitvā cīvare vikappam āpajjeyya: Sādhu vata mam āyasmanto imehi paccekacīvarecetāpanehi evarupam vā evarupam vā cīvaram cetāpetvā acchādetha ubho va santā ekenāti, kalyānakamyatam upādāya, nissaggiyam pācittiyam.

10. Bhikkhum pan' eva uddissa rājā vā rajabhoggo vā brāhmano vā gahapatiko vā dūtena cīvara cetāpanampahineyya. Iminā cīvaracetāpanena cīvaram cetāpetvā itthannāmam bhikkhum cīvarena acchādehīti. So ce duto tam bhikkhum upasankamitvā evam vadeyya: Idam kho bhante āyasmantam uddissa cīvaracetāpanam ābhātam, patigganhātu āyasmā cīvaracetāpananti.

Tena bhikkhunā so dūro evamassa vacaniyo: Na kho mayam āvuso cīvaracetāpanam patigganhama, cīvaranca kho mayam patigganhāma kālena klappiyanti.

So ce duto tam bhikkhum evam vadeyya: Natthi pan ' āyasmanto koci veyyāvaccakaroti.

Cīvar'atthiena bhikkhave bhikkhunā veyyāvaccakaro niddisītabho ārāmiko vā upāsako vā: Eso kho āvuso bhikkhunam veyyāvaccakaroti.

So ce duto tam veyyāvaccakaram sannāpetvā, tam bhikkhum upasankamitvā, evam vadeyya: Yam kho bhante āyasmā veyyāvaccakaram niddisi sannatto so māyā, upasankamatu āyasmā, kālena cīvarena tam acchādessāmāti.

Cīvar'atthikena bhikkhave bhikkhunā veyyāvaccakaro upasankamitvā dvittikkattum codetabbo sàretabbo attho me āvuso cīvarenāti.

Dvittikkhattum codayamàno sàrayamàno tam cìvaram abhinipphàdeyya, iccetam kusalam; no ce abhinipphàdeyya, catukkhattum pancakkhattum chakkhatt' uparamam tunhìbhùtena uddissa thàtabbam, catukkhattum pancakkhattum chakkhatt'uparamam tunhìbhùto uddissa titthamàno tam cìvaram abhinipphàdeyya, iccetam kusalam; no ce abhinipphàdeyya, iccetam kudalam; no ce abhinipphàdeyya, tato ce uttarim vāyamamàno tam cìvaram abhinipphàdeyya, nissaggiyam pàcittiyam, no ce abhinipphàdeyya, yatssa cìvaracetāpanam àbhtam, tatthasānam vā gantabbam duto vā pàhetabbo yam kho tumhe àyasmanto bhikkhum uddissa cìvaracetāpanam pahinittha, na tam tassa bhikkhuno kinci attham anubhoti, yunjan'àyasmanto sakam, mà vo sakam vinassàti. Ayam tattha sàmìci.

"Cìvaravaggo pathamo"

* * *

11. Yo pana bhikkhu kosiyamissakam santhatam kàràpeyya, nissaggiyam pàcittiyam.

12. Yo pana bhikkhu suddha kàlakānam elakalomānam santhatam kàràpeyya, nissaggiyam pàcittiyam.

13. Navam pana bhikkhunā santhatam kàrayamānena dve bhāgā suddhakālakānam elakalomānam àdātabbā tatiyam odātānam, catuttham gocariyānam.

Aønàdā ce bhikkhu dve bhāge suddhakālakānam elakalomānam tatiyam odātānam catuttham gocariyānam navam santhatam kàràpeyya, nissaggiyam pàcittiyam.

14. Navam pana bhikkhunā santhatam kàràpetvā chabbassāni dhàretabbam. Orena ce channam vassānam tam santhantam vissajjetvā vā avissajjetvā vā annam navam santhatam kàràpeyya, antra bhikkhu sammatiyā, nissaggiyam pàcittiyam.

15. Nisīdanasanthatam pana bhikkhunā kàrayamānena purāna santhatassa samantā sugatavidatthi àdātabbā dubbannakaranāya. Aønàdā ce bhikkhu purāna santhatassa santhatam kàràpeyya, nissaggiyam pàcittiyam.

16. Bhikkhuno pan'eva addhàna maggappatipannassa elakalomàni uppajjeyyum, akankhamàna bhikkhunà patiggahetabbàni patiggahetvā tiyojanaparamam sahatthā hāratābbani asante hārake, tato ce uttarim hareyya asantepi hārake, nissaggiyam pācittiyam.

17. Yo pāna bhikkhu annatikāya bhikkhuniyā elakalomàni dhovāpeyya vā rajjāpeyya vā vijjāpeyya vā nissaggiyam pācittiyam.

18. Yo pana bhikkhu jātarūpa rajatam uggan heyya vā ugganhāpeyya vā upanikkhittam vā sādīpeyya, nissaggiyam pācittiyam.

19. Yo pana bhikkhu nānappakārakam rūpiya samvohāram samapajjeyya, nissaggiyam pācittiyam.

20. Yo pana bhikkhu nānappakārakam vikkayam samāpajjeyya, nissaggiyam pācittiyam.

"Kosiyavaggo dutiyo"

* * *

21. Dasāhaparamam atirekapatto dhāretabbo, tam atikkāmayato, nissaggiyam pācittiyam.

22. Yo pana bhikkhu ùnapanca bandhanena oattena annam navam pattam cetāpeyya, nissaggiyam pācittiyam. Tena bhikkhunā so patto bhikkhuparisāya nissajjitabbo. So ca tassā bhikkhu parisāya pattapariyanto, so ca tassa bhikkhuno padātabbo: ayante bhikkhu patto yāva bhedanāya dhāretabboti. Ayam tattha sāmīcī.

23. Yāni kho pana tāni gilānānam bhikkhunam patisāyaniyāni bhesajjāni, seyyathīdam: sappi navanītam telam madhu phānītam, tānipatiggahetvā sattāha paramam sannidhi kārakam paribhunjītabhāni, tam atikkāmayato, nissaggiyam pācittiyam.

24. Māso seso gimhānanti bhikkhunā vassika sātīkacīvaram pariyesitabbam.

Addhamāso sesogimhānanti katvā nivāsetabbam. Oārena ce māso seso gimhānanti vassikasātīkacīvaram pariyeseyya orenaddhamāso seso gimhānanti katvā nivāseyya, nissaggiyam pācittiyam.

25. Yo pana bhikkhu bhikkhussa sàmmam cìvaram datvā kupito anattamani acchindeyya vā acchindāpeyya vā, nissaggiyam pācittiyam.

26. Yo pana bhikkhu bhikkhussa sàmmam suttam vinnapetvā tantavāyehi cìvaram vāyāpeyya, nissaggiyam pācittiyam.

27. Bhikkhum pan'eva uddissa annātakō gahapati vā gahapatāni vā tantavāyehi cìvaram vārāpeyya. Tatra ceso bhikkhu pubbe appavārito tantavāye upasankamitvā cìvare vikappam āpajjeyya: idam kho āvuso cìvaram mam uddissa vīyati āyatanca karotha, vitthatanca, appitanca, suvītanca, suppvāyītanca, suvīlekhitānca, suvītacchītanca karotha; appeva nāma mayampi āyasmantānam kinci mattam anuppadajjeyyāmati.

Evanca so bhikkhu vatvā kinci mattam anuppadajjeyyā antamaso pīdapātāmatampi, nissaggiyam pācittiyam.

28. Das'āhānāgatam kattika temāsīpunnamam, bhikkhuno pan'eva accekacìvaram uppajjeyya, accekam mannāmānena bhikkhunā patiggahetabbam patiggahetvā yācācìvāra kālasamayam nikkhipitabbam, tato ce uttarim nikkhipeyya, nissaggiyam pācittiyam.

29. Upavassam kho pana kattikapunnamam. Yāni kho pana tāni ārannākāni senāsānāni sāsankasammatāni sappatibhayani, tathārūpesu bhikkhu senāsānesu viharanto, ākankhamāno tinnam cìvarānam anntaram cìvaram antaraghare nikkhipeyya. Siyā ca tassa bhikkhuno kocideva paccayo tena cìvarena vīppavāsāya ch'ārattaparamantena bhikkhunā tena cìvarena vīppavasitabbam. Tato ce uttarim vīppavaseyya, anantra bhikkhu sammatiyā, nissaggiyam pācittiyam.

30. Yo pana bhikkhu jānam sanghikam lābham parinatam attano parīnāmeyya, nissaggiyam pācittiyam.

Udditthā kho āyasmanto timsa nissaggiyā pācittiyā dhammā.

Tattha'āyasmante pucchāmi, kaccittha parisuddhā?

Dutiyampi pucchāmi, kaccittha parisuddhā?

Tatīyampi pucchāmi, kaccittha parisuddhā?

Parisuddheth'âyasmanto, tasmà tunhì.

Evametam dhàrayâmi.

"nissaggiyâ pàcittiyâ nitthità"

---o0o---

PHẦN KỂ RA VỀ ƯNG XÃ ĐỐI TRỊ

Bạch các Ngài, 30 pháp Ưng Xã Đối Trị tôi xin kể ra như là:

1. Khi y đã làm xong, hiệu lực của lễ dâng y đã hết hạn. Thầy Tỳ Khuru nếu có giữ y mới, được giữ lâu lắm là 10 ngày, nếu cất giữ quá hạn kỳ, thì y ấy phải xả bỏ đi, thầy Tỳ Khuru ấy phạm tội Ưng Đối Trị.
2. Khi đã làm y xong, hiệu lực của lễ dâng y đã hết hạn nếu thầy Tỳ Khuru còn xa lìa tam y, dầu trong một đêm, y ấy phải xả bỏ, thầy Tỳ Khuru ấy phạm tội Ưng Đối Trị, trừ ra thầy Tỳ Khuru nào được lệnh Chư Tăng cho phép.
3. Khi đã làm y xong, hiệu lực của lễ dâng y đã hết hạn nếu có người dâng y ngoài hạn kỳ đến thầy Tỳ Khuru, nếu thầy Tỳ Khuru cần dùng thì lãnh, khi lãnh xong phải đo cất cho lẹ, nếu y ấy còn thiếu may không đủ, thầy Tỳ Khuru ấy được phép cất giữ lâu lắm là một tháng. Nếu ý muốn kiến vải dầu cho có ý muốn thêm nữa, y ấy cũng phải xả bỏ, thầy Tỳ Khuru ấy phạm Ưng Đối Trị.
4. Thầy Tỳ Khuru nào sai Tỳ Khuru ni không phải là bà con, giặt, nhuộm, xả y cũ ấy phải xả bỏ, thầy Tỳ Khuru ấy phạm Ưng Đối Trị.
5. Thầy Tỳ Khuru nào, thọ lãnh y của Tỳ Khuru ni không phải là thân quyến, y ấy phải xả bỏ, thầy Tỳ Khuru ấy phạm tội Ưng Đối Trị, trừ ra đổi y cho nhau.
6. Thầy Tỳ Khuru nào, xin y của nam gia chủ hoặc nữ gia chủ không phải là thân quyến thì phạm Ưng Đối Trị, y ấy phải xả bỏ, trừ ra có trường hợp trong điều học này là: thầy Tỳ Khuru bị ăn cướp đoạt y, hoặc y bị hư hại, đây là trường hợp trong điều học này.

7. Có nam gia chủ, nữ gia chủ, không phải là thân quyến, đem y đến thật nhiều, yêu cầu thầy Tỳ Khuru lãnh, nếu thầy Tỳ Khuru ấy có vui thích thì chỉ lãnh nhiều lắm là 2 lá y: là y nội và y vai trái trong số y của người đem đến đó. Nếu vui thích lãnh nhiều hơn số ấy thì phạm tội Ưng Đối Trị, y dư ấy phải xả bỏ.

8. Nếu có nam gia chủ hoặc nữ gia chủ, không phải là thân quyến, họ để riêng một số tiền để mua y dâng cho thầy Tỳ Khuru và nói rằng: "Với số tiền này tôi sẽ mua y dâng cho vị Tỳ Khuru tên đó mặc". Nếu vị Tỳ Khuru ấy không phải là người mà họ đã "yêu cầu trước" đến nơi gia chủ ấy nói nhất định như thế này: "Tốt thay, các người nên mua y thứ này, thứ này với số tiền ấy, dâng cho tôi mặc" vì muốn được y tốt theo ý mình, thì phạm tội Ưng Đối Trị, y ấy phải xả bỏ.

9. Nếu có nam gia chủ hoặc nữ gia chủ hai người, không phải là thân quyến của vị Tỳ Khuru, họ hùn lại một số tiền để mua y dâng cho một vị Tỳ Khuru và nói rằng: "Chúng ta sẽ mua y riêng ra với số tiền hùn riêng của mỗi người, rồi đem dâng cho vị Tỳ Khuru tên này vận và mặc". Nếu vị Tỳ Khuru ấy không phải là người mà họ "đã yêu cầu trước" đến nhà họ rồi nhất định y nói như thế này: "Tốt thay, các người nên hùn lại, rồi mua y như thế này, thế này với số tiền đó dâng dâng cho tôi mặc và vận". Vì muốn được y tốt theo như ý mình, thì phạm tội Ưng Đối Trị, y ấy phải xả bỏ.

10. Đức vua, Quan lại, Bà la môn, hoặc gia chủ sai người phụ sự cho mình, đem một số tiền để mua y dâng đến một vị Tỳ Khuru và nói rằng: "Người đem số tiền này đi mua y rồi dâng cho vị Tỳ Khuru tên này, vận và mặc".

Nếu người phụ sự ấy đến kiếm vị Tỳ Khuru ấy và nói rằng: "Bạch Ngài, số tiền mua y này tôi đem đến xin dâng cho Ngài, xin Ngài thọ lãnh. Thầy Tỳ Khuru ấy nên nói với người ấy rằng: "Này người ơi! Tôi không thể lãnh số tiền mua y này được, tôi chỉ có lãnh y được trong khi cần dùng thôi". Người phụ sự hỏi vị Tỳ Khuru như vậy: "Ngài có người nào hầu hạ không?"

Này các thầy Tỳ Khuru, thầy Tỳ Khuru cần dùng y thì nên chỉ người giúp việc trong chùa hoặc thiện tín và nói rằng: "Này người, đây là người phụng sự cho tất cả Chư Tăng".

Người tay sai ấy bèn nói chỉ cách cho người phụng sự ấy hiểu biết công việc rồi, đến bạch với vị Tỳ Khuru ấy rằng: "Bạch Ngài, Ngài chỉ người phụng sự

nào, tôi đã cắt nghĩa cho người ấy hiểu biết rồi, lúc nào Ngài cần dùng y, xin Ngài đến kiểm họ thì họ sẽ dâng y cho Ngài mặc"

Này các thầy Tỳ Khuru, khi thầy Tỳ Khuru cần dùng y nên nhắc nhở người phụng sự ấy hai hoặc ba lần và nói rằng: "Này người, tôi muốn cần dùng y". khi thầy Tỳ Khuru ấy nhắc nhở đôi ba lần mà được lãnh y thì sự được ấy rất hợp pháp vậy, nếu không được y, thì nên đến trước mặt người ấy đứng làm thỉnh, bốn lần, năm lần hoặc sáu lần là nhiều; khi đứng làm thỉnh trước mặt người ấy, bốn lần, năm lần hoặc sáu lần mà lãnh được y ấy thì sự được y ấy rất tốt vậy; Nếu không lãnh y được, mà thầy Tỳ Khuru ấy cũng cứ cố gắng đòi hơn cách đã nhất định ấy cho đến khi được y, thì Tỳ Khuru ấy phạm Ưng Đối Trị, y được ấy phải xả bỏ.

Nếu như đòi (đúng luật định) mà không được.

Giá tiền ấy sấm y cho vị Tỳ Khuru ấy, từ người nào sai đem tới, thầy Tỳ Khuru ấy tự mình đi hoặc sai người nào đi đến chỗ người chủ ấy mà nói rằng: "Này quý ông, các ông cho đem số tiền để mua y dâng cho vị nào, số tiền ấy không có được lợi ích chút đỉnh chi đến vị Tỳ Khuru ấy. Vậy các ông nên đòi lấy của ấy lại, đừng để của ấy mất đi vô ích".

Đây là cách nên thực hành trong điều học này.

"Dứt phần thứ nhất về loại y"

* * *

11. Thầy Tỳ Khuru nào làm ngọa cụ có trộn tơ tằm thì phạm tội Ưng Đối Trị, ngọa cụ ấy phải xả bỏ.

12. Thầy Tỳ Khuru nào, cho người làm ngọa cụ toàn bằng lông cừu đen, thì phạm tội Ưng Đối Trị, ngọa cụ ấy phải xả bỏ.

13. Khi thầy Tỳ Khuru cho người làm ngọa cụ mới, phải lấy lông cừu đen hai phần, lông cừu trắng một phần thứ ba, và lông cừu đỏ một phần thứ tư, nếu thầy Tỳ Khuru không lấy lông đen hai phần, trắng một phần, đỏ một phần mà cho người làm ngọa cụ mới thì phạm Ưng Đối Trị, ngọa cụ ấy phải xả bỏ.

14. Khi thầy Tỳ Khuru cho người làm ngọa cụ mới, nên dùng xài đến 6 năm. Nếu chưa đúng 6 năm mà thầy Tỳ Khuru ấy bỏ đi, hoặc không bỏ chẳng hạn

mà cho người làm ngoại cụ mới khác nữa thì phạm Ứng Đối Trị, ngoại cụ ấy phải xả bỏ. Trừ ra thầy Tỳ Khuru nào được lệnh Chư Tăng cho phép.

15. Khi thầy Tỳ Khuru cho người làm ngoại cụ để trải ngồi, phải lấy ngoại cụ cũ, một gan vuông vức của Đức Phật, đặng trộn chung lại làm cho ngoại cụ mới ấy xảm màu bớt đi. Nếu cho làm ngoại cụ mới mà không lấy tọa cụ cũ cắt lấy một gan vuông vức của Đức Phật, để trộn lộn với tọa cụ mới, thì phạm Ứng Đối Trị, tọa cụ ấy phải xả bỏ.

16. Nếu thầy Tỳ Khuru đi đường xa mà có người dâng lông cừ, nếu cần dùng thì được phép lãnh, khi lãnh rồi nếu không có ai mang hộ cho, thì chỉ được phép tự mình mang theo xa lắm là ba do tuần, mà không có người mang thế cho thì phạm Ứng Đối Trị, lông cừ ấy phải xả bỏ.

17. Thầy Tỳ Khuru nào, sai Tỳ Khuru ni không phải là thân quyến rửa, nhuộm, chải lông cừ, thì phạm Ứng Đối Trị, lông cừ ấy phải xả bỏ.

18. Thầy Tỳ Khuru nào tự mình thọ lãnh hoặc biểu người khác thọ lãnh, hoặc vui thích vàng bạc của người dâng cho, phạm Ứng Đối Trị, vàng bạc ấy phải xả bỏ.

19. Thầy Tỳ Khuru nào, mau bán vật này vật kia với tiền bạc thì phạm Ứng Đối Trị, vật mua bán ấy phải xả bỏ.

(Trừ ra có một người thế đứng trung gian mua bán cho)

20. Thầy Tỳ Khuru nào, mua bán đồ vật với đồ vật, thứ này thứ kia, phạm tội Ứng Đối Trị, vật mua bán ấy phải xả bỏ.

"Dứt phần thứ nhì về loại tơ tầm"

* * *

21. Thầy Tỳ Khuru có cất giữ bình bát mới được, lâu lắm là 10 ngày, nếu cất giữ quá luật định thì phạm Ứng Đối Trị. Bình bát ấy phải xả bỏ.

22. Thầy Tỳ Khuru nào bình bát nứt bể chưa đủ năm chỗ, mà cho người đi kiếm bát mới khác phạm Ứng Đối Trị, bát ấy phải xả bỏ, theo thứ tự của tăng chúng, bình bát nào cuối cùng của vị Tăng, thì thầy Tỳ Khuru mà Tăng đã sai phải đưa bình bát ấy, đưa cho vị Tỳ Khuru ấy và nói rằng: "Đây là bình

bát của đạo hữu, đạo hữu phải dùng xà cho đến khi bể. Đó là cách thực hành tốt đẹp trong cách xả bỏ bát vậy.

23. Thuốc chữa bệnh nào, mà thầy Tỳ Khuru có bệnh phải cần dùng như là: bơ đặt, bơ tươi, dầu, mật ong, đường. Thầy Tỳ Khuru thọ lãnh các vật để chữa bệnh này, để thọ dụng (uông) có lâu lắm là trong 7 ngày.

Nếu để quá bảy ngày thì phạm tội Ưng Đối Trị, các vật chữa bệnh ấy phải xả bỏ.

24. Còn một tháng cuối cùng của mùa nắng. thầy Tỳ Khuru nên kiểm y để tắm mưa, khi còn nửa tháng nữa phải làm cho xong và được phép dùng xà; nếu chưa đến một tháng cuối mùa nắng mà thấy Tỳ Khuru đi kiểm y để tắm mưa và chưa đến nửa tháng cuối mùa nắng mà đã làm xong và dùng xà thì phạm Ưng Đối Trị, y ấy phải xả bỏ.

25. Thầy Tỳ Khuru nào đã cho y đến vị Tỳ Khuru khác rồi, khi sân hận, bất bình, đòi giựt lại, hoặc biểu người khác đòi giựt lại, thì phạm tội Ưng Đối Trị, y lấy lại ấy phải xả bỏ.

26. Thầy Tỳ Khuru nào, tự mình xin chỉ vải đem cho thợ dệt, dệt y cho mình phạm Ưng Đối Trị, y ấy phải xả bỏ.

27. Có nam gia chủ hoặc nữ gia chủ, không phải là thân quyến của thầy Tỳ Khuru, cho bọn thợ dệt, dệt y để dâng đến một vị Tỳ Khuru. Thầy Tỳ Khuru ấy thí chủ cũng không có yêu cầu trước, tự nhiên đến kiểm bọ thợ dệt mà bảo rằng: "Này các người y này họ cho dệt để dâng cho tôi, vậy các người nên dệt cho dày, cho rộng, cho khít, cho đều, cho dè dặt, cho thẳng, cho láng, rồi tôi sẽ thưởng thêm chút ít cho các người. Khi thầy Tỳ Khuru ấy nói như thế rồi thưởng thêm cho họ chút ít chỉ, dầu cho chỉ thưởng thêm bằng vật thực đi bát được cũng phạm tội Ưng Đối Trị, y ấy phải xả bỏ.

28. Còn 10 ngày nữa sẽ đến ngày Rằm tháng Kattikà (1) (tháng 9 âm lịch) là tháng thứ ba của mùa mưa, nếu có y "đặc biệt" phát sanh lên đến các thầy Tỳ Khuru, thầy Tỳ Khuru cho rằng đây là "Y đặc biệt" thì nên lãnh lấy. Khi lãnh rồi nên cất giữ cho đến hạn kỳ (2). Nếu cất giữ quá hạn kỳ thì phạm Ưng Đối Trị, y ấy phải xả bỏ.

29. Khi thầy Tỳ Khuru đã nhập hạ xong, đúng ngày Rằm tháng Kattikà (tháng 9) ra hạ. Các tịnh thất nơi rừng mà người ta cho rằng đáng nghi ngờ

hoặc có sự đáng kinh sợ. Nếu thầy Tỳ Khuru ở nơi chỗ bất lợi như thế ấy, nếu muốn gởi y vào xóm, một nơi trong ba cái nào cũng được. Nếu có chuyện cần chi muốn đi khỏi nơi ấy thì chỉ được phép đi xa y ấy trong sáu đêm là lâu lắm. Nếu đi quá sự nhất định ấy thì phạm tội Ưng Đối Trị, y ấy phải xả bỏ.

30. Thầy Tỳ Khuru nào, khi biết rõ vật cúng dường mà người nhất định để dâng đến Chư Tăng, nhưng nói (đoạt) để cho người dâng cho mình thì phạm Ưng Đối Trị, vật được ấy phải xả bỏ.

Dứt phần thứ ba về loại bình bát.

Bạch các Ngài, 30 pháp Ưng Đối Trị tôi đã kể ra rồi.

Tôi xin hỏi các Ngài, trong 30 pháp ấy các Ngài có được trong sạch không?

Tôi xin hỏi lần thứ nhì, các Ngài có được trong sạch không?

Tôi xin hỏi lần thứ ba, các Ngài có được trong sạch không?

Các Ngài được trong sạch nên mới làm thính.

Tôi xin chứng nhận các Ngài đã được trong sạch, do sự làm thính ấy.

"Dứt phần kể ra về Ưng xả Đối Trị".

--- o0o ---

PÀCITIYE VITTHAR' UDDESO

Ime kho pan'âyasmanto dvenavuti pàcittiyâ dhammà uddesam àgacchanti.

1. Sampajāna musāvāde pàcittiyam.
2. Omasāvāde pàcittiyam.
3. Bhikkhu pesunne pàcittiyam.

4. Yo pana bhikkhu anupasampannam padaso dhamma vāceyya pācittiyam.
5. Yo pana bhikkhu anupasampanna uttari dvirattatirattam saha seyyam kappeyya, pācittiyam.
6. Yo pana bhikkhu mātugāmena saba seyyam kappeyya, pācittiyam.
7. Yo pana bhikkhu mātugāmassa uttari chappanca vācāhi dhamma deseyya, annatra vinnunā purisa viggahena, pācittiyam.
8. Yo pana bhikkhu anupasampannassa uttarimanussadhammam āroceyya, bhūtasim, pācittiyam.
9. Yo pana bhikkhu bhikkhussa dutthullam āpattim anupasampannassa āroceyya, annatra bhikkhu sammatiyā, pācittiyam.
10. Yo pana bhikkhu pathavim khaneyya vā khanāpeyya vā, pācittiyam.

Musāvāda vaggo pathamo

* * *

11. Bhutagāma pātabyatāya pācittiyam.
12. Anna vādake vihesake pācittiyam.
13. Ujjhāpanake khīyanake pācittiyam.
14. Yo pana bhikkhu sanghikam mancam vā pītham vā bhisim vā koccham vā ajjh' okāse san tharivā vā santharāpetvā vā, tam pakkamanto Ngāi'eva uddhareyya na uddharāpeyya anāpuccham vā gaccheyya pācittiyam.
15. Yo pana bhikkhu sanghike vihāre seyyam santharivā vā santharāpetvā vā, tam pakkamanto Ngāi'eva uddhareyya na uddharāpeyya anāpuccham vā gaccheyya, pācittiyam.
16. Yo pana bhikkhu sanghike vihāre jānam pubb' ūpagatam bhikkhum anuppakhajja seyyam kappeyya: yassa sambādho bhavissati, so pakkamissatīti, etad' eva pacayam karivā anannam, pācittiyam.

17. Yo pana bhikkhu bhikkhum kupito anattamano sanghikà vihàrà nikkaddheyya và nikkaddhàreyya và, pacittiyam.

18. Yo pana bhikkhu sanghike vihàre uparivehàsakutiyâ àhaccapàdakam mancam và pàtham và abhinisideyya và abhinipajjeyya và, pacittiyam.

19. Mahallakam pana bhikkhunà vihàram kàrayamàna yâva dvàrakosà aggalatthapanàya àlokasandhiparikam màya, dvitticchadanassa pariyâyam appharite thitena adhitthatabbam, tato ce uttarim appaharitepi thito adhitthaheyya, pacittiyam.

20. Yo pana bhikkhu jànam sappànakam udakam tinam và mattikam và sinceyya và sincàpeyya và, pacittiyam.

Bhùtagàma vaggo dutiyo.

* * *

21. Yo pana bhikkhu asammato bhikkhuniyo ovadeyya, pacittiyam.

22. Sammatopi ce bhikkhu, atthangate suriya, bhikkhuniyo ovadeyya, pacittiyam.

23. Yo pana bhikkhu bhikkhun' àpassayam upasan tamitvà bhikkhuniyo ovadeyya, annatra samayâ, pacittiyam. Tatt' àyam samayo: gilàmà hoti bhikkhunì, àyam tattha samayo.

24. Yo pana bhikkhu evam vadeyya: àmisahetu bhikkhù bhikkhuniyo ovadantiti, pacittiyam.

25. Yo pana bhikkhu annàtikàya bhikkhuniya cìvaram dadeyya, annatra pàrivattakà, pacittiyam.

26. Yo pana bhikkhu annàtikàya bhikkhuniyâ cìvaram sibheyya và sibbàpeyya và pacittiyam.

27. Yo pana bhikkhu bhikkhuniyâ saddhim samvidhàya ekaddhàna maggam patipajjeyya, antamaso gàmantarampi, annatra samayâ, pacittiyam. Tatt' àyam samayo: Satthagamaniyo hoti magga, sàsankasammato, sappatibhayo ayam tattha samayo.

28. Yo pana bhikkhu bhikkhuniyâ saddim samvidhàya ekanàvam abhirùheyya, uddhangàminim và adhogàminim và, annatra tiriyantaranàya, pàcittiyam.

29. Yo pana bhikkhu jànam bhikkhunì paripàcitam pindapàtam bhunjeyya annatra pubbe gihisamàrambhà, pàcittiyam.

30. Yo pana bhikkhu bhikkhuniyâ saddhim eko ekàya raho nisajjam kappeyya, pàcittiyam.

Ovādavaggo tatiyo

* * *

31. Agilānena bhikkhunà eko àvasathapindo bhijitabbo, tato ce uttarim bhunjeyya, pàcittiyam.

32. Ganabhojane antrà samayâ, pacittiyam. Tatt' àyam samayo: gilānasamayo, cìvaradābasamayo, cìvarakārasamayo, addhānagamanasamayo nāvābhirūhanasamayo, mahāsamayo, samanabhatta samayo; ayam tattha samayo.

33. Paramparabhojane annatra samayâ, pacittiyam. Tatt' àyam samayo: gilānasamayo cìvaradānasamayo cìvarakārasamayo; ayam tattha samayo.

34. Bhikkhum pan'eva kulam upagatam pūvehi và manthehi và abhihatthum pavāreyya. Akankhamānena bhikkhunà dvittipattapūrā patiggahetabbā. Tato ce uttarim patigganheyya, pàcittiyam. Dvittipattapūre patiggahetvā tato niharitvā bhikkhūhi saddhim samvibhajitabbam, ayam tattha sāmīci.

35. Yo pana bhikkhu bhuttāvī pavārito anatirittam khādaniyam và bhojaniyam và khādeyya và bhunjeyya và, pàcittiyam.

36. Yo pana bhikkhu bhikkhum bhuttāvim pāvaritam anatirittena khādaniyena và bhojaniyena và abhihatthum pavāreyya: handa bhikkhu khāda và bhunja vāti, jànam àsādanāpekkho, bhuttasmim pàcittiyam.

37. Yo pana bhikkhu vikāle khādaniyam và bhojaniyam và khādeyya và bhunjeyya và, pàcittiyam.

38. Yo pana bhikkhu sannidhikàrakam khàdaniyam và bhojaniyam và khàdeyya và bhunjeyya và, pàcittiyam.

39. Yâni kho pana tàni panìtabhojanàni sayyathìdam: sappi, navanìtam, telam, madhu, phànìtam, maccho, mamsam khìram, dadhi. Yo panna bhikkhu evarùpàni panìtabhojanàni pàcittiyam.

40. Yo pana bhikkhu adinnam mukhadvaram àhàram àhareyya, antra udakadantaponà; pàcittiyam.

Bhojanavaggo catuttho

* * *

41. Yo pana bhikkhu acelakassa và paribbàjakassa và paribbàjikàya và sahatthà khàdaniyam và bhojaniyam và dadeyya, pàcittiyam.

42. Yo pana bhikkhu bhikkhum evam vadeyya: eh' àvuso gàmam và nigamam và pindàya pavisissànàti tassa dāpetvā và adāpetvā và uyyojeyya: gacch'āvuso, na me tayā saddhim kathā và nisajjā và phāsu hoti. Ekakassa me kathā và nisajjā và phāsu hotiti, etad'eva paccayam karitvā anannam, pàcittiyam.

43. Yo pana bhikkhu sabhojane kule anuppakhajja nisajjam kappeyya, pàcittiyam.

44. Yo pana bhikkhu mātugāmena saddhim raho paticchanne àsane nisajjam kappeyya, pàcittiyam.

45. Yo pana bhikkhu mātugāmena saddhim eko ekāya raho nisajjam kappeyya, pàcittiyam.

46. Yo pana bhikkhu nimantito sabhatto sàmano, santam bhikkhum anāpucchā, purebhattam và pacchābhattam và kulesu cārittam àpajjeyya, annatra samayā, pàcittiyam. Tatt' àyam samayo, cìvara dānasamayo, cìvarakārasamayo: ayam tattha samayo.

47. Agilànena bhikkhunà cātummàsappaccayappavàranà sàditabbà, annatra punappavàranàya, annatra niccappavàranàya, tato ca uttarim sàdiyeyya, pàcittiyam.

48. Yo pana bhikkhu nyyuttam senam dassanàya gaccheyya, annatra rathàrùpappaccayâ, pàcittiyam.

49. Siyâ catassa bhikkhuno kocideva paccayo sanam gamanàya, dviratta tirattam tena bhikkhunà sanàya vasitabbam. Tato ce uttarim vaseyya, pàcittiyam.

50. Dviratta tirattance bhikkhu sanàya vasamàno, uyydhikam và balaggam và sanàbyham và anika dassanam và gaccheyya, pàcittiyam.

Acelakavaggo pàncamo

* * *

51. Suràmarayapàne pàcittiyam.

52. Angulippatodake pàcittiyam.

53. Udake hassadhamme pàcittiyam.

54. Anàdariye pàcittiyam.

55. Yo pana bhikkhu bhikkhum bhimsàpeyya, pàcittiyam.

56. Yo pana bhikkhu agilàno, visìvanàpekkho, jotim samàdaheyya và samàdahàpeyya và, annatra tathàrùpappaccaya, pàcittiyam.

57. Yo pana bhikkhu orenaddhamàsam nahàyeyya, annatra samayâ, pàcittiyam. Tatth' àyam samayo, diyaddho mào seso gimhànantì, samayo, diyaddho mào seso, gimhànantì vassànassa pathamo mào, iccate addhateyyamào, unhasamayo, parilahasamayo, gilànasamayo, kammamayo, addhanagamamasamayo vàtavutthisamayo. Ayam tattha samayo.

58. Navam pana bhikkhunà cìvaralàbhena tinnam dubbannakaranànam annataram dubbannakaranam àdàtabbam nilam và kaddamam và kàlasàmam

và. Anàdà ce bhikkhu tinnam dubbannakaranànam ànnataram dubbannakaranam, navam cìvaram paribhunjeyya, pàcittiyam.

59. Yo pana bhikkhu bhikkhussa và bhikkhuniyâ và sikkhamànàya và sàmanerassa và sàmaneriyâ và sàmam ciravam vikappetvâ appaccuddhàrakam paribbhunjeyya, pàcittiyam.

60. Yo pana bhikkhu bhikkhussa pattam và cìvaram và nisidanam và sùcigharam và kàyabandhanam và apanidheyya và apanidhàpeyya và, antamaso hassàpekkhopi, pàcittiyam.

Suràpànavaggo ehattho

* * *

61. Yo pana bhikkhu sancicca pànam jìvità voropeyya, pàcittiyam.

62. Yo pana bhikkhu janam sappànakam udakam paribhunjeyya, pàcittiyam.

63. Yo pana bhikkhu jànam yathàdhammam nìhat'adhikaranam punakkam màya ukkoteyya, pàcittiyam.

64. Yo pana bhikkhu bhikkhussa jànam dhtthulam àpattim paticchàdeyya, pàcittiyam.

65. Yo pana bhikkhu jànam ùnavìsativassam puggalam upasampàdeyya, so ca puggalo anupasampanno, te ca bhikkhù gàrayhà. Idam tasmim pàcittiyam.

66. Yo pana bhikkhu jànam theyyasatthena saddhim samvidhàya ek'addhàna maggam patipajjeyya, antamaso gàmanta rampi, pàcittiyam.

67. Yo pana bhikkhu màtugamena saddhim samvidhàya ek'addhànamaggam patipajjeyya, antamaso gàmanta rampi, pàcittiyam

68. Yo pana bhikkhu evam vadeyya; tath'àham bhagavatà dhammam desitam ajànàmi; yathà yeme antaràyikà dhammà vuttà bhagavatà, te patisevato nàlam antaràyâyâti. So bhikkhu bhikkhuhi evamassa vacaniyo, mà àyasmà evam avaca, mà bhagavantam abbhàcikkhi, na hi sàdhu bhagavato abbhakkhanam na hi bhagavà evam vadeyya; anekapariyâyena àvuso antaràyikà dhammà vuttà bhagavatà, alanca pana te patisevato

antarâyâyâti. Evanca so bhikkhu bhikkhuhi vuccamàno, tatth'eva pagganheyya, so bhikkhu bhikkhuhi yâvatatiyam samanubhàsitabbo tassa patinissaggâya.

Yâvatatiyance samanubhàsiyamàno tam patinissajjeya iccetam kusalam; noce patinissajjeyya pàcittiyam.

69. Yo pana bhikkhu jànam tathàvàsina bhikkhunà akatànudhammena tam ditthim appatinissajjena saddhim sambunjeyya và samvaseyya và saha và seyyam kappeyya, pàcittiyam.

70. Saman'uddesopi ce evam vadeyya that'àham bhagavatà dhammam desitam àjànàmi; yathà yeme antarâyikà dhammà vuttà bhagavatà, te patisevato nàlam antarâyâyâti. So saman'uddeso bhikkhùhi evamassa vacaniyâ, mà àvuso saman'uddesa, evam avaca mà bhagavantam abbhàcikkhi, na hi sàdhu bhagavato abbhakkhàcikkhi, na hi bhayavà evam vadeyya; anekapariyâyenà avuso saman'uddesa, antarâyikà dhammà vuttà bhgavatà, alanca pana te patisevato antarà yâyâti. Evanca so saman'uddeso bhikkhùhi vuccamàno, that'eva pagganleyya, so saman, uddeso bhikkhùhi evamassa vacaniyo ajjatagge te àvuso saman'uddeso, na e'evà so bhagavà satthà apadisitabbo; yampi e' anne saman'uddesà labhanti bhikkhùhi saddhim dviratta tiratam sahaseyyam sàpi te natthi cara pire vinassàti.

Yo pana bhikkhu jànam tathànàsitam saman'uddesam upalàpeyya và upatthàpeyya, và sambhunjeyya và saba và seyyam kappeyya, pàcittiyam.

Sappànakavaggo sattamo.

* * *

71. Yo pana bhikkhu bhikkhùhi sahadhammikam vuccamàno evam vadeyya: na tàv'àham àvuso, etasmim sikkhàpade sikkhissàmi, yâva Ngài'annam bhikkhum byattam vinayadharam paripucchàmìti, pàcittiyam.

Sikkanamànena bhikkhave, bhikkhunà annatabbam paripucchitabbam paripanhitabbam. Ayam tattha sàmìci.

72. Yo pana bhikkhu pàtimokkhe uddissamàne evam vadeyya kimpanimehi khudd'ànakhuddakehi sikkhàpadehi udditthehi yâvadeva kukkuccàya vihesàya vilekhàya samvattantihi, sikkhàpadavivannannake, pàcittiyam.

73. Yo pana bhikkhu avaddhamàsam pàtimokkhe uddissamàne, evam vadeyya: idàn'eva kho aham jànàmi; ayampi, kira dhammo suttàgato suttapariyâpanno anvaddhamàsam uddesam àgacchatìti. Tance bhikkhum anne bhikkhù jàneyyum; nisinnapubbam iminàbbhikkhunà dvittikkhattum pàtimokkhe uddissamàne, ko pana vado bhiiyoti, na ca tassa bhikkhuno annanakena mutti atthi, yanca tattha àpattim àpanno tanca yathàdhammo kàretabbo; uttarincassa moho àropetabbo; tassa te àvuso, alàbhà, tasse te dulladdhamyam tvam pàtimokkhe uddissamàne, na sàdhukam atthikatvā manasikarositi. Idam tassmim mohanake pàcittiyam.

74. Yo pana bhikkhu bhikkhussa kupito anattamano pahàram dadeyya pàcittiyam.

75. Yo pana bhikkhu bhikkhussa kupito annattamano talasattikam uggireyya, pàcittiyam.

76. Yo pana bhikkhu bhikkhum amùlkena sanghàdisesena anudhamseyya, pacittiyam.

77. Yo panan bhikkhussa sancicca kukkuccam upadaheyya itissa muhuttampi aphàsu bhavissatiti; etad'va paccayam karitvā anannam, pàcittiyam.

78. Yo pana bhikkhu bhikkhunam bhandanajàtānam kalahajàtānam vivadāpannānam, upassutim tittheyya: yam ime bhanissanti, tam sossamiti etad'eva paccayam kiritvā anannam, pàcittiyam.

79. Yo pana bhikkhu dhammikānam kammānam chandam datvā, pacchā khīya nadhammam àppajjeyya, pàcittiyam.

80. Yo pana bhikkhu sanghe vinicchaya kathāya vattamanayā, chandam adatvā utthayāsana pakkāmeyya, pàcittiyam.

81. Yo pana bhikkhu samaggena, sanghena cīvaram datvā pacchā khīyanadhammam cīvaram datvā pacchā khīyanadhammam àpajjeyya: yathāsanthutam bhikkhù sanghikam lābham parināmentiti, pàcittiyam.

82. Yo pana bhikkhu jānam sanghikam lābham parinatam puggalassa pàrināmeyya, pàcittiyam.

Sahadhammikavaggo atthamo.

* * *

83. Yo pana bhikkhu ranno khattiyassa muddh'ābhisittassa anikkhbnatarājake aniggataratanake pubbe appatisamvidito indakhilam atikkāmeyya, pācittiyam.

84. Yo pana bhikkhu ratanam vā ratānasammatam vā, annatra ajjh'ārāmā vā ajjh'āvasathā vā ugganheyya vā ugganhapeyya vā, pācittiyam.

Ratanam vā pana bhikkhunā ratana samatam vā ajjh'ārāme vā ajjh'āvasathe vā uggahetvā vā uggahāpetvā vā nikkhipitabbam: yassa bhavissati, so harissatīti. Ayam tattha sāmīci.

85. Yo pana bhikkhu santam bhikkhum anāpucchā vikāte gāmam paviseyya, annatra tathārūpā accāyikā, pācittiyam.

86. Yo pana bhikkhu atthimayam vā dantamayyam vā visānamayam vā sūcigharam kārāpeyya, bhedanakam pācittiyam.

87. Navam pana bhikkhunā mancam vā pītham vā kārāyamānena, atthangulapādakam kāretabbam sugat' angulena annatra hetthimaya ataniyā, tam atikkāmayato, chedanakam pācittiyam.

88. Yo pana bhikkhu mancam vā pītham vā tūlonaddham kārāpeyya, uddālanakam pācittiyam.

89. Nisīdanam pana bhikkhunā kārāyamānena pamānikam kāretabbam, tatridam pamānam: dīghaso dve vidatthiyo sugata vidatthiyā tiriyaṃ diyaddham dasā vidatthi. Tam atikkāmayato, chedanakam pācittiyam.

90. Kanduppaticchādim pana bhikkhunā kārāyamānena pamānikā kāretabbā. Tatridam pamānam dīghaso catasso vidatthiyo sugata vidatthiyā tiriyaṃ dve vidatthiyo tam atikkāmayato, chedanakam pācittiyam.

91. Vassaka sātīkam pana bhikkhunā kārāyamānena pamānikā kāretabbā tatridam pamānam; dīghaso che viddatthiyo sugata vidatthiyā tiriyaṃ addhateyyā tam atikkā mayato, chedanakam pācittiyam.

92. Yo pana bhikkhu sugata civarappamānam cīvaram kārāpeyya atirekam
và, chedanakam pācittiyam. Tatridam sugatassa sugatacīrappamānam;
dīghaso nava vidatthiyo sugatavidatthiyā tiriyaṃ cha vidatthiyo. Idam
sugatassa. Sugata cīvarappamānam.

"Ratanavaggo navamo".

* * *

Udditthā kho āyasmanto dvenavuti pācittiyam dhammā.

Tatth' āyasmante pucchāmi, kaccittha parisudhā?

Dutiyampi pucchāmi, kaccittha parisudhā?

Tatthiyampi pucchāmi, kaccittha parisudhā?

Parisuddhetth' āyasmanto, tasmā tunhī. Evametam dhārayāmi.

Pācittiyā nitthitā.

---o0o---

PHẦN KỂ RA VỀ ƯNG ĐỐI TRỊ

Bạch các Ngài 92 pháp Ứng Đối Trị, tôi xin kể ra như là:

1. Thầy Tỳ Khuru biết mình nói láo, phạm Ứng Đối Trị.
2. Thầy Tỳ Khuru chửi mắng vị khác, phạm Ứng Đối Trị.
3. thầy Tỳ Khuru nói đâm thọc với thầy Tỳ Khuru, phạm Ứng Đối Trị.
4. Thầy Tỳ Khuru nào dạy kệ cho người chưa thọ cụ túc giới, phạm Ứng Đối Trị (dạy và đọc chung một lược).
5. Thầy Tỳ Khuru nào, ngủ chung với người chưa thọ cụ túc giới, quá hai ba đêm, phạm Ứng Đối Trị.

6. Thầy Tỳ Khuru nào, ngủ chung (một nhà) với phụ nữ, phạm Ưng Đối Trị.
 7. Thầy Tỳ Khuru nào, nói pháp cho phụ nữ quá 5, 6 tiếng phạm Ưng Đối Trị; trừ ra có người nam biết rõ (cùng nghe)
 8. Thầy Tỳ Khuru nào, khoe đạo cao hơn mà mình có thật, đến người chưa thọ cụ túc giới, phạm Ưng Đối Trị.
 9. Thầy Tỳ Khuru nào, nói tội xấu của vị Tỳ Khuru cho người chưa thọ cụ túc giới nghe, phạm Ưng Đối Trị, trừ ra vị nào mà Chư Tăng đã cho phép nói.
 10. Thầy Tỳ Khuru nào, đào đất, hoặc biểu kẻ khác đào, phạm Ưng Đối Trị.
- Dứt phần về loại vọng ngữ.

* * *

11. Thầy Tỳ Khuru nào, làm cho loại thảo mộc (còn sống) hư hoại, phạm Ưng Đối Trị.
12. Thầy Tỳ Khuru nói tráo trở, làm cho Chư Tăng khó lòng, phạm Ưng Đối Trị.
13. Thầy Tỳ Khuru biểu vị khác nói xấu các thầy Tỳ Khuru khác hoặc tự mình mắng nhiếc các vị khác, phạm Ưng Đối Trị.
14. Thầy Tỳ Khuru nào, tự mình hoặc sai người khác, trải dõn, giường, ghế, nệm, bàn của Chư Tăng, ngoài trống, khi đi khỏi nơi ấy, tự mình không đem cất hoặc bảo kẻ khác đem cất các vật ấy, hoặc cũng không có ý nhắc ngời ai đem dùm, tự nhiên đi khỏi nơi ấy, phạm Ưng Đối Trị.
15. Thầy Tỳ Khuru nào trải hoặc sai kẻ khác trải đồ nằm trong chỗ ở của Chư Tăng. khi ra đi khỏi không dọn dẹp lại, hoặc không biểu ai dọn dẹp lại chỗ ấy, hay là không nhắc lại biểu ai dọn; tự nhiên ra đi, phạm Ưng Đối Trị.
16. Thầy Tỳ Khuru nào khi biết rõ trong chỗ ở của Chư Tăng đã có vị khác vào ở trước, lại xen vào trải chỗ ngủ và nghĩ rằng: vị Tỳ Khuru nào có bực tức thì đi ra khỏi chỗ này đi, chỉ có làm cho bực tức là nguyên nhân, chớ không có chuyện chi khác, phạm Ưng Đối Trị.

17. Thầy Tỳ Khuru nào, sân hận, bất bình vị khác, kéo lôi ra, hoặc biểu kẻ khác kéo lôi ra khỏi chỗ ngụ của Chư Tăng, phạm Ưng Đối Trị.

18. Thầy Tỳ Khuru nào, ngồi hoặc nằm trên giường, ghé mà người ta mới ráp tạm vào, ở trên gát (lâu) tịnh thất của Chư Tăng, phạm Ưng Đối Trị.

19. Khi Thầy Tỳ Khuru cho người làm tịnh thất lớn (có thí chủ cất cho), phải đứng (để sơn phết thường thường) trong khoản lối... một hắc tay chung quanh cánh cửa cái và cánh cửa sổ, là chỗ để cần dùng mở cửa, sơn phết, vẽ vôi cách cửa sổ. Còn mái nhà thì phải đứng nơi ch? trống không có ruộng rẫy chi mà lợp và chỉ lợp được lối 2, 3 lối thôi; nếu lợp quá số nhất định, dầu đứng nơi trống trải cũng phạm Ưng Đối Trị.

20. Thầy Tỳ Khuru nào, khi biết trong nước có con lăng quăng, tự mình tưới hoặc biểu kẻ khác tưới cây cỏ hay là đất, phạm Ưng Đối Trị.

Dứt phần thứ nhì thuộc về loại thảo mộc.

* * *

21. Thầy Tỳ Khuru nào, Chư Tăng không cho phép, mà đi dạy các Tỳ Khuru ni, phạm Ưng Đối Trị.

22. Thầy Tỳ Khuru nào Chư Tăng đã cho phép rồi, khi mặt trời đã lặn mà còn dạy đạo cho các vị Tỳ Khuru ni, phạm Ưng Đối Trị.

23. Thầy Tỳ Khuru nào vào tận nơi chỗ ở của Tỳ Khuru ni mà dạy đạo, phạm Ưng Đối Trị. Trừ ra có trường hợp. Trường hợp trong điều học này là: Tỳ Khuru ni khi có bệnh; đây là trường hợp trong điều học này vậy.

24. Thầy Tỳ Khuru nào nói như vậy: "Các vị Tỳ Khuru dạy đạo cho bọn Tỳ Khuru ni, vì muốn được lợi lộc, phạm Ưng Đối Trị.

25. Thầy Tỳ Khuru nào, cho y đến Tỳ Khuru ni không phải là thân quyến, phạm Ưng Đối Trị, trừ ra đối y với nhau.

26. Thầy Tỳ Khuru nào, may y hoặc biểu kẻ khác may y cho Tỳ Khuru ni, không phải là thân quyến, phạm Ưng Đối Trị.

27. Thầy Tỳ Khuru nào rữ Tỳ Khuru ni đi cùng đi chung đường xa, dầu cho đi trong một khoảng xóm, cũng phạm Ứng Đối Trị, trừ ra có trường hợp. Trường hợp trong điều học này là: 1) đường nào mà cần phải đi cho cón bọn; 2) đường mà có sự nghi ngờ (tai hại); 3) đường mà có sự kinh sợ rõ rệt. Đây là trường hợp trong điều học này.

28. Thầy Tỳ Khuru nào, rữ Tỳ Khuru ni cùng đi chung một chiếc thuyền, đi xuôi nước hoặc ngược nước, phạm Ứng Đối Trị, trừ ra đi ngang sông.

29. Thầy Tỳ Khuru nào, biết rõ, vật thực do Tỳ Khuru ni sắp đặt mà thọ thực, phạm Ứng Đối Trị, trừ ra vật thực mà người thế họ sắp đặt trước.

30. Thầy Tỳ Khuru nào, ngồi nơi thanh vắng một mình với Tỳ Khuru ni phạm Ứng Đối Trị.

Dứt phần ba về cách dạy đạo.

* * *

31. Thầy Tỳ Khuru vô bệnh chỉ được phép thọ thực nơi phước xá (1) trong một lần, nếu thọ hơn số ấy, phạm Ứng Đối Trị.

32. thầy Tỳ Khuru thọ "Vật thực mà người thỉnh nói tên vật thực ấy ra" từ 4 vị trở lên, phạm Ứng Đối Trị, trừ ra có trường hợp. Trường hợp trong điều học này là: Khi có bệnh, trong hạn kỳ lễ Kathina, lúc may y của lễ Kathina, lúc đi đường xa, lúc đi ghe thuyền, lúc Chư Tăng cu hội nhiều quá số. Đây là những trường hợp trong điều học này vậy.

33. Thầy Tỳ Khuru thọ thực của thí chủ thỉnh sau người khác, phạm Ứng Đối Trị, trừ ra có trường hợp. Trường hợp trong điều học này là: lúc có bệnh, trong hạn kỳ lễ Kathina, trong lúc may y Kathina. Đây là trường hợp trong điều học này.

34. Thầy Tỳ Khuru đi đến nhà người, nếu có thí chủ yêu cầu lấy bát bánh mới (thứ ăn liền) bánh để dành lâu được, thầy Tỳ Khuru vui thích chỉ được phép lãnh lối 2, 3 bình bát. Nếu thọ lãnh quá số ấy, phạm Ứng Đối Trị. Thầy Tỳ Khuru nào thọ lãnh bánh ấy, đúng số 2, 3 bát rồi phải đem bánh ấy chia cho các vị Tỳ Khuru khác. Sự phải chia bánh ấy là cách thực hành tốt đẹp trong điều học này.

35. Thầy Tỳ Khuru nào, thọ thực xong cho đến khi ngăn cản không thọ lãnh nữa (khi đi khỏi nơi ấy) lại thọ thêm vật thực cứng, vật thực mềm sai luật, phạm Ứng Đối Trì.

36. Thầy Tỳ Khuru nào đem vật thực cứng hoặc mềm sai luật, đến buộc vị Tỳ Khuru khác, đã thọ thực xong và ngăn cản vật thực, phải ăn nữa và nói rằng: "Này đạo hữu, ông nhai, ăn đi". Nếu biết rõ và cố ý để cáo lỗi, khi vị kia ăn thì vị biểu ăn ấy phạm Ứng Đối Trì.

37. Thầy Tỳ Khuru nào, nhai ăn vật thực cứng hoặc mềm trong lúc sai giờ (1) phạm Ứng Đối Trì.

38. Thầy Tỳ Khuru nào, cắn nhai, hoặc ăn vật thực cứng hoặc mềm, mà tự mình cất giữ cách đêm phạm Ứng Đối Trì.

39. Vật thực quý nào như là: bơ đặt, bơ tươi, dầu, mật ong, đường, cá, thịt, sữa tươi, sữa chua. Thầy Tỳ Khuru nào vô bệnh, xin vật thực quý giá ấy, để cho mình thọ thực, thì phạm Ứng Đối Trì.

40. Thầy Tỳ Khuru nào, thọ vật thực vào miệng mà không có người dâng (đến tay cho) phạm Ứng Đối Trì, trừ ra nước mát và tắm rửa răng.

Dứt phần thứ tư về loại vật thực.

* * *

41. Thầy Tỳ Khuru nào tự tay mình, cho vật thực cứng hoặc mềm đến người tu đạo lỏa thể (naked) hoặc người nam hoặc nữ tu hạnh ta bà đi xin ăn (theo chủ nghĩa ngoại đạo), phạm Ứng Đối Trì.

42. Thầy Tỳ Khuru nào, nói với thầy Tỳ Khuru khác như vậy: "Này đạo hữu, lại đây chúng ta sẽ đi vào xóm, làng đặng đi khát thực"(khi đến nơi rồi) biểu người cho hoặc không cho vật chi đến vị ấy nhưng lại biểu vị ấy trở về đi và nói rằng "Đạo hữu đi về đi, tôi nói chuyện hoặc ngồi chung với ông, tôi không thích đâu, thà là tôi nói chuyện hoặc ngồi một mình còn sung sướng hơn. Chỉ có làm như thế là nguyên nhân, chớ không có nguyên nhân nào khác, cũng phạm Ứng Đối Trì.

43. Thầy Tỳ Khuru nào, khi vào gia đình người thế, chen vào ngồi trong nhà ngủ chỉ có hai vợ chồng (mới cưới) phạm Ứng Đối Trì.

44. Thầy Tỳ Khuru nào, ngồi chung với phụ nữ nơi vắng vẻ và kín đáo, phạm Ứng Đối Trị.

45. Thầy Tỳ Khuru nào, một mình ngồi chung với một người phụ nữ nơi vắng vẻ, phạm Ứng Đối Trị.

46. Thầy Tỳ Khuru nào, đã thọ lãnh sự thỉnh của người, để đi thọ thực, khi có các vị Tỳ Khuru khác mà không cho hay, cứ đi đến nhà này nhà kia, trước khi thọ thực hoặc sau khi thọ thực cũng phạm Ứng Đối Trị; trừ ra có trường hợp. Trường hợp trong điều học này là: Trong hạn kỳ lễ Kathina, lúc may y Kathina, đây là trường hợp trong điều học này vậy.

47. Thầy Tỳ Khuru vô bệnh chỉ được phép vui thích sự yêu cầu của người theo món vật dụng, trong bốn tháng, nếu vui thích quá hạn kỳ, phạm Ứng Đối Trị; Trừ ra người có yêu cầu thêm hoặc người ta yêu cầu vĩnh viễn.

48. Thầy Tỳ Khuru nào, đi coi động binh (đang kéo đi) phạm Ứng Đối Trị trừ ra có nguyên nhân.

49. Nếu vị Tỳ Khuru ấy có nguyên nhân nào phải đi đến chỗ đóng binh thì được phép ở nơi trại binh trong hai, ba đêm; nếu ở quá ngày nhất định, phạm Ứng Đối Trị.

50. Khi thầy Tỳ Khuru được phép ở nơi trại binh trong hai, ba đêm, nếu đi coi nơi đấu chiến, chỗ tập duyệt binh sĩ, chỗ đóng quân, chỗ phát (chia) quân lính, phạm Ứng Đối Trị.

Dứt phần thứ năm về loại tu lỏa thể.

* * *

51. Thầy Tỳ Khuru uống rượu và chất say phạm Ứng Đối Trị.

52. Thầy Tỳ Khuru lấy ngón tay thọt lét vị khác chơi phạm Ứng Đối Trị.

53. Thầy Tỳ Khuru giỡn nước, phạm Ứng Đối Trị.

54. Thầy Tỳ Khuru (có vị khác nhắc nhở kinh luật) mà tỏ vẻ không cần, phạm Ứng Đối Trị.

55. Thầy Tỳ Khuru nào, nhất, dọa vị khác cho kinh sợ, phạm Ưng Đối Trị.

56. Thầy Tỳ Khuru nào vô bệnh, cố ý nhúm lửa hoặc biểu kẻ khác nhúm, phạm Ưng Đối Trị, trừ ra có nguyên nhân (như đốt bình bát v.v...)

57. Thầy Tỳ Khuru nào, chưa đúng nửa tháng mà tắm, phạm Ưng Đối Trị, trừ ra có nguyên nhân. Nguyên nhân trong điều học này là (1) khi còn một tháng rưỡi nữa cuối mùa hạn: một tháng đầu của mùa mưa hết thầy thành ra hai tháng rưỡi gọi là lúc nóng nực, lúc hầm bức bội; lúc có bệnh, trong lúc làm công việc, lúc đi đường xa, trong lúc bị mưa gió, đây là trường hợp trong điều học này vậy.

58. Thầy Tỳ Khuru, khi được y mới phải lấy một trong ba thứ màu để làm cho hoại màu y mới; là màu xanh, màu bùn, màu đen. Nếu thầy Tỳ Khuru không lấy một trong ba màu để làm cho hư hoại màu y mới, mà cứ dùng xài y mới ấy, phạm Ưng Đối Trị.

59. Thầy Tỳ Khuru nào, đã chỉ định (nuờng) y cho vị Tỳ Khuru, Tỳ Khuru ni, sa di, sa di ni và nàng Sikkhamana (tập sự để tu lên Tỳ Khuru ni) không cho người hay đặng làm phép hủy xả mà cứ lấy y mặc, phạm Ưng Đối Trị.

60. Thầy Tỳ Khuru nào, tự mình dấu hoặc biểu kẻ khác dấu bát, y, tọa cụ, ống kim, dây lưng của vị Tỳ Khuru khác, dấu cho dấu có ý để cười chơi cũng phạm Ưng Đối Trị.

Dứt phần thứ sáu về loại rượu.

* * *

61. Thầy Tỳ Khuru nào, cố ý sát sanh, phạm Ưng Đối Trị.

62. Thầy Tỳ Khuru nào biết rõ trong nước có chúng sanh (con quăng) mà dùng xài (tắm rửa) phạm Ưng Đối Trị.

63. Thầy Tỳ Khuru nào biết rõ sự cãi cộ nào mà Chư Tăng đã hòa giải đúng theo giáo pháp lại bươi móc ra để làm mới lại, phạm Ưng Đối Trị.

64. Thầy Tỳ Khuru nào khi biết rõ tội nặng của vị khác mà cứ dấu kín, phạm Ưng Đối Trị.

65. Thầy Tỳ Khuru nào khi biết rõ giới tử chưa đúng 20 tuổi mà cho thọ cụ túc giới, giới tử ấy cũng không phải là người đã thọ cụ túc giới. Tất cả các vị Tỳ Khuru thị sự ấy cũng bị Đức Phật khiển trách, theo trong điều học này, phạm Ứng Đối Trị.

66. Thầy Tỳ Khuru nào khi biết rõ bọn đi buôn lậu mà còn rủ đi chung đường xa, dầu trong một khoảng xóm, phạm Ứng Đối Trị.

67. Thầy Tỳ Khuru nào rủ phụ nữ đi chung đường xa, dầu trong một khoảng xóm cũng phạm Ứng Đối Trị.

68. Thầy Tỳ Khuru nào nói như vậy: "Tôi biết rõ pháp của Đức Thế Tôn thuyết ra nói rằng : Pháp tai hại nào mà Đức Thế Tôn đã thuyết, pháp ấy không thể nào làm tai hại được đến người xu hướng theo đâu." Tất cả các vị Tỳ Khuru khác nên nói với vị ấy rằng: Đạo hữu không nên nói như vậy, đừng nói chống báng Đức Thế Tôn; vì sự nói chống báng Đức Phật, không tốt đẹp đâu, vì Đức Thế Tôn không khi nào nói như vậy đâu. Nay đạo hữu, Đức Thế Tôn đã có giảng nhiều về pháp làm cho tai hại, pháp ấy có thể làm cho tai hại đến người thực hành theo chắc thật". Khi các vị Tỳ Khuru đã khuyên nhủ như thế nhưng mà thầy Tỳ Khuru cũng vẫn chấp y như thế. Vậy thì các thầy Tỳ Khuru phải họp lại tụng tuyên ngôn để ngăn cản trong ba lần đặng cho dứt bỏ kiến thức sai ấy ra.

Khi nào Chư Tăng đã tụng tuyên ngôn để ngăn cấm trong ba lần rồi mà vị Tỳ Khuru ấy dứt bỏ kiến thức ấy đi, thì sự dứt bỏ ấy rất hợp pháp vậy. Nếu không chịu dứt bỏ, phạm Ứng Đối Trị.

69. Thầy Tỳ Khuru nào, khi biết rõ vị Tỳ Khuru ấy vẫn còn nói như thế (nói nghịch với lời Đức Phật) không chịu làm theo lời chân chánh (của Chư Tăng đã khuyên) không chịu bỏ kiến thức sai lầm ấy đi, mà còn ăn chung, ở chung, ngủ chung với vị ấy, phạm Ứng Đối Trị.

70. Nếu có vị sa di nói như vậy: "Tôi biết rõ pháp của Đức Thế Tôn đã thuyết nói rằng: "Tất cả pháp nào có tai hại, các pháp ấy không thể nào làm hại được đến người xu hướng theo, như lời của Đức Thế Tôn giảng giải đâu".

Các vị Tỳ Khuru nên nói với ông sa di ấy rằng: Nay ông sa di, ông đừng nói như vậy, đừng nói phỉ báng Đức Thế Tôn, vì sự nói nghịch lý với Ngài,

không có sự tốt đẹp đâu. Đức Thế Tôn không khi nào nói như thế ấy. Nay ông sa di, Đức Thế Tôn đã có giảng giải thật nhiều về pháp làm cho tai hại, pháp ấy có thể làm cho tai hại đến người thực hành theo không sai."

Khi các thầy Tỳ Khuru đã khuyên như thế mà ông sa di ấy cũng vẫn còn chấp như cũ. Các thầy Tỳ Khuru phải nói với ông sa di ấy rằng: "Kể từ nay trở đi, ông không được nói Đức Phật là thầy của ông nữa. Các ông sa di khác, có thể ngủ chung với các vị Tỳ Khuru trong hai hoặc ba đêm được, sự ngủ chung ấy ông hết được phép rồi; nè người không ai ưa thích nữa, đi khỏi chỗ này đi, hu thân đi !"

Thầy Tỳ khuru nào biết rõ, Sadi bị Tăng đuổi đi như thế' mà còn dụ dỗ để hầu hạ mình, hoặc ăn chung, ở chung, phạm Ưng Đối Trị .

Dứt phần bảy, về loại chúng sanh.

* * *

71. Thầy Tỳ Khuru nào biết rõ, khi các thầy Tỳ Khuru nói (nhắc nhở) đúng theo giáo pháp, nhưng lại nói rằng: "Các vị đạo hữu, khi nào tôi chưa hỏi đến các thầy Tỳ Khuru thông thạo, gìn giữ giới luật lúc nào thì tôi cũng không chịu học tập theo điều học này đến lúc ấy". Thầy Tỳ Khuru ấy phạm Ưng Đối Trị.

Này các thầy Tỳ Khuru, thầy Tỳ Khuru nên học hỏi cho biết rõ, nên hỏi han, nên suy xét cho rõ. Đây là cách thực hành tốt đẹp trong điều học này vậy.

72. Thầy Tỳ Khuru nào, khi vị Tỳ Khuru đang đọc giới bốn, liền nói như vậy: "Có lợi ích chi, các điều học nhỏ nhen đã đọc ra đây, các điều học này hành theo chỉ làm cho tâm nóng nảy bực vội, khó chịu, rắc rối vậy thôi". Vì nói chê bai điều học nên phạm Ưng Đối Trị.

73. Thầy Tỳ Khuru nào, khi vị Tỳ Khuru đang đọc giới bốn, trong mỗi kỳ nửa tháng, bèn nói như vậy: "Tôi mới biết bây giờ đây, nghe rằng điều học này mới có trong luật (lời giảng) mới kể vào trong luật để đọc trong mỗi kỳ nửa tháng".

Nếu các thầy Tỳ Khuru khác biết rõ rằng, vị ấy đã từng ngồi nghe đọc giới bốn hai, ba lần rồi, cần chi nói đến sự nghe nhiều lần. Thầy Tỳ Khuru ấy không khỏi phạm tội được, do sự nói không biết ấy đâu, vì vị ấy đã hành sai

điều nào thì phạm tội ấy. Chư Tăng phải cho vị ấy thú tội, tùy theo điều học, một lễ nữa, phải đọc tuyên ngôn giải si mê cho vị ấy rằng: "Này đạo hữu, việc này là điều bất lợi cho đạo hữu, đạo hữu phải lãnh lấy vật xấu xa tội lỗi, vì khi có vị Tỳ Khuru đọc giới bổn, không chịu chú tâm cho được thành tựu những sự lợi ích tốt đẹp". Vì cố ý làm như si mê không biết, phạm Ứng Đối Trị.

74. Thầy Tỳ Khuru nào vì sân hận, bất bình, đánh đập vị khác, phạm Ứng Đối Trị.

75. Thầy Tỳ Khuru nào, vì sân hận, bất bình, đưa tay lên đá muốn đánh vị khác, phạm Ứng Đối Trị.

76. Thầy Tỳ Khuru nào tố cáo vị khác phạm tội Tăng Tàng mà không có nguyên nhân, phạm Ứng Đối Trị.

77. Thầy Tỳ Khuru nào cố ý kiếm chuyện làm cho vị khác phát sanh sự nghi ngờ, do ý nghĩ rằng: "Vị ấy sẽ không được vui lòng dầu trong chốc lát do nguyên nhân ấy không sai". Chỉ làm cho người phát sanh nghi ngờ chớ không phải nguyên nhân nào khác, phạm Ứng Đối Trị.

78. Thầy Tỳ Khuru nào, khi các vị Tỳ Khuru đang có xung đột cãi cọ nhau, bất hòa nhau, đi đứng dựa (vách) chờ nghe, và tính rằng: "Các vị Tỳ Khuru này nói lời nào, ta sẽ nghe những lời ấy". Chỉ có đứng dựa vách để chờ nghe, chớ không có nguyên nhân nào khác, phạm Ứng Đối Trị.

79. Thầy Tỳ Khuru nào đã tỏ ý ưng thuận của mình đến Tăng sự làm hợp pháp, sau rồi lại bươi móc ra để biếm nhẽ, phạm Ứng Đối Trị.

80. Thầy Tỳ Khuru nào, khi Chư Tăng đang cu hội để phân xử, không tỏ ý ưng thuận, tự nhiên đứng dậy đi khỏi nơi ấy, phạm Ứng Đối Trị.

81. Thầy Tỳ Khuru nào bằng lòng với Chư Tăng cho y đến (một vị Tỳ Khuru) sau lại biếm nhẽ nói rằng: "Chư Tăng lấy lợi lộc của Chư Tăng cho theo ý thích của mình". Phạm Ứng Đối Trị.

82. Thầy Tỳ Khuru nào khi biết rõ, lợi lộc người định dâng đến Chư Tăng, lại soay (đoạt) về cho một cá nhân (Tỳ Khuru) phạm Ứng Đối Trị.

Dứt phần thứ tám về loại người đồng đạo.

* * *

83. Thầy Tỳ Khuru nào, đến đức Vua đã được tôn vương, thầy Tỳ Khuru chưa báo tin cho hay trước, mà đi vào nơi ngọa phòng (phòng ngủ) đức vua và hoàng hậu chưa ra khỏi, phạm Ứng Đối Trị.

84. Thầy Tỳ Khuru nào, tự mình lượm hoặc biểu kẻ khác lượm những bảo vật hoặc vật mà người cho là bảo vật, phạm Ứng Đối Trị, trừ ra trong chùa hoặc nơi cư ngụ.

Thầy Tỳ Khuru phải lượm hoặc biểu kẻ khác lượm bảo vật hoặc vật mà người cho là bảo vật ở trong chùa hoặc nơi cư ngụ, với sự nghĩ rằng: "Bảo vật này của ai, người ấy sẽ đến lấy lại" đây là sự thực hành tốt đẹp trong điều học này vậy.

85. Thầy Tỳ Khuru nào, không kiêu từ vị Tỳ Khuru khác mà đi vào xóm trong buổi chiều, phạm Ứng Đối Trị, trừ ra có chuyện khẩn cấp (có tình trạng vị khác bị rấn cần).

86. Thầy Tỳ Khuru nào, cho người làm ống đựng kim bằng xương, bằng ngà, bằng sừng, phạm Ứng Đối Trị (vật ấy phải đập bỏ).

87. Nếu thầy Tỳ Khuru cho người làm giường mới, ghé mới phải phải làm chơn cao cỡ 8 ngón Đức Phật (1), đo từ phía dưới thanh giường trở xuống, nếu cho làm cao quá cỡ, phạm Ứng Đối Trị (chân giường ấy phải cắt bỏ).

88. Thầy Tỳ Khuru nào cho người làm giường hoặc ghé có lót gòn, phạm Ứng Đối Trị (phải bươi móc gòn ấy ra bỏ).

89. Nếu thầy Tỳ Khuru cho người làm tọa cụ, phải làm cho đúng cỡ; cỡ của tọa cụ ấy là: bề dài 2 gang Đức Phật, bề ngang một gang rưỡi, bìa một gang (2). Nếu làm quá cỡ, phạm Ứng Đối Trị (tọa cụ ấy phải cắt bỏ).

90. Nếu thầy Tỳ Khuru cho người làm y để che đậy ghế, phải làm cho đúng cỡ, cỡ y đắp ghế ấy là: bề dài bốn gang, bề ngang hai gang của Đức Phật, nếu cho làm quá cỡ phạm Ứng Đối Trị (y ấy phải cắt bỏ bớt).

91. Nếu thầy Tỳ Khuru cho người làm y tắm mưa, phải làm cho đúng cỡ, cỡ y tắm mưa ấy là: bề dài sáu gang, bề ngang hai gang rưỡi của Đức Phật. Nếu cho làm quá cỡ phạm Ứng Đối Trị (y ấy phải cắt bỏ bớt).

92. Thầy Tỳ Khuru nào cho người làm y bằng hoặc lớn hơn y của Đức Phật, phạm Ứng Đối Trị (y ấy phải cắt bỏ bớt). Cỡ y của Đức Phật là bề dài chín gang, bề ngang sáu gang Đức Phật, đây là cỡ y của Đức Phật.

"Dứt phần thứ chín về loại báu vật".

* * *

Bạch các Ngài, 92 pháp Ứng Đối Trị tôi đã kể ra rồi.

Tôi xin hỏi các Ngài, trong 92 pháp ấy các Ngài có được trong sạch không?

Tôi xin hỏi lần thứ nhì, các Ngài có được trong sạch không?

Tôi xin hỏi lần thứ ba, các Ngài có được trong sạch không?

Các Ngài được trong sạch nên mới làm thính.

Tôi xin chứng nhận các Ngài đã được trong sạch, do sự làm thính ấy.

Dứt phần kể ra về Ứng Đối Trị.

--- o0o ---

PÀTIDESANÌYE VITTHÀR'UDESÒ

Ime kho pan'àyasmanto, cattàro pàtidesanìyâ dhammà uddesam àgacchanti.

1. Yo pana bhikkhu annàtikàya bhikkhuniyâ antaragharam pavitthàya hatthato khàdaniyam và bhojanìyam và sahatthà patiggahetvà khàdeyya và bhunjeyya và, patidesetabbam tena bhikkhunà; gàrayham àvuso dhamma àpajjam asappàyam pàtidesanìyam tam patidesemìti.

2. Bhikkhù pan'eva kulesu nimantità bhunjanti.

Tatra ce bhikkhuni vosàsamanarùpà thito hoti: Idha sùpam detha idha odànam dethàti. Tehi bhikkhuni sà bhikkhuni apasàdetabbà; apasakka tàva bhanigi, yàva bhikkhù bhunjantiti. Ekassapi ce bhikkhuno Ngài'appatibbàseyya tam bhikkhunim apasàdetum apasakkà tàva bhagini yàva bhikkhù bhunjantiti, patidesetabbam tehi bhikkhùhi: gàrayham àvuso dhammam àpajjimhà asappàyam pàtidesaniyam tam patidesemàti.

3. Yâni kho pana tàni sekkhasammatàni kulàni, yo pana bhikkhu tathàèupesu sekkhasammatesu kulesu pubbe animantito agilàno khàdaniyam và bhojaniyam và sahatthà patiggahetvà khàdeyya và bhunjeyya và, patidesetabbam tena bhikkhunà: gàrayram àvuso dhammam àpajjim asappàyam pàtidesaniyam, tam patidesemiti.

4. Yâni kho pana tàni àrannakàni sanàsanàni sàsanka sammatàni sappatibhayâni.

Yo pana bhikkhu tathàrùpesu senàsanesu viharanto pubbe appatisamviditam khàdaniyam và bhojaniyam và ajjhàrame sahatthà pàtiggahetvà agilàno khàdeyya và bhunjeyya và, patidesetabbam tena bhikkhunà: gàrayham àvuso dhamma àpajjim asappàyam pàtidesaniyam, tam patidesemiti.

Udditthà kho àyasmanto cattàro pàtidesanuya dhamma.

Tatth' àyasmante pucchàmi, kaccittha parisuddhà?

Dutiyampi pucchàmi, kaccittha parisuddhà?

Tatth' àyasmante pucchàmi, kaccittha parisuddhà?

Parisuddhetth' àyasmanto, tasmà tunhì.

Evametam dhàrayâmi.

Pàtidesaniya nitthità.

---o0o---

PHẦN KỂ RA VỀ ỨNG PHÁT LỘ

Bạch các Ngài, bốn pháp Ứng Phát Lộ tôi kể ra như là:

1. Thầy Tỳ Khuru nào tự tay mình thọ lãnh vật thực mềm hoặc cứng nơi tay Tỳ Khuru ni không phải là quyền thuộc, trong lúc vào trong xóm và thọ thực ấy (nhai hoặc không nhai) thầy Tỳ Khuru ấy phải sám hối tội ấy nói rằng: Này đạo hữu, tôi đã phạm tội Ứng Phát Lộ mà Đức Phật Ngài chê bai là không tốt đẹp. Tôi xin sám hối tội ấy ra.

2. Những thầy Tỳ Khuru được người thỉnh và đang thọ thực trong các gia cư. Nếu có Tỳ Khuru ni lại đứng nơi đó và chỉ biểu người rằng: "Các người đem dâng cơm, canh chỗ này". Các thầy Tỳ Khuru ấy phải đuổi Tỳ Khuru ni ấy đi và nói rằng "Này cô, cô nên lui ra khỏi chỗ này cho đến khi các thầy Tỳ Khuru thọ thực xong". Dầu cho một vị Tỳ Khuru nói cũng được, nếu không có vị nào đuổi Tỳ Khuru ni ấy, nói như vậy: "Nè cô, cô nên lui ra khỏi chỗ này cho đến khi các thầy Tỳ Khuru độ xong"(khi lui ra khỏi nơi ấy) các thầy Tỳ Khuru phải sám hối tội Ứng Phát Lộ ấy như vậy: "Này đạo hữu, chúng ta đã phạm tội Ứng Phát Lộ mà Đức Phật chê bai cho là không tốt đẹp, chúng ta xin sám hối tội ấy ra".

3. Các gia quyền nào mà Chư Tăng đã tuyên bố cho là gia quyền đã đắc quả thánh, nếu thầy Tỳ Khuru nào, mà gia quyền ấy họ không thỉnh trước hoặc không có bình, mà tự tay mình thọ lãnh vật thực cứng hoặc mềm, nơi gia quyền mà Chư Tăng cho là đắc quả thánh, đem về thọ thực (nhai hoặc không nhai) thầy Tỳ Khuru ấy phải sám hối tội ấy ra như vậy: "Này đạo hữu, tôi đã phạm tội Ứng Phát Lộ mà Đức Phật Ngài chê bai cho là điều không tốt đẹp, vậy tôi xin sám hối tội ấy ra".

4. Những chỗ nào ở trong rừng mà người ta cho rằng là nơi đáng nghi ngờ vì có sự kinh sợ rõ ràng, thầy Tỳ Khuru nào cự ngụ nơi chỗ như thế ấy, không có bình tự tay mình thọ lãnh vật thực cứng hoặc mềm nơi ấy mà người ta không báo tin cho hay trước, đem đi thọ thực (nhai hoặc không nhai) thầy Tỳ Khuru ấy phải sám hối tội ấy như vậy: "Này đạo hữu, tôi đã phạm tội Ứng Phát Lộ mà Đức Phật chê bai cho là không tốt đẹp, tôi xin sám hối tội ấy ra.

Bạch các Ngài, bốn pháp Ứng Phát Lộ tôi đã kể ra rồi.

Tôi xin hỏi các Ngài, trong bốn pháp ấy các Ngài có được trong sạch không?

Tôi xin hỏi lần thứ nhì, các Ngài có được trong sạch không?

Tôi xin hỏi lần thứ ba, các Ngài có được trong sạch không?

Các Ngài đều được trong sạch nên mới làm thính.

Tôi xin chứng nhận các Ngài đã được trong sạch, do nơi sự làm thính ấy.

Dứt phần kể về Ứng Phát Lộ.

-ooOoo-

SEKHIYÂ DHAMM' UDDESO

Ime kho pan'âyasmanto (pancasattani) sekhiyâ dhammà uddesam àgacchanti.

1. Parimandalam nisàssàmìti sikkhà karaniyâ.
2. Parimandalam pàrupissàmìti sikkhà karaniyâ.
3. Suppaticchanno antaraghare gamissàmìti sikkhà karaniyâ.
4. Suppaticchanno antaraghare nisìdissàmìti sikkhà karaniyâ.
5. Susamvuto antaraghare gamissàmìti sikkhà karaniyâ.
6. Susamvuto antaraghare nisìdissàmìti sikkhà karaniyâ.
7. Okkhitta cakkhu antaraghare gamissàmìti sikkhà karaniyâ.
8. Okkhitta cakkhu antaraghare nisìdissàmìti sikkhà karaniyâ.
9. Na ukkhitta kàya antaraghare gamissàmìti sikkhà karaniyâ.
10. Na ukkhitta kàya antaraghare nisìdissàmìti sikkhà karaniyâ.

Parimandala vagoo pathamo

* * *

11. Na ujjagghi kàya antaraghare gamissàmìti sikkhà karaniyâ.
 12. Na ujjagghi kàya antaraghare nisìdissàmìti sikkhà karaniyâ.
 13. Appasaddho antaraghare gamissàmìti sikkhà karaniyâ.
 14. Appasaddho antaraghare nisìdissàmìti sikkhà karaniyâ.
 15. Nà kàyappacàlakam antaraghare gamissàmìti sikkhà karaniyâ.
 16. Nà kàyappacàlakam antaraghare nisìdissàmìti sikkhà karaniyâ.
 17. Na bàhuppacàlakam antaraghare gamissàmìti sikkhà karaniyâ.
 18. Na bàhuppacàlakam antaraghare nisìdissàmìti sikkhà karaniyâ.
 19. Na sissappacàlakam antaraghare gamissàmìti sikkhà karaniyâ.
 20. Na sissappacàlakam antaraghare nisìdissàmìti sikkhà karaniyâ.
- Ujjagghika vaggo dutiyo.

* * *

21. Na sissappacàlakam antaraghare gamissàmìti sikkhà karaniyâ.
 22. Na khambhakato antaraghare nisìdissàmìti sikkhà karaniyâ.
 23. Na ogunthito antaraghare gamissàmìti sikkhà karaniyâ.
 24. Na ogunthito antaraghare nisìdissàmìti sikkhà karaniyâ.
 25. Na ukkutikàya antaraghare gamissàmìti sikkhà karaniyâ.
 26. Na pallatthikàya antaraghare nisìdissàmìti sikkhà karaniyâ.
- Chabbisati sàraniyâ.

* * *

1. Sakkaccam pindapàtam patiggahessàmìti sikkhà karaniyâ.
2. Patta sannì pindapàtam patiggahessàmìti sikkhà karaniyâ.
3. Samasùpakam pindapàtam patiggahessàmìti sikkhà karaniyâ.
4. Samatittikam pindapàtam patiggahessàmìti sikkhà karaniyâ.

Khambhaka vaggo tatiyo.

* * *

5. Sakkaccam pindapàtam bhunjissàmìti sikkhà karaniyâ.
6. Patta sannì pindapàtam bhunjissàmìti sikkhà karaniyâ.
7. Sapadànam pindapàtam bhunjissàmìti sikkhà karaniyâ.
8. Sama sùpakam pindapàtam bhunjissàmìti sikkhà karaniyâ.
9. Na thùpato omadditvâ pindapàtam bhunjissàmìti sikkhà karaniyâ.
10. Na sùpam và byanjanam và odanena paticchàdessàmìti sikkhà karaniyâ.
11. Na sùpam và byanjanam và odanam và agilàno attano atthàya vinnapetvâ bhunjissàmìti sikkhà karaniyâ.
12. Na ujjhànasanni paresam pattam oloskessàmìti sikkhà karaniyâ.
13. Nàtimahantam kabalam karissàmìti sikkhà karaniyâ.
14. Parimandalam àlopam karissàmìti sikkhà karaniyâ.

Sakkacca vaggo catuttho.

* * *

15. Na anàhate kabale mukha dvàram vivarissàmìti sikkhà karaniyâ.
16. Na bhunjàmàno sabbam hattham mukhe pakkipissàmìti sikkhà karaniyâ.
17. Na sakabalena mukhena byâha rissàmìti sikkhà karaniyâ.
18. Na pindukkhepakam bhunjissàmìti sikkhà karaniyâ.
19. Na kabalàvacchedakam bhunjissàmìti sikkhà karaniyâ.
20. Na avagandakaràkam bhunjissàmìti sikkhà karaniyâ.
21. Na hatthaniddhùnakam bhunjissàmìti sikkhà karaniyâ.
22. Na sitthàvakàrakam bhunjissàmìti sikkhà karaniyâ.
23. Na jivhànicchàrakam bhunjissàmìti sikkhà karaniyâ.
24. Na capucapukàrakam bhunjissàmìti sikkhà karaniyâ.

Kabala vaggo pancamo.

* * *

25. Na surusurukàrakam bhunjissàmìti sikkhà karaniyâ.
26. Na hatthanillehakam bhunjissàmìti sikkhà karaniyâ.
27. Na pattanillehakam bhunjissàmìti sikkhà karaniyâ.
28. Na otthanillehakam bhunjissàmìti sikkhà karaniyâ.
29. Na sàmisena hatthena pàniyathàlakam patiggahessàmìti sikkhà karaniyâ.
30. Na sasitthakam pattadhovanam antaraghare chaddassàmìti sikkhà karaniyâ.

Samattimsa bhojanappatisamyuttà.

* * *

1. Na chattapànissa agilànassa dhammam desissàmìti sikkhà karaniyâ.
2. Na dandapànissa agilànassa dhammam desissàmìti sikkhà karaniyâ.
3. Na satthapànissa agilànassa dhammam desissàmìti sikkhà karaniyâ.
4. Na àvudhapànissa agilànassa dhammam desissàmìti sikkhà karaniyâ.

Surusuru vaggo chattho.

* * *

5. Na pàdukàrùlhassa agilànassa dhammam desissàmìti sikkhà karaniyâ.
6. Na upàhanàrùlhassa agilànassa dhammam desissàmìti sikkhà karaniyâ.
7. Na yânalassa agilànassa dhammam desissàmìti sikkhà karaniyâ.
8. Na sayanagatassa agilànassa dhammam desissàmìti sikkhà karaniyâ.
9. Na pallatthikàya nisinnassa agilànassa dhammam desissàmìti sikkhà karaniyâ.
10. Na vetthitasìsassa agilànassa dhammam desissàmìti sikkhà karaniyâ.
11. Na ogunthita sìsassa agilànassa dhammam desissàmìti sikkhà karaniyâ.
12. Na chamàyam nisìditvâ àsane nisinnassa agilànassa dhammam desissàmìti sikkhà karaniyâ.
13. Na nice àsane nisìditvâ ucce àsane nisinnassa agilànassa dhammam desissàmìti sikkhà karaniyâ.
14. Na thito nisinnassa agilànassa dhammam desissàmìti sikkhà karaniyâ.
15. Na pacchato gacchanto purato gacchantassa agilànassa dhammam desissàmìti sikkhà karaniyâ.

16. Na uppathena gacchanto pathena gacchantassa agilànassa dhammam desissàmiti sikkhà karaniyâ.

Solasa dhammadesanà patisamyuttà.

* * *

1. Na thito agilàno uccàram và passàvam và karissàmiti sikkhà karaniyâ.

2. Na harite agilàno uccàram và passàvam và khelam và karissàmiti sikkhà karaniyâ.

3. Na udake agilàno uccàram và passàvam và khelam và karissàmiti sikkhà karaniyâ.

Tayo pakinnakà nitthità.

Pàdukà vaggo sattamo.

* * *

Udditthà kho àyasmanto (panca sattati) sekhiyâ dhammà.

Tatth'àyasmante pucchàmi, kaccittha parisuddhà?

Dutiyampi pucchàmi, kaccittha parisuddhà?

Tatth'àyasmante pucchàmi, kaccittha parisuddhà?

Parisuddhetth'àyasmanto, tasmà tunhì.

Evametam dhàrayâmi.

Sekhiyâ nitthità.

---o0o---

PHẦN KỂ RA VỀ ỨNG HỌC PHÁP

Bạch các Ngài, 75 pháp Ứng Học Pháp tôi xin kể ra như là:

1. Thầy Tỳ Khuru nên học tập như vậy: "Ta phải mặc y na đà nội (y nội) cho đều".
2. Thầy Tỳ Khuru nên học tập như vậy: "Ta phải mặc y uất đà la tăng (y vai trái) cho đều.
3. Thầy Tỳ Khuru nên học tập như vậy: "Ta phải mặc y trùm cho kín mình khi đi vào trong khoảng xóm".
4. Thầy Tỳ Khuru nên học tập như vậy: "Ta phải mặc y trùm cho kín khi ngồi trong xóm (nhà)".
5. Thầy Tỳ Khuru nên học tập như vậy: "Ta phải thu thúc (cho nghiêm trang) khi đi vào trong xóm".
6. Thầy Tỳ Khuru nên học tập như vậy: "Ta phải thu thúc khi ngồi trong xóm (nhà)".
7. Thầy Tỳ Khuru nên học tập như vậy: "Ta phải ngó xuống khi đi vào trong xóm".
8. Thầy Tỳ Khuru nên học tập như vậy: "Ta phải ngó xuống khi ngồi trong xóm (nhà)".
9. Thầy Tỳ Khuru nên học tập như vậy: "Ta không nên vén y lên (cho thấy mình) khi đi vào trong khoảng xóm".
10. Thầy Tỳ Khuru nên học tập như vậy: "Ta không nên vén y lên khi ngồi trong xóm".

Dứt phần thứ nhất về cách mặc y cho đều .

* * *

11. Thầy Tỳ Khuru nên học tập như vậy: "Ta không nên cười lớn tiếng khi đi vào trong xóm".
12. Thầy Tỳ Khuru nên học tập như vậy: "Ta không nên cười lớn tiếng khi ngồi trong xóm".

13. Thầy Tỳ Khuru nên học tập như vậy: "Ta phải nói tiếng êm dịu khi đi trong xóm".

14. Thầy Tỳ Khuru nên học tập như vậy: "Ta phải nói tiếng êm dịu khi ngồi trong xóm".

15. Thầy Tỳ Khuru nên học tập như vậy: "Ta không nên uốn mình khi đi trong xóm".

16. Thầy Tỳ Khuru nên học tập như vậy: "Ta không nên uốn mình khi ngồi trong xóm".

17. Thầy Tỳ Khuru nên học tập như vậy: "Ta không nên đi đánh đòn xa khi đi trong xóm".

18. Thầy Tỳ Khuru nên học tập như vậy: "Ta không nên múa tay khi ngồi trong xóm".

19. Thầy Tỳ Khuru nên học tập như vậy: "Ta không nên ngúc ngắc đầu khi đi trong xóm".

20. Thầy Tỳ Khuru nên học tập như vậy: "Ta không nên ngúc ngắc đầu khi ngồi trong xóm".

Dứt phần thứ nhì về cười lớn tiếng.

* * *

21. Thầy Tỳ Khuru nên học tập như vậy: "Ta không nên chống nạnh khi đi trong xóm".

22. Thầy Tỳ Khuru nên học tập như vậy: "Ta không nên chống nạnh khi ngồi trong xóm".

23. Thầy Tỳ Khuru nên học tập như vậy: "Ta không nên trùm đầu khi đi trong xóm".

24. Thầy Tỳ Khuru nên học tập như vậy: "Ta không nên trùm đầu khi ngồi trong xóm".

25. Thầy Tỳ Khuru nên học tập như vậy: "Ta không nên đi nhón gót khi đi trong xóm".

26. Thầy Tỳ Khuru nên học tập như vậy: "Ta không nên ôm đầu gối khi ngồi trong xóm".

Dứt 26 pháp làm cho nghiêm trang.

* * *

1. Thầy Tỳ Khuru nên học tập như vậy: "Ta phải cung kính (nghiêm trang) khi thọ lãnh vật thực (cơm) v.v...

2. Thầy Tỳ Khuru nên học tập như vậy: "Ta phải ngó trong bát khi thọ lãnh vật thực".

3. Thầy Tỳ Khuru nên học tập như vậy: "Ta phải thọ lãnh vật thực (cơm) cho vừa với canh (vật thực để ăn cơm)".

4. Thầy Tỳ Khuru nên học tập như vậy: "Ta phải thọ lãnh cơm chỉ vừa ngang miệng bát".

Dứt phần thứ ba về phần chống nạnh.

* * *

5. Thầy Tỳ Khuru nên học tập như vậy: "Ta phải cung kính (nghiêm trang) khi thọ thực".

6. Thầy Tỳ Khuru nên học tập như vậy: "Ta phải ngó ngay trong bát khi thọ thực".

7. Thầy Tỳ Khuru nên học tập như vậy: "Ta phải khũa cơm cho đều khi thọ thực".

8. Thầy Tỳ Khuru nên học tập như vậy: "Ta phải thọ thực cơm và canh (vật thực) cho đồng nhau".

9. Thầy Tỳ Khuru nên học tập như vậy: "Ta không nên gom cơm vụn lên khi thọ thực".

10. Thầy Tỳ Khuru nên học tập như vậy: "Ta không nên bôi cơm dẫu vật thực do sự tham muốn (được vật thực) nhiều".

11. Thầy Tỳ Khuru nên học tập như vậy: "Nếu vô bệnh, ta không nên xin cơm canh để tự mình ăn".

12. Thầy Tỳ Khuru nên học tập như vậy: "Ta không nên dòm ngó bát các vị khác, cố ý để tìm lỗi".

13. Thầy Tỳ Khuru nên học tập như vậy: "Ta không nên vặc cơm lớn quá".

14. Thầy Tỳ Khuru nên học tập như vậy: "Ta phải vặc cơm cho tròn đều".

Dứt phần thứ tư về loại lãnh vật thực cho cung kính.

* * *

15. Thầy Tỳ Khuru nên học tập như vậy: "Ta không nên hả miệng ra chờ, khi vặc cơm chưa gần tới miệng".

16. Thầy Tỳ Khuru nên học tập như vậy: "Khi thọ thực, ta không nên thọc hết các ngón tay vào trong miệng".

17. Thầy Tỳ Khuru nên học tập như vậy: "Ta không nên nói chuyện khi cơm còn trong miệng".

18. Thầy Tỳ Khuru nên học tập như vậy: "Ta không nên thả vặc cơm vào trong miệng khi ăn".

19. Thầy Tỳ Khuru nên học tập như vậy: "Ta không cắn vặc cơm ra (làm hai) để ăn".

20. Thầy Tỳ Khuru nên học tập như vậy: "Ta không nên độn cơm hai bên má khi ăn".

21. Thầy Tỳ Khuru nên học tập như vậy: "Ta không nên rảy tay trong khi ăn".

Thầy Tỳ Khuru nên học tập như vậy: "Ta không nên làm đổ cơm tùm lum trong khi ăn".

23. Thầy Tỳ Khuru nên học tập như vậy: "Ta không nên le lưỡi trong khi ăn".

24. Thầy Tỳ Khuru nên học tập như vậy: "Ta không nên vừa ăn vừa chấp miệng".

Dứt phần thứ năm về loại vắt cơm

* * *

25. Thầy Tỳ Khuru nên học tập như vậy: "Ta không nên thọ thực nghe tiếng rột rột (húp canh)".

26. Thầy Tỳ Khuru nên học tập như vậy: "Ta không nên liếm tay khi thọ thực".

27. Thầy Tỳ Khuru nên học tập như vậy: "Ta không nên liếm bát khi thọ thực".

28. Thầy Tỳ Khuru nên học tập như vậy: "Ta không nên liếm môi khi thọ thực".

29. Thầy Tỳ Khuru nên học tập như vậy: "Ta không nên lãnh độ đựng nước uống khi tay còn dính vật thực".

30. Thầy Tỳ Khuru nên học tập như vậy: "Ta không nên đổ nước rửa bát có cơm trong khoảng xóm".

Dứt 30 pháp liên quan về vật thực.

* * *

1. Thầy Tỳ Khuru nên học tập như vậy: "Ta không nên nói pháp cho người vô bệnh có cầm dù".

2. Thầy Tỳ Khuru nên học tập như vậy: "Ta không nên nói pháp cho người vô bệnh có cầm gậy (ba ton)".

3. Thầy Tỳ Khuru nên học tập như vậy: "Ta không nên nói pháp cho người vô bệnh có cầm vũ khí (cung tên, dao găm v.v.)".

4. Thầy Tỳ Khuru nên học tập như vậy: "Ta không nên nói pháp cho người vô bệnh có cầm khí giới".

Dứt phần thứ sáu về loại thọ thực.

* * *

5. Thầy Tỳ Khuru nên học tập như vậy: "Ta không nên nói pháp cho người vô bệnh có mang dép".

6. Thầy Tỳ Khuru nên học tập như vậy: "Ta không nên nói pháp cho người vô bệnh có mang giày".

7. Thầy Tỳ Khuru nên học tập như vậy: "Ta không nên nói pháp cho người vô bệnh ngồi trên xe (kiệu, võng)".

8. Thầy Tỳ Khuru nên học tập như vậy: "Ta không nên nói pháp cho người vô bệnh nằm (còn mình ngồi hoặc đứng)".

9. Thầy Tỳ Khuru nên học tập như vậy: "Ta không nên nói pháp cho người vô bệnh ngồi ôm đầu gối".

10. Thầy Tỳ Khuru nên học tập như vậy: "Ta không nên nói pháp cho người vô bệnh có bịch (đội) khăn".

11. Thầy Tỳ Khuru nên học tập như vậy: "Ta không nên nói pháp cho người vô bệnh trùm đầu (như người Ấn Độ)".

12. Thầy Tỳ Khuru nên học tập như vậy: "Ta không nên ngồi dưới đất nói pháp cho người vô bệnh ngồi trên đồ trải (chiếu v.v.)".

13. Thầy Tỳ Khuru nên học tập như vậy: "Ta không nên ngồi dưới thấp nói pháp cho người vô bệnh ngồi cao hơn".

14. Thầy Tỳ Khuru nên học tập như vậy: "Ta không nên đứng nói pháp cho người vô bệnh ngồi".

15. Thầy Tỳ Khuru nên học tập như vậy: "Ta không nên đi sau nói pháp cho người vô bệnh đi trước".

16. Thầy Tỳ Khuru nên học tập như vậy: "Ta không nên đi ngoài lề đường nói pháp cho người vô bệnh đi chính giữa đường".

Dứt mười sáu pháp liên quan về nói pháp.

* * *

1. Thầy Tỳ Khuru nên học tập như vậy: "Ta không nên đứng đại tiện hoặc tiểu tiện, nếu vô bệnh".

2. Thầy Tỳ Khuru nên học tập như vậy: "Ta không nên đại tiện, tiểu tiện khạc nhổ trên cây cỏ còn tươi nếu vô bệnh".

3. Thầy Tỳ Khuru nên học tập như vậy: "Ta không nên đại tiện, tiểu tiện khạc nhổ trong nước (sạch) nếu vô bệnh".

Dứt ba pháp linh tinh.

Dứt phần thứ bảy về loại giày dép.

* * *

Bạch các Ngài (75 pháp) Ứng Học Pháp, tôi đã kể ra rồi.

Tôi xin hỏi các Ngài trong (75 pháp ấy) các Ngài có được trong sạch không?

Tôi xin hỏi lần thứ nhì, các Ngài có được trong sạch không?

Tôi xin hỏi lần thứ ba, các Ngài có được trong sạch không?

Các Ngài được trong sạch nên mới làm thính.

Tôi xin chứng nhận các Ngài đã được trong sạch, do nơi sự làm thính ấy..

Dứt phần Ứng Học Pháp.

-ooOoo-

ADHIKARANA SAMATHE VITTHÀR'UDESÒ.

Ime kho pan'àyasmanto satta adhikaranasamathà dhammà uddesam àgacchanti.

Uppann'uppannam adhikaranam samathaya vùpasamàya sammukhàvinayo dātabbo, sativinayo dātabbo, umāhavinayo dātabbo, patinnàya kàretabbam, yebhuyyasikà, tassa pàpiyasikà tinavattharakoti.

Udditthà khòayasamanto satta adhikarana samathà dhammà.

Tatth'àyasmante pucchàmi, Kacchittha parisuddhà?

Dutiyampi pucchàmi, Kacchittha parisuddhà?

Tatth'ampi pucchàmi, Kacchittha parisuddhà?

Parisuddhetth'àyasmanto, tasmà tunhì.

Evametam dhàrayāmi.

Adhikarana samathà dhammà nitthitā.

Uddhittham kho àyasmanto nidānam.

Udditthà cattàro pàràjikà dhammà,

Udditthà terasa sanghàdisesà dhammà,

Udditthà dve aniyatà dhammà,

Udditthà timsa nissaggiyā pàcittiyā dhammà,

Udditthà cattàro pàtidesaniyā dhammà,

Udditthà (Panca sattati) sakhiyā dhammà,

Udditthà satta adhikarana samathà dhammà,

Ettakam tassa Bhagavato suttàgatam suttapariyâpannam anvaddhamàsam
uddesam àgacchanti.

Tattha sabbeheva smaggehi sammoda mànehi avidamànehi sikkhitabbhanti.

Vitthàr'uddeso nitthito,

Bhikkhuppàtimokkham nitthitam.

---o0o---

PHẦN KỂ RA VỀ CHI TIẾT PHÁP ĐIỀU GIẢI.

Bạch các Ngài, tôi xin kể ra bảy pháp để giảng hòa như là:

Cho đặng êm dịu, hòa thuận những điều bất hòa đã phát sanh lên, Chư Tăng phải chiếu theo căn bản luật kinh, phải tuyên bố (là người) có sự ghi nhớ luật (đầy đủ).

Phải tuyên bố (là người) không lầm lộn luật nữa.

Phải giải quyết theo lời người thú nhận.

Phải giải quyết theo lời phần đông.

Phải giải quyết (làm tội) theo sự hành động xấu xa của vị Tỳ Khuru ấy.

Phải giải quyết bằng cách nhẫn nại dứt bỏ những điều bất hòa, như lấy cỏ che đậy vật như nhóp.

Bạch các Ngài, bảy pháp để điều giải sự bất hòa, tôi đã kể ra rồi.

Tôi xin hỏi các Ngài trong bảy pháp ấy các Ngài có được trong sạch không?

Tôi xin hỏi lần thứ nhì, các Ngài trong bảy pháp ấy các Ngài có được trong sạch không?

Tôi xin hỏi lần thứ ba, các Ngài trong bảy pháp ấy các Ngài có được trong sạch không?

Các Ngài đều được trong sạch nên mới làm thính

Tôi xin nhận các Ngài đã được trong sạch do sự nơi làm thính ấy.

Dứt phần pháp điều giải.

Bạch các Ngài, nguyên nhân tôi đã kể ra rồi.

Bốn pháp Bất Cộng Trụ, tôi đã kể ra rồi,

Mười ba pháp Tăng Tàng, tôi đã kể ra rồi,

Hai pháp Bất Định, tôi đã kể ra rồi,

Ba mươi pháp Ưng Xã Đối Trị, tôi đã kể ra rồi,

Chín mươi hai Ưng Đối Trị, tôi đã kể ra rồi,

Bốn pháp Ưng Phát Lộ, tôi đã kể ra rồi,

Bảy mươi lăm Ưng Học Pháp, tôi đã kể ra rồi,

Bảy pháp Điều Giải, tôi đã kể ra rồi.

Tất cả điều học của Đức Thế Tôn đã giảng giải, đã kể ra trong Sutta (màtikà – Mục lục của Luật), phải đọc kể ra mỗi kỳ nửa tháng. Các Ngài điều hòa thuận nhau, không nên cãi cọ lẫn nhau, nên thực hành theo những điều học ấy.

Dứt phần kể ra về chi tiết.

Dứt giới bốn Ba đề mộc xa của Tỳ Khưu.

-ooOoo-

SANKHITENA PÀTIMOKKHUDESÒ

Cách đọc giới bốn tóm tắt.

Theo trong Tam Tạng (mahà vagga) về pháp môn làm lễ Phát Lộ, đức Chánh Biên Tri có phê chuẩn cho các thầy Tỳ Khuru như vậy:

Này các thầy Tỳ Khuru, cách đọc Giới Bốn có năm là:

1. Thầy Tỳ Khuru, đọc Nidàna rồi, đọc tiếp tất cả uddesa khác, bằng cách đã nghe rồi. (uddesa: chỉ kê tên các đầu đề)

2. Thầy Tỳ Khuru đọc Nidàna rồi, đọc bốn pháp Bất Cộng Trụ rồi, đọc tiếp tất cả uddesa khác.

3. Thầy Tỳ Khuru đọc Nidàna rồi, đọc bốn pháp Bất Cộng Trụ xong, đọc mười ba pháp Tăng Tàng rồi, đọc tiếp tất cả uddesa khác.

4. Thầy Tỳ Khuru đọc Nidàna rồi, đọc bốn pháp Bất Cộng Trụ rồi, đọc mười ba pháp Tăng Tàng rồi, đọc hai pháp Bất Định rồi, đọc tiếp tất cả uddesa khác.

5. Đọc tất cả các chi tiết các điều học trong giới bốn.

Tuy có năm cách đọc giới bốn như thế, nhưng nếu không có điều trở ngại (antaràyika) thì không nên đọc bốn cách trước vì Đức Phật có cấm như vậy:

"Này các thầy Tỳ Khuru, Tỳ Khuru không nên đọc giới bốn bằng cách tóm tắt, thầy Tỳ Khuru nào đọc phạm tội hành ác.

"Này các thầy Tỳ Khuru, Như Lai cho phép đọc giới bốn tóm tắt, nếu trong trường hợp có điều trở ngại (tai hại).

Trở ngại ấy có 10 điều là: (T. Tg. V. 6. Tr 368)

1) Ràjantaràyika: Trở ngại vì đức vua đến.

2) Corantaràyika: Trở ngại vì trộm cướp đến (pháp rồi).

- 3) Agyantaràyika: Trở ngại vì lửa cháy.
- 4) Udakamtaràyika: Trở ngại vì trời mưa hoặc nước lụt.
- 5) Manussantaràyika: Trở ngại vì nhiều người đến.
- 6) Amanussantaràyika: Trở ngại vì phi nhơn phá rối hoặc nhập vào Tỳ Khuru.
- 7) Vālarantaràyika: Trở ngại vì thú dữ đến phá.
- 8) Sirimsapantaràyika: Trở ngại vì rắn.
- 9) Jīvitantaràyika: Trở ngại vì sanh mạng (là có Tỳ Khuru đau sắp chết hặc có kẻ thù muốn hãm hại).
- 10) Brahmācariyantaràyika: Trở ngại đến phạm hạnh của Tỳ Khuru (vì có người muốn bắt cho hoàn tục).

Này các thầy Tỳ Khuru, nếu không có điều chi trở ngại như thế thì, Tỳ Khuru phải đọc tất cả chi tiết của giới bốn.

* Cách đọc giới bốn tóm tắt:

khi đã đọc xong Nidāna rồi và đọc bốn pháp Bất Cộng Trụ rồi thì đọc như vậy:

Pāli: Uddittham kho āyasmanto nidānam. Udditthā cattāro pārājikā dhammā, sutā kho pan'āyasmantchi terasa sanghādisesā dhammā, dve aniyatā dhammā, timsa nissaggiyā dhammā, dvenavuti pācittiyā dhammā, cattāro patidesaniya dhammā, (panca sattati) sekhiyā dhammā, satta adhikarāna samathā dhammā. Ettakam tassa bhagavato suttāgatam suttapariyāpannam anvaddha māsam uddesam āgacchanti.

Tatth sabbeheva samaggehi sammā danānehi avivadamānehi sikkhitabbanti.

Bhikkhuppātimokkham nitthitam.

Nghĩa: Bạch các Ngài Nidāna, nguyên nhân tôi đã kể ra rồi, bốn pháp Bất Cộng Trụ tôi đã kể ra rồi, còn mười ba pháp Tăng Tăng, hai pháp Bất Định,

ba mươi pháp Ứng Xã Đối Trị, chín mươi hai Ứng Đối Trị, bốn pháp Ứng Phát Lộ, bảy mươi lăm Ứng Học Pháp, bảy pháp điều giải mà các Ngài đã từng nghe rồi.

Tất cả các điều học ấy, Đức Phật đã giảng giải, đã kê ra trong Sutta (mục lục của Luật) để đọc kê ra trong mỗi kỳ nửa tháng. các Ngài nên hòa thuận nhau, không nên cãi cọ lẫn nhau, nên luyện tập theo những điều học ấy.

Giới bốn Ba đề mộc xa được đầy đủ do nhờ "Đức tin - Saddha".

--- o0o ---

INDRIYA SAMVARASÌLA

GIỚI THU THỨC LỤC CĂN (THANH TỊNH)

1. Cakkh'indriya samvara: Thu thức nhãn căn.
2. Sot'indriya samvara: Thu thức nhĩ căn.
3. Ghàn'indriya samvara: Thu thức tỷ căn.
4. Jivih'indriya samvara: Thu thức thiệt căn.
5. Kày'indriya samvara: Thu thức thân căn.
6. Man'indriya samvara: Thu thức ý căn.

Thầy Tỳ Khuru trong Phật pháp, khi thấy rõ tội lỗi của sự không thu thức và quả báo của sự thu thức, thì mỗi khi mắt tiếp xúc với sắc trần, tai tiếp xúc với thanh trần, mũi tiếp xúc với các mùi, lưỡi tiếp xúc với các vị, thân tiếp xúc với các sự đụng chạm, tâm tiếp xúc với các pháp (1), dầu tốt, dầu xấu, thì rần thu thức không nên lưu luyện đến các cơ thể và hình ảnh hoặc chi tiết và toàn thể của các trần ấy và hai pháp là vui thích theo trần ấy hoặc bất bình, buồn bực trong trần nào mà mình không ưa thích.

Đức Phật có giải trong Pathama sangeyya sutta rằng: "Nếu thầy Tỳ Khuru không thu thức, gìn giữ lục căn thì thường phải chịu những điều khổ não vô

lượng, nhất là sự khổ trong các cảnh địa ngục. Còn Tỳ Khuru nào huấn luyện, dạy dỗ, gìn giữ lục căn cho thanh tịnh thì thường hưởng được sự an vui vô lượng không lẫn lộn với phiền não, nhất là sự an vui trong thiền định và quả báo Niết Bàn". Hơn nữa, trong Aditta pariyâya sutta (kinh giải về lửa) Đức Phật có dạy rằng: "Nếu thầy Tỳ Khuru lấy dao thật bén đã đốt đỏ, khoét con mắt, ngoáy lỗ tai, cắt mũi, cắt lưỡi, lóc thịt còn tốt hơn là khi tiếp xúc với sắc, thanh, hương, vị, xúc mà vui thích, lưu luyện, bám víu theo chi tiết của các cơ thể hoặc hình ảnh toàn thể của trần ấy. Tại sao vậy? Vì nếu trong khi tâm đang quuyến luyện theo các trần ấy mà mạng chung thì thế nào cũng phải sa đọa vào hai đường dữ là súc sanh và địa ngục không sai. Một lẽ nữa, sự ngu quên còn quý hơn, vì sự ngu quên chỉ làm cho mất lợi ích trong sự sanh sống hoặc sự hành đạo vậy thôi, chớ tư tưởng sái quấy, xấu xa, mà thầy Tỳ Khuru nuôi nấng trong tâm có thể hướng dẫn vị ấy làm điều tội lỗi lần lần cho đến tội chia rẽ Tăng chúng và nhiều khi cũng bị hư hỏng, tai hại trong kiếp hiện tại.

"Bởi vậy cho nên, thầy Tỳ Khuru khi tiếp xúc với lục trần phải rán thu thúc lục căn cho thanh tịnh đừng cho hai pháp là vui thích hoặc bất bình phát sanh lên trong tâm. Chỉ biết rằng: "Các trần này chỉ để tiếp xúc vậy thôi".

Sự thu thúc lục căn được tròn đủ nhờ có sự "ghi nhớ – sati".

"Dứt giới thu thúc lục căn".

-ooOoo-

ÀJĪVA PÀRISUDDHISĪLA

GIỚI NUÔI MẠNG CHÂN CHÁNH (THANH TỊNH)

Thầy Tỳ Khuru thực hành theo giới nuôi mạng chân chánh phải rán tinh tấn dứt bỏ cách nuôi mạng tà vạy và tinh tấn trong sự nuôi mạng chân chánh.

Sự tinh tấn dứt bỏ cách tà mạng do nơi thân và khẩu là phải xa tránh năm pháp ác pàpadhamma và 21 pháp tà vạy anesana.

Pàpadhamma - Năm pháp ác:

Kuhanà: giả dối (làm bộ cao thượng).

Lapanà: nói bợ đỡ.

Nemittikatà: giả dạng (do thân và khẩu).

Nippesikalà: nói hâm dọa.

Làbhena làbham nijjigimsanata: lấy lợi câu lợi.

Chú giải:

1. Kuhanà: giả dối có ba cách:

a) Paccayappatisevana: giả dối trong cách thọ tứ vật dụng.

Giải rằng: Có thầy Tỳ Khuru khi thí chủ thỉnh mời thọ lãnh tứ vật dụng, đầu cho mình muốn cần dùng các vật ấy lắm nhưng cũng giả bộ như mình là bậc tri túc cao thượng không muốn cần dùng đến vật quý báu ấy, chỉ cần dùng vật thấp hèn xấu xa cũng được. Khi biết được thì chủ họ càng trong sạch với mình, sau lại họ chở vật dụng đến cả xe mới thọ lãnh và nói rằng: Tôi không mấy gì cần dùng các món vật dụng này đâu, nhưng nếu tôi không thọ lãnh thì bà con không được phước, vì vậy mà tôi mới lãnh để tế độ bà con vậy thôi. Không phải chỉ giả bộ lời nói mà thôi, có khi làm bộ như người thu thúc, nghiêm trang im lặng như người có pháp bậc cao hơn trong mình đặng cho người phát đức tin trong sạch mà lễ bái cúng dường đến mình.

b) Sàmantajappana: Thầy Tỳ Khuru vì muốn người cung kính, khen ngợi, lễ bái cúng dường mới làm bộ nói cách dịu ngọt xa gần muốn ám chỉ mình như vậy: "Bà con coi vị nào mặc y dùng bát như thế này, thầy tế độ như vậy, ở nơi chùa kiêu này, vị ấy là một bậc đại sa môn, có chức phận lớn, có pháp của bậc cao hơn như vậy, như vậy". Hoặc nói bậy nói bạ khoe khoan hình như mình đã đắc thánh pháp, hoặc tự khoe rằng: "Bà con coi, tôi đây người ta khen ngợi nhiều lắm". Nói như thế là nói dối bằng cách xảo ngôn.

c. Iriyâpatha sannissita: Giả dối bằng cách dùng oai nghi.

Thầy Tỳ Khuru vì muốn được danh lợi, làm bộ tề chỉnh, thu thúc trong bốn oai nghi đi, đứng, nằm, ngồi hình như có đầy đủ sự ghi nhớ và biết mình như các bậc cao hơn, có khi làm như mình nhập định trong giữa đám đông, hoặc làm như người góm ghiết chán nản pháp thế gian.

2. Sapana: nói bợ đỡ.

Thầy Tỳ Khuru vì muốn được danh lợi, khi thấy thí chủ đến chùa làm bộ vui vẻ kêu hỏi trước, nếu họ nói: "Đến thỉnh Chư Tăng". Thì tự mình bước ra nói để đi thỉnh thế cho, hoặc nói khoe khoan rằng: "Tôi đây vua chúa quan quyền nhỏ lớn ở đó đó đều trong sạch với tôi hết thầy", hoặc nói nịnh bợ, nói xa gần, nói bắt buộc, nói điều cốt, nói sắp nói giữa v.v.. đặng người cúng dường vật dụng.

3. Nemittikatà: Giả dạng do thân hoặc khẩu. Cũng như thầy Tỳ Khuru vì muốn được lợi danh khi thấy thí chủ đem cầm vật thực mận ngọt, dầu cho mình biết rõ vật ấy lắm, nhưng giả bộ hỏi cầm cái chi đặng cho họ biết mình muốn vậy ấy, hoặc nói than van ngay vật ấy với thiện tín, hoặc nói mảnh lời xa gần cho người biết mình cần dùng vật ấy, hoặc nói bắt buộc cho người không thể dám tránh khỏi được, hoặc giả cách như người có thần thông.

4. Nippesikatà: nói dọa dẫm.

Thầy Tỳ Khuru vì muốn được danh lợi mới dùng lời hăm dọa, đe nẹt, mắng nhiết thí chủ, hoặc bắt lỗi phải, biếm nhẽ cho rằng họ không có đức tin, hoặc nói nịnh hót, điều cốt, hoặc đem chuyện xấu nhà này nói với nhà kia để bươi móc lợi lộc.

5. Làbhena làbham nijjigim sanàtà: Dùng lợi câu lợi.

Thầy Tỳ Khuru vì muốn được danh lợi mới đem vật dụng được ở nhà này đem đi cho nhà kia, được nhà kia đem cho nhà nọ, lấy lợi nhỏ ấy đặng câu lợi to cho càng nhiều thêm.

Thầy Tỳ Khuru nào được lợi lộc như cách kể trên thì gọi là sự nuôi mạng theo năm pháp ác không trong sạch.

ASESANA - Hai mươi một pháp tà mạng.

Thầy Tỳ Khuru nào sanh sống bằng xách suy tính thế nọ thế kia hoặc cho vật chi đến kẻ thế mà không nên cho, cố ý đổi lấy vật dụng khác để nuôi mạng mình, tất cả các vật phát sanh lên bằng cách ấy đều gọi là tà mạng cả.

Có 21 pháp tà mạng là:

1. Veludànam: cho tre (của chùa hoặc của Tăng đến người thế tục mà không nên cho). Nếu tre sau khi làm công việc xong còn dư cho người làm ấy không sao.
2. Pattadànam: cho lá cây (như lá chuối v.v.)
3. Pupphadànam: cho bông hoa, tự mình cho hoặc sai vị khác cho đến gia quyến không nên cho đều phạm tội tác ác. Nếu cho cha mẹ, hoặc cho để đem đi cúng Tam Bảo một nơi nào đều vô tội.
4. Phaladànam: cho trái cây (như cách cho bông hoa).
5. Dantakatthadànam; cho cây đánh răng (1).
6. Mukh'odakadànam: cho nước rửa mặt v.v..
7. Sinànadànam: cho vật để tắm gội
8. Cunnadànam: cho vật thoa mình (như phấn sáp v.v.)
9. Mattikadànam: cho đất sét (để thoa mình khi vào nhàkhói để hơ) hoặc để trét vách.
10. cātukamyatā: giả bộ hạ mình kiêng nể người. Như thế có thí chủ đến chùa hoặc mình đến nhà người làm tuồng như kiêng nể sợ sệt hỏi han người hết sức ngọt dịu cung kính hạ mình như tôi tớ kính chủ đặng người trong sạch.
11. Muggsàpatā: nói khi thiệt khi giả (như đậu nửa chín nửa sống).
12. Pàribhatyatā: giúp đỡ người (là ẵm bồng con, cháu người làm như cha mẹ của đứa trẻ ấy).
13. Janghapesanikam: tiếp làm công việc cho người đủ thứ, công việc chi của người thế cũng lãnh làm hết thảy, hoặc đem tin tức thơ từ cho người.
14. Vejjakammam: làm thầy thuốc chữa bệnh cho người, không phải hạ người Đức Phật cho phép, như bậc xuất gia hoặc thân quyến của mình.

15. Dūtakkammam: đem tin cho người, như đem tin từ nhà này đến nhà kia, trừ ra đem tin cho năm hạng đồng đạo và cha mẹ, giới tử sắp vào tu và người giúp phụ sự cho mình.

16. Pahinagamānam: lãnh làm tay sai cho người (ngoài sự đem tin tức) như người thế họ sai đem vật này đến chỗ kia hoặc đem vật ở chỗ kia đem về chỗ này.

17. Pindappatipindikam: đem vật thực đi bát cho người thế ăn trước, rồi đi bát sau mới ăn. Trừ ra những hạng Phật cho phép như cha mẹ, vua chúa, tướng cướp, người hầu, Chư Tăng, người sắp tu.

18. Dān'upadānam: cho qua cho lại. như thí chủ họ dâng cúng cho mình món chi, mình cho lại một món bằng hay hơn giá món ấy để mua lòng họ sẽ cúng dường mình lâu dài.

19. Vatthuvijjā: làm thầy coi địa lý. Như thầy Tỳ Khuru biết coi địa lý nơi chỗ này nên cất nhà, chỗ này không nên, thứ cây này dùng cất nhà có lợi, thứ cây này có hại v.v...

20. nakkhatta vijjā: làm thầy xem thiên văn như coi ngày tháng, sao hạng, tốt hay xấu, có lợi hoặc có hại, bàn nguyện thực, nhựt thực

21. Anga vijjā: coi tướng, coi tay, như coi tướng nam, nữ có nhiều của cải hoặc phước đức v.v.. hoặc xem tướng ngọc ngà, voi ngựa, gươm giáo, vải hàng v.v..

Thầy Tỳ Khuru nào vì muốn được danh lợi hoặc sự cung kính làm theo 21 pháp tà mạng đã kể, những vật dụng mà phát sanh lên do cách tà mạng ấy đem nuôi mạng sống đều không trong sạch. Còn như vật riêng của mình hoặc những vật sau khi làm công việc còn dư, hoặc cho với sự không cố ý muốn được tư lợi, vì sự buộc lòng, hoặc người đi lỡ đường đến chùa, hoặc các vị vua chúa cần dùng đến mình cho đều vô tội. Các vị Tỳ Khuru đều phải xa lánh 21 pháp tà mạng này và phải tinh tấn đi khát thực xin ăn, hoặc nguyện các pháp đầu đà, hoặc vật thực phát sanh lên do đức hạnh thanh cao của mình, hoặc do Chư Tăng thì đều gọi là vật dụng trong sạch cả.

Giới nuôi mạng được thanh tịnh do nhờ sự tinh tấn "viriya".

Dứt phần nuôi mạng chân chánh.

-ooOoo-

PACCAYASANNISSITA SÌLA

GIỚI QUÁN TƯỚNG (THANH TỊNH)

Giới quán tướng mà được thanh tịnh do nhờ sự suy xét cho phát sanh trí tuệ chứ không phải do nơi vật dụng (paccaya). Tiếng nói vật dụng ấy có bốn là:

Civara paccaya: y phục là ám chỉ tam y.

Pindapàta paccaya: vật thực mặn ngọt.

Senàsana paccaya: chỗ trú ngụ, liêu cốc, giường ghé v.v.

Gilàna bhesajja paccaya: thuốc chữa bệnh.

Cách quán tướng chia ra làm ba thời kỳ:

Thời kỳ đang thọ lãnh.

Thời kỳ đang dùng (ăn).

Thời kỳ đã thọ dụng xong.

* Thời kỳ đang thọ lãnh nên quán tướng về nguyên chất (dhàtupaccavekkhna)

Quán tướng về y phục như vậy:

Yathà paccayam pavattamànam dhātu mattamevetam yadidam civaram tadupabhunjako ca puggalo dhàtumattako nissatto nijjivo sunna.

Y phục này thật là một nguyên chất, tạo thành ra tùy theo món vật dụng, dầu cho ta là người dùng nó, nó cũng chỉ là một nguyên chất, không có sanh mạng, không phải là chúng sanh, có trạng thái không không.

Quán tướng về vật thực:

Yathà paccayam pavattamànam dhātu mattamevetam yadidam pindapato tadupabhunjako ca puggalo dhàtumattako nissatto nijjivo sunno.

Vật thực này thật là một nguyên chất, tạo thành ra tùy theo món vật dụng, dầu cho ta là người dùng nó, nó cũng chỉ là một nguyên chất, không có sanh mạng, không phải là chúng sanh, có trạng thái không không.

Quán tưởng chỗ trú ngụ:

Yathà paccayam pavattamànam dhātu mattamevetam yadidam senasànam tadupabhunjako ca puggalo dhātumattako nissatto nijjivo sunno.

Chỗ cư ngụ này thật là một nguyên chất, tạo thành ra tùy theo món vật dụng, dầu cho ta là người dùng nó, nó cũng chỉ là một nguyên chất, không có sanh mạng, không phải là chúng sanh, có trạng thái không không.

Quán tưởng thuốc chữa bệnh:

Yathà paccayam pavattamànam dhātu mattamevetam yadidam gilānappaccaya bhesajja parikkhāro tadupabhunjako ca puggalo dhātumattako nissatto nijjivo sunno.

Vật phụ thuộc để bảo tồn sanh mạng là thuốc chữa bệnh này thật là một nguyên chất, tạo thành ra tùy theo món vật dụng, dầu cho ta là người dùng nó, nó cũng chỉ là một nguyên chất, không có sanh mạng, không phải là chúng sanh, có trạng thái không không

* Patikūlappaccavekkhana: Quán tưởng về uế trực.

Trong tứ vật dụng khi sắp dùng xài (ăn, mặc) thì nên quán tưởng cho thấy vật dụng dầu sạch sẽ tinh khiết thế nào mà khi thọ dụng vào thân ta rồi cũng trở nên vật đáng ghê gớm lắm, để dứt bỏ tư tưởng làm cho là vật sạch sẽ.

Quán tưởng về y phục:

Sabbāni panimāni cīvarāni ajigucchānīyani imam pūtikāyam patvā ativiya jigucchānīyāni jāyanti.

Các y phục này, nó chẳng phải là vật uế trực đâu, nhưng đến khi nó đụng vào thân thể hôi thúi này lúc nào thì nó trở nên vật đáng ghê gớm lắm.

Quán tưởng về vật thực:

Sabbo panàyam pindapàto ajigucchanìyani imam pùtikàyam patvà ativiya jigucchanìyâni jàyanti.

Vật thực này, nó chẳng phải là vật ứ trước đâu, nhưng đến khi nó đụng vào thân thể hôi thối này lúc nào thì nó trở nên vật đáng ghê gớm lắm.

Quán tưởng về chỗ trú ngụ:

Sabbàni panimàni senàsanàni ajigucchanìyani imam pùtikàyam patvà ativiya jigucchanìyâni jàyanti.

Những chỗ ở này, nó chẳng phải là vật ứ trước đâu, nhưng đến khi nó đụng vào thân thể hôi thối này lúc nào thì nó trở nên vật đáng ghê gớm lắm.

Quán tưởng về thuốc chữa bệnh:

Sabbo panàyam gilànappaccaya bhesajja parikkhàro ajigucchanìyani imam pùtikàyam katvà ativiya jigucchanìyâni jàyanti.

Vật phụ thuộc để bảo tồn sanh mạng là thuốc chữa bệnh này, nó chẳng phải là vật ứ trước đâu, nhưng đến khi nó đụng vào thân thể hôi thối này lúc nào thì nó trở nên vật đáng ghê gớm lắm.

* Tamkhannikappaccavekkhana: Quán tưởng lúc đang thọ dụng.

Thầy Tỳ Khuru trong khi đang thọ dụng nên quán tưởng một lần, hai, ba lần cũng được, cho thấy rõ giới hạn và sự lợi ích của món vật dụng ấy là thế nào, để ngăn ngừa phiền não không cho tư tưởng ác vượt qua hạn định ấy.

Quán tưởng về y phục.

Patisankhà yoniso cìvaram patisevàmi yâvadeva sítassa patighàtàyà unhassa patighàtàyà damsà makasà vátàtapa sirimsapa samphassànam patighàtàyà yâvadeva hiriko pinappaticchàdanattham.

Người xuất gia nên quán tưởng rằng: "Ta mặc y phục đây để ngừa sự lạnh, sự nóng, muỗi, mòng, gió, nắng, rần rít và cho đặng che thân thể tránh điều hổ thẹn.

Quán tưởng về vật thực.

Patisankhà yoniso pindapàtam patisevàmi neva davàya na mandanàya na vibbhùsanàya yāvadeva imassa kàyassa yāpanàya vihimsuparatiyā brahmacariyā nuggahàya iti purānanca vedanam patihankhàmi navanca vedanam na uppàdessàmi yātrà ca me bhavissati anavajjatà ca phàsuvihàro cāti.

Người xuất gia nên quán tưởng rằng: "Ta thọ thực đây, chẳng phải để chơi như trẻ con ở xóm, hoặc say mê sức lực như kẻ võ sĩ, hoặc để điểm trang thân thể như hàng phụ nữ trong đô thị, hoặc cho có nhan sắc như người hát xướng. Ta thọ thực đây để suy trì sắc thân cho được tồn tại và bảo tồn sanh mạng, cho được tránh sự khó chịu, cho đặng giúp đỡ đến sự tu hành theo phạm hạnh, cho ta tránh khỏi cái khổ đã qua là sự đói khát, và ngăn ngừa cái khổ đã phát sanh lên vì sự ăn quá độ. Còn sự hành vi trong tứ oai nghi, đi, đứng, nằm, ngồi, thân tâm không biếng nhác và được sự an vui cũng do nhờ nơi sự thọ thực này".

Quán tưởng về chỗ trú ngụ.

Patisankhà yoniso pindapàtam patisevàmi yāvadeva sītassa patighatàya unhasa patighatàya damsā makasa vātātapasirimsapa samphassānam patighatàya yāvadeva utuparissaya – vinodanam patisallānāramattham.

Người xuất gia nên quán tưởng rằng: "Ta dùng xài chỗ trú ngụ đây để ngừa sự lạnh, sự nóng, muối, mòng, gió, nắng, rần rít cho đặng tránh sự khó chịu của thời tiết và được nơi thanh vắng để cho ta thực hành thiền định".

Quán tưởng về thuốc chữa bệnh.

Patisankhà yoniso gilānappaccaya bhesajja parikkhāram patisevāmi yāvadeva uppannānam veyyābādhikānam vedanānam patighatàya abyāpajjhāparamatāyāti.

Người xuất gia nên quán tưởng rằng: "Ta dùng thuốc chữa bệnh đây để ngăn ngừa những sự đau khổ đã phát sanh và cho được dứt khỏi sự đau đớn ấy".

* Atitappaccavekkhana: Quán tưởng thời kỳ đã dùng xong.

Y phục

Ajjamayâ apaccavekkhitvâ yam cìvaram paribhuttam yâvadeva sîtassa patighâtâya unhassa patighâtâya damsâ makasâ vâtâtapa sirimsapa samphassânam patighâtâya yâvadeya hiriko pinappaticchâda nattham.

Y phục nào ta chưa quán tưởng mà ta đã dùng trong ngày nay rồi, y phục mà ta đã mặc ấy để ngừa sự lạnh, sự nóng, muỗi, mòng, gió, nắng, rất rít và cho đặng che thân thể tránh đều hổ thẹn.

Vật thực.

Ajjamayâ apaccavekkhitvâ yo pindapâto paribhutto so neva davâya na madâya na mandanâya na vibhûsanâya yâvedeva imassa kâyassa thitiyâ yâpanâya vihimsuparatiyâ brahmacariyâ nuggahâya iti purânanca vedanam patihankhâmi navanca vedanam na uppâdessâmi yâtrâ ca me bhavissati anavajjatâ ca phâsu vihâro càti.

Vật thực nào ta chưa quán tưởng mà ta đã dùng trong ngày nay rồi, vật thực mà ta đã ăn ấy chẳng phải để chơi như trẻ con ở xóm, hoặc say mê sức lực như kẻ võ sĩ, hoặc để điểm trang thân thể như hàng phụ nữ trong đô thị, hoặc có nhan sắc như người hát xướng. Ta thọ thực ấy để suy trì xác thân cho được tồn tại và bảo tồn sanh mạng, cho được tránh sự khó chịu cho đặng giúp đỡ đến sự tu hành theo phạm hạnh, cho ta tránh khỏi cái khổ đã qua là sự đói khát và ngăn ngừa cái khổ sẽ phát sanh lên vì sự ăn quá độ. Còn sự hành vi trong tứ oai nghi đi, đứng, nằm, ngồi thân tâm không biếng nhác và được sự an vui cũng nhờ sự thọ thực ấy.

Chỗ trú ngụ.

Ajja mayâ apaccavekkhitvâ yam senâsanam paribhutam tam yâvadeva sîtassa patighâtâya unhassa patighâtâya damsâ makasâ vâtâtapa sirim sapa samphassânam patighâtâya yâvadeva utuparissaya vinodanam patisallânâramattham.

Chỗ trú ngụ nào ta chưa quán tưởng mà ta đã ở trong ngày nay rồi, chỗ ở mà ta đã cư ngụ ấy để ngừa sự lạnh, s? nóng, muỗi, mòng, gió, nắng rần rít, cho đặng tránh sự khó chịu của thời tiết và được nơi thanh tịnh nơi thanh vắng để cho ta thực hành thiền định.

Thuốc chữa bệnh.

Ajja mayâ apaccavekkhitvâ yo gilânappaccaya bhesajja parikkhâro paribhutto so yâvadeva uppannânam veyyâbâdhikânam vedanânam patighâtâyâ abyâpajjhâparamatâyâti.

Thuốc chữa bệnh nào ta chưa quán tưởng mà đã dùng trong ngày nay rồi, thuốc mà ta đã uống ấy để ngăn ngừa những sự đau khổ đã phát sanh và cho được thoát khỏi sự đau đớn ấy.

* * *

Giới quán tưởng thanh tịnh trong tứ vật dụng được tròn đủ do nhờ trí tuệ panna thấy rõ tội lỗi của sự không quán xét và ân đức của sự quán tưởng.

Như trước kia có nhiều vị Tỳ Khuru thọ dụng tứ vật dụng mà không chịu quán tưởng, sau khi chết phải sanh làm súc sanh và địa ngục rất nhiều. Nhân có ấy Đức Phật mới truyền lệnh cho các bậc xuất gia phải quán tưởng xong sẽ dùng đến bốn vật dụng, và Ngài giảng thêm cho biết rằng: "Thọ vật dụng mà không có quán tưởng cũng như thọ dụng một thứ độc dược thật mạnh vậy". Hơn nữa, người thọ dụng mà không quán tưởng gọi là "Thiếu nợ" lẽ thường người thiếu nợ rồi không thể nào đi đâu được dễ dàng như thế nào thì người xuất gia thọ dụng mà không quán tưởng cũng gọi là còn mắc nợ người mà nếu còn thiếu nợ người thì cũng khó mà giải thoát được.

Thầy Tỳ Khuru khi thấy sự lợi ích của pháp quán tưởng như ông sa di Bhâgineyya đang thọ thực, thầy tế độ ông nhắc nhở ông rằng: "Ông sa di, ông không nên đốt lưởi của ông vì sự thọ thực không quán tưởng". Khi ông sadi nghe thầy nhắc như thế, phát tâm chán ngán ngồi tại chỗ ấy suy xét quán tưởng luôn cho đến khi đắc quả A La Hán. Ông bèn phát thính nói rằng: "Ta đã giác ngộ tròn đủ như trăng ngày rằm, các pháp "trâm luân"ta đã diệt hết, kiếp này đây ta không còn tái sanh lại nữa đâu".

Bởi vậy cho nên, người xuất gia khi thấy tội lỗi của sự không quán tưởng và điều lợi ích của sự quán tưởng, thì luôn luôn phải quán xét kỹ lưỡng rồi mới thọ dụng. Nếu trong lúc thọ lãnh hoặc đang thọ dụng mà quên quán tưởng thì còn phép quán tưởng bổ khuyết sau, nhưng quán tưởng bổ khuyết ấy có hiệu quả đến trước khi mặt trời mọc, quán tưởng trong 1, 2, 3 lần cũng được, chỉ trong một ngày, một đêm, nếu để quên đến khi mặt trời mọc qua ngày khác thì phải dứt giới quán tưởng thanh tịnh và thọ dụng "Còn thiếu nợ".

Dứt pháp quán tưởng thanh tịnh.

Dứt tứ thanh tịnh giới.

-ooOoo-

PABBAJITA KICCÀNI

PHẬN SỰ CỦA BẬC XUẤT GIA (VỀ GIỚI LUẬT)

Ngoài tứ thanh tịnh giới ra hàng Tỳ Khuru còn rất nhiều phận sự cần phải biết mà thực hành, nhưng đây chỉ tóm giải những điều quan trọng mà hàng Tỳ Khuru bỏ sót phận sự không thể được.

Hàng Tỳ Khuru phải biết:

- Cách làm lễ "Phát Lộ" uposatha;
- Cách làm lễ Tỳ tứ pavaranà;
- Cách nguyện hoặc xả Tam y adhitthànà cìvara;
- Cách chỉ định Y Bát vikappa;
- Cách sám hối tội lỗi desanàkathà;
- Cách nhập hạ Vass'ùpanàyika;
- Cách thọ lễ Kathina dâng y;
- Cách phân biệt thời hạn phức tạp của vật dụng kàlika sansagga,
- Bốn pháp dung hòa mahàpadesa.

Đây xin lần lượt giải tóm tắt ra từ pháp của mỗi phận sự.

Cách làm lễ phát lộ Uposatha (Bồ-tát)

Nơi nào có Simà (kiết giới) hợp pháp, từ bốn vị Tỳ Khuru trở lên thì đến ngày Rằm hoặc 30 (tháng thiếu 29) phải làm lễ Phát Lộ cách đọc giới bốn như ở phía trước, nếu chỉ có 3 hoặc 2 vị thì cũng làm lễ Phát Lộ bằng cách tỏ sự "trong sạch lẫn nhau"- parisuddhi; nếu có 3 vị thì nên đọc tuyên ngôn như vậy:

Sunatu me àyasmantà ajj'uposatho pannaraso (ngày 29 thì đọc cātuddaso)
yadāyasmantānam pattakallam mayam anna mannam parisuddhi uposatham
kareyyāma.

Xin các Ngài nghe tôi, hôm nay là ngày rằm nhằm ngày lễ "Phát Lộ", nếu sự hành lễ hợp thời đến các Ngài thì chúng ta phải tỏ sự trong sạch lẫn nhau.

Vị Tỳ Khuru cao hạ hơn trích y một bên vai mặt ngồi chồm hỏm hai tay chấp lại nói với mấy vị kia như vậy:

Parisuddho aham àvuso "parisuddhoti" mam dhàretha.

Này các bạn, tôi là người trong sạch, xin các bạn nhớ rằng tôi đây là người trong sạch (đọc Pali ba lần).

Kể các vị khác theo thứ tự của hạ đọc ba lần như trên, chỉ đổi chữ àvuso lại chữ bhante thôi.

Nếu chỗ ở nào chỉ có hai vị Tỳ Khuru khỏi cần đọc tuyên ngôn chỉ tỏ sự trong sạch của mình như cách trên, nhưng vị cao hạ hơn phải đổi dhàretha lại đọc là dhàrehi.

Còn như chỗ nào chỉ có một mình khi đến ngày lễ Phát Lộ cũng phải quét dọn trải chiếu nơi chỗ làm lễ Phát Lộ xong chờ một lúc coi có vị nào phương xa tới thì làm lễ chung, như đúng theo thường lệ mà không có vị nào đến khi mình phải nguyện như vậy: "Ajja me uposatho – Hôm nay là ngày lễ "Phát Lộ của tôi" nếu không nguyện hoặc không làm lễ thì phạm hành ác".

T.B. Năm nào trong mùa nắng có tháng nhuận thì đọc: ayam gimha utu, asmim utumhi pakativasena attha uposathà adhikamàsavasena dasa uposathà, imasmim pana utumhi adhikamàsò bhavissati, tasmà imimà pakkhena eko uposatho sampatto...

---o0o---

CÁCH LÀM LỄ TỰ TỰ' – PAVÀRANÀ

Phận sự phải làm trước khi làm lễ "Tự Tự'" cũng giống như cách làm lễ Phát Lộ chỉ khác ít chữ như vậy: chỗ nào nói uposathassa đổi lại là paràranàya, chỗ nào nói uposathamassa đổi lại là pavàranàkamma, chỗ nói chandappàrisuddhi àhàrananca đổi lại chandappavàra nàharananca: chỗ nói uposagge đổi lại là pavàranagge; chỗ nói chandàharanàdini đổi lại chandappavàranàdini; chỗ nói pàtimokkhuddesato đổi lại nattiya thapanato; chỗ nói uposatho đổi lại pavàranà, chỗ nói uposathadivasesu đổi lại

pavàranàdivasesu, chỗ nói ajjuposatho (pannaraso) đổi lại ajja pvarana pannarasi; chỗ nói cattaro bhikkhù đổi lại panca..., chỗ nói pàtimokkham uddisitum đổi lại nattim thapetum.

Trong khi làm lễ Phát Lộ phải đọc chỗ kê thời tiết như vậy: ayam vassana utu, asmim utumhi satta ca uposathà ekà ca pavàranà avasitthà. Nếu kỳ lễ sau chót hén đổi chữ avasitthà là paripunnà...

Khi làm lễm Tự Tứ nếu mỗi vị đọc ba lần thì đọc tuyên ngôn như vậy:

Sunātu me bhante sangho ajjappavàranà (pannarasi) yadi sanghassa patakallam, sangho tevàcikam pavàreyya.

Bạch đại đức Tăng, xin Chư Tăng nghe tôi, hôm nay là ngày rằm, nếu hành lễ Tự Tứ hợp thời thì xin Chư Tăng mỗi vị đọc lời "yêu cầu"ba lần.

Trước hết, vị cao hạ hơn hết mặc y để trống vai mặt ngồi chồm hóm day về Chư Tăng rồi đọc ba lần.

Raha sangham àvuso navàremi ditthena và sutena và parisankàya và vadantu mam àvasmanto anukampam upadàya, passanto patikarissàmi,

Dutiyampi àvuso sangham pavàremi...

Tatiyampi àvuso sangham pavàremi...

Này các bạn, tôi xin yêu cầu đến Chư Tăng do sự thấy, sự nghe hoặc sự nghi ngờ nào, xin Chư Tăng vì lòng tế độ chỉ cho tôi biết, khi tôi thấy rõ điều sai quấy ấy rồi tôi sẽ làm cho trong sạch.

Lần thứ nhì...

Lần thứ ba....

Kế tiếp Chư Tăng tùy theo thứ tự của hạ mà đọc lời "yêu cầu" in như trên, chỉ đổi chữ Avuso lại chữ Bhante.

Khi có sự kinh sợ xảy ra hoặc có điều tai hại như đã giải ở lễ Phát Lộ hoặc Chư Tăng đang lúc dò xét kinh luật hoặc Chư Tăng cu hội đông quá không thể đọc lời "yêu cầu"ba lần thì được thì đọc hai lần, một lần, hoặc đồng nhau

đọc chung cũng được nhưng thầy Tỳ Khuru thông hiểu nhau đọc tuyên ngôn như vậy:

Sunātu me bhante sangho manussehi dānam dentehi yebhuyyena ratti khepitā; sace sangho tevācīkam pavāressati appavārito va sangho bhavissati, athāyam ratti vibhāyissati. Yadi sanghassa pattakallam, sangho dvevācīkam pavāreyya.

Nếu đọc yêu cầu một lần thì đôi câu chót như vậy: sangho ekavācīkam pavāreyya.

Nếu đồng hạ nhau đọc chung, đôi câu chót như vậy: sangho samānavassakam pavāreyya.

Cách tuyên ngôn trên đây là do có nhiều người đến chùa làm phước lâu và đông đảo lắm.

Nghĩa bài trên: Bạch đại đức Tăng, xin Chư Tăng nghe tôi, bởi vì có nhiều người đến làm phước sáng đêm, nếu Chư Tăng đọc "yêu cầu" ba lần thì không biết chừng nào xong, như thế sẽ đến sáng không sai. Nếu hành sự yêu cầu mà hợp thời, thì xin Chư Tăng đọc "yêu cầu" hai lần; một lần hoặc đồng hạ đọc chung nhau.

Còn nếu có sự trở ngại khác, như có tai hại đến phạm hạnh thì: Sunātu me bhante sangho, ayam bramācariyantarāyo; sace sangho...

Nếu có sự tai hại nào cứ đối pāli từ chữ Ayam... tùy theo sự tai hại ấy.

Cách yêu cầu trong bốn vị khác hơn (vì một vị đọc "yêu cầu" thì chỉ còn ba vị nghe thôi nên không thể gọi là: Sangha pavāranā được) nên phải đọc tuyên ngôn như vậy:

Sunantu me āyasmanto, ajjappavāranā (pannarasi). Yad'āyasmantānam pattakallam, mayam anna mannam tevācīkam pavāreyyāma.

Xin chư đại đức nghe tôi, hôm nay là lễ "yêu cầu" ngày rằm, nếu lễ "yêu cầu" hợp thời đến chư đại đức, thì chúng ta phải đọc lời yêu cầu lẫn nhau mỗi vị ba lần.

Vị cao hạ đọc như vậy:

Aham àvuso àyasmante pavàremi...

Kể mấy vị khác theo thứ tự của hạ đọc.

Aham bhante àyasmante pavàremi....

Nếu chỗ ở nào có ba vị thì đọc tuyên ngôn như vậy:

Sunantu me àyasmantà...

Cách đọc "yêu cầu" như trên (mỗi vị đọc ba lần).

* Nếu chỗ ở nào có hai vị thì khỏi cần đọc tuyên ngôn, chỉ đọc lời "yêu cầu", với nhau như vậy:

Aham àvuso àyasmantam pavàremi...

Ông nhỏ hạ hơn thì đổi àvuso ra bhante....

* Nếu chỗ ở nào chỉ có một mình thì cũng sửa soạn như cách làm lễ Phát Lộ, xong chờ nếu không có vị nào đến thì phải làm lễ nguyện như vậy "Ajja me pavàranà: Hôm nay ngày lễ Pavàrana của tôi. Nếu không nguyện phạm hành ác.

--- o0o ---

CÁCH NGUYỆN HOẶC XẢ Y

ADHITTHÀNA CÌVARA

Thầy Tỳ Khuru trong Phật giáo mỗi khi được y vừa cử phải chú nguyện là bề ngang bốn ngón, bề dài tám ngón Đức Phật (T.Tg quyển 8 tr. 143) lời năm tấc Xúc 1 thước tây). Nếu có thọ lãnh lễ kathina dâng y thì được phép cất giữ y ấy trong khoảng năm tháng kể từ ngày ra hạ kỳ trước, nếu không có phước báu của lễ kathina thì được phép cất giữ trong một tháng sau khi ra hạ kỳ trước, ngoài thời hạn kể trên mỗi khi được y chỉ được phép cất giữ trong

10 ngày, như thế tùy theo hạng định phải chú nguyện về loại y nào cho rồi để quá hạn kỳ sẽ phạm Ưng Xã Đồi Trì.

Trước khi chú nguyện phải làm dấu – bindu là khoanh tròn trong ba màu là: màu xanh, bùn, đen, tròn cỡ đũa cọng tranh và không lớn hơn mắt con công. Khi làm dấu nói như vậy: "Imam bindu kappam karomi". Tôi làm dấu y này.

Có bảy thứ y phải chú nguyện là:

1. Tam y
2. Y tắm mưa
3. Y tọa cụ
4. Y ngọa cụ
5. Y đắp ghế (y mặc lót trong khi có ghế)
6. Y hoặc khăn lau mặt
7. Y phụ thuộc.

Trừ sáu thứ y sau ra, còn tam y trước khi chú nguyện y mới phải đọc xả bỏ chú nguyện y cũ (nếu có) bằng không; lời chú nguyện sau không thành tựu.

- Xả y tăng già lê đọc: Imam sanghàtim paccuddharàmi: Tôi xin xả Tăng già lê này;

- Nếu là y Uất đà la tăng (vai trái) thì đổi chữ sanghatim lại là uttaràsangam;

- Nếu là y An đà hội (y nội) thì đọc Antaravàsakam....

Khi xả xong mới nguyện lá y nào mà mình cần dùng.

Cách chú nguyện bảy thứ y:

- Y Tăng già lê: Imam sanghàtim adhitthàmi: Tôi xin chú nguyện y Tăng già lê này.

- Y Uất đà la tăng: đổi ra uttaràsangam...

- Y An đà hội: đổi lại antaravàsakam...

Ba thứ y này kể chung về một loại y là Tam y.

Y Tắm mưa: đổi lại là vassikasàtikam...

Y Tọa cụ: đổi lại là nisìdanam...(trái ngòì)

Y đắp ghế: đổi lại là kandupaticchàdim...

Y ngọa cụ: đổi lại là paccatharanam...

Y làm khăn lau mặt: đổi lại là mukhapunchanacolam...

Y phụ thuộc: đổi lại là parikkhàracolam...

Ngoài bảy thứ y này ra còn mấy thứ khác khi chú nguyện kể tên ra cũng được: như dây vải buộc ngực (dùng cho y Tăng già lê rớt), đổi lại là: imam urabandhanam...

Giây buộc lưng: imam kàyabandhanam...

Y hăng sắc (lót mồ hôi): imam ansakam...

Như các thứ y này mà mình đứng trong khuôn khổ một hán một gan thì đọc imam; còn ở ngoài khuôn khổ thì đọc etam. Ngoài một lá y thì đọc imam, nhiều lá y thì đọc imàni, như ngoài khuôn khổ một là y thì đọc etam, nhiều là y thì đọc etàni.

Thí dụ như nhiều là y phụ thuộc thì đọc: imàni parikkhàracolàni adhitthàmi: tôi xin chú nguyện những y phụ thuộc này.

Cách chú nguyện bình bát có hai.

Bát ở trong khuôn khổ và ngoài khuôn khổ (như cách nguyện y) (1) Bình bát bằng đất ở trong khuôn khổ thì đọc: Imam mattika pattam adhitthami: tôi xin chú nguyện đây là bát đất. Nếu bát sắt thì đọc: imam ayapattam... hoặc nguyện tổng quát như vậy: imam pattam adhitthàmi. Ngoài hai thứ bát này ra, thầy Tỳ Khuru dùng xài bát cây, ngọc, vàng, bạc v.v.. phạm tác ác.

Y và bát khi đã chú nguyện rồi có chín nguyên nhân làm cho đứt adhitthàna.

1. Cho người
2. Trộm cướp lấy mất
3. Bạn thân lấy đi
4. trở xuống bậc thấp
5. Hoàn tục

6. Liễu đạo (chết)
7. Khi trai hóa gái, gái hóa trai
8. Đọc xá adhtthàna
9. Lũng lỗ bằng ngón tay út

Còn bát thì chỉ khác điều thứ chín, nếu bát lũng lỗ vừa cho hột bo hoặc hột com lọt ra vô được, phải vá hoặc trám lại và chú nguyện lại trong khoảng 10 ngày.

CHỈ ĐỊNH (nhường cho) CÁCH Y, BÁT: VIDHÌ VIKAPPA

Khi được y đúng cỡ phải chú nguyện đã giải phía trước, nếu không chú nguyện về loại y nào theo thời gian nhất định thì phải đem đi chỉ định với năm hạng người đồng đạo là: Tỳ Khuru, Tỳ Khuru ni, sadi, sadi ni, sikkhàmàna (thức xóa ma na - phụ nữ Tỳ Tứ tập sự hai năm đăng lên Tỳ Khuru ni), nhưng hiện nay chỉ còn Tỳ Khuru và sadi mà thôi (theo Phật giáo nam tông mấy hạng Tỳ Tứ nữ kia không còn tồn tại).

Cách chỉ định có hai:

1. Cách chỉ định có mặt:
2. Cách chỉ định vắng mặt.

Khi thầy Tỳ Khuru đem một lá y trước mặt một vị khác nói rằng: imam cìvaram tuyham vikappemi: tôi xin chỉ định (nhường) y này cho Ngài (hoặc bạn), gọi là chỉ định ngay mặt. Nếu mình thân thích vị Tỳ Khuru hoặc sadi tên gì thì chỉ định ngay tên ấy (hiện vị ấy không có mặt) mình nói với vị nào tại đó cũng được (như thế gọi là chỉ định vắng mặt).

Khi đem y đến trước mặt một vị nào nói rằng: imam cìvaram (tên...) bhikkhuno vikkappemi: tôi xin chỉ định y này cho vị Tỳ Khuru tên... nếu muốn chỉ định cho ông sadi thì nói: imam cìvaram (tên...) sàmanerassa vikappemi. Nếu y nhiều lá thì nói: imàni cìvaràni... y nhiều, ít, ở xa, gần cũng phải đổi pàli theo như cách nguyện y. Khi chỉ định như thế rồi mình cất giữ đi cũng được, nhưng không được phép dùng xài hoặc cho ai. Trong một lúc sau vị mình chỉ định ấy nói như vậy: imam cìvaram mayham santakam (nếu nhiều là y thì nói santakani) paribhunja và vissajjehi và yathapaccayam và karohi y này của tôi, bạn cứ lấy cần dùng hoặc bỏ cho ai hoặc làm thế nào tùy ý. Khi vị kia nói như vậy thì chỉ định lúc trước đã xóa bỏ. Thầy Tỳ Khuru muốn cần dùng y ấy làm chỉ định cũng được (đây là cách hủy bỏ sự chỉ định

có mặt); còn cách chỉ định vắng mặt thì vị nào mình nói trước mặt đó, vị ấy khi nói với mình như vậy: Tên... (1) bhikkhuno santakam paribhujja và... ya này của thầy Tỳ Khuru tên... bạn cứ lấy cần dùng v.v.. Còn một cách chỉ định khác là mượn vị khác chỉ định dùng, là đem y đến trước mặt một vị nào và nói xin làm ơn chỉ định y này cho vị Tỳ Khuru hoặc sadi nào mà mình thân thích. Vị kia nói: Aham tên... (1) bhikkhuno dammi tôi cho y này đến Tỳ Khuru tên... (cách này không mấy cần thiết lắm). Theo trong chú giải Vimani vinodani nói rằng: y sau khi đã xả bỏ chỉ định, như không nguyện để vậy dùng xai cũng được và quá 10 ngày cũng không phạm tội vì y ấy đã thuộc về loại y chỉ định rồi. Có chỗ nói nên nguyện thì càng tốt.

cách chỉ định bát

Giống cách chỉ định y chỉ đôi pàli là: Imam pattam...

Nếu có nhiều bát thì nói: ime patte...

Nếu có nhiều bát hủy bỏ chỉ định thì nói: Mayam santake... hơn nữa khi bát đã chỉ định cho vị nào rồi, nếu vị ấy là bạn thân, mình có thể lấy bát ấy đem dùng xai cách thân mật trước mặt hoặc vắng mặt vị ấy cũng được không phạm tội.

---o0o---

CÁCH SÁM HỐI

DESANÀKATHÀ

Trong Phật pháp mỗi khi vị Tỳ Khuru nào có phạm tội lỗi chi phải ăn nan hồi ngộ khai tội ấy ra rồi sám hối.

Tội lỗi ấy có 7 thứ:

1. Bất Cộng Trụ – paràjika.
2. Tăng Tàng – sanghàdisena
3. Tội trọng – thullaccaya
4. Ứng đối trị – pàcittiya
5. Ứng phát lộ – patidesaniya
6. Hành ác – dukkata
7. Ác khẩu – dubbhàsita.

Như tội thứ nhất khi phạm rồi thì phải khai ra và hoàn tục hoặc xuống sadi (tùy theo tội), phạm tội thứ nhì thì phải phạt cấm phòng tù theo lâu mau. Còn như phạm tội kia thì chỉ sám hối xong thì được trong sạch.

Như phạm một tội thì sám hối như vậy (cách phạm trọng tội). Vì vị phạm tội ấy đến trước một vị Tỳ Khuru nào, nếu vị ấy cao hạ phải quỳ lạy và bạch rằng: Aham bhante ekam thullaccayam àpattim àpanno tam patidesemi – Bạch Ngài tôi đã phạm một tội trọng, tôi xin sám hối tội ấy. Vị kia trả lời: Passasi àvuso? Bạn có thấy tội không? Vì phạm tội nói: Ama bhante passàmi – Bạch Ngài tôi thấy rồi. Vị kia nói tiếp: Ayatim àvuso samvareyyàsi. Vậy bạn hãy thu thúc từ nay về sau. Vị phạm tội trả lời: Sàdhu, sutthu bhante samvareyyàmi - Lành thay ! Bạch Ngài tôi thu thúc cho tốt đẹp từ nay – Nếu vị cao hạ hơn sám hối với vị nhỏ hạ thì nói: Aham àvuso..., này bạn v.v... vị nhỏ hạ trả lời: passatha bhante? Ngài có thấy không? Vị lớn hạ nói: ama àvuso passàmi. Này bạn tôi thấy rồi. Vị nhỏ hạ nói: ayatim bhante samvareyyàtha: Vậy Ngài hãy thu thúc từ nay về sau – Còn câu sau chót thì chỉ đổi chữ àvuso. Như phạm mấy tội sau nữa thì chỉ đổi tên của tội ấy như : ekam pàcittiyam....., ekam patidesaniyam....., ekam dukkatam..., ekam dubbàsitam...

Nếu phạm một tội nào mà hai lần thì nói:dve thullaccayâyo àpattiyo apanno, tà patidesemi... Nếu phạm một tội mà ba lần sắp lên thì đổi chữ dve lại thành Sambahulà (nhiều tội).

Nếu phạm một tội nhiều mà điều học khác nhau thì nói: Aham bhante sambahulà nà nà vathukàyo thullaccayâyo àpattiyo, àpanno tà patidesemi – Bạch Ngài tôi đã phạm nhiều tội trọng mà điều học khác nhau....

Nếu phạm các tội khác thì đổi chỗ tên tội ấy lại là:
pàcittiyâyo....patidesaniyâyo.... dukkatâyo...dubbhàsitàyo...

Còn một cách sám hối tổng quát không khai rõ tội chi, chỉ nói có phạm tội nặng, tội nhẹ vậy thôi (cách này ít khi dùng chỉ còn dùng nơi các phái xưa).

Sabbe garu lahuk'àpattiyo àrocemi aham bhante sambahulà nà nà vatthukàyo àpattiyo àpanno, tà patidesemi – Bạch Ngài tôi xin cho Ngài hay tôi có phạm nhiều tội nặng, nhẹ mà điều học khác nhau, vậy tôi xin sám hối những tội lỗi ấy.

Vị cao hạ trả lời: passasi àvuso tà àpattiyo? Bạn có thấy những tội lỗi ấy không? (phần sau cũng như ở trên).

---o0o---

CÁCH SÁM HỐI VỀ ƯNG XẢ ĐỐI TRỊ (B. SIKKHÀ P. 509)

Thầy Tỳ Khuru thọ lãnh y cử đúng theo khuôn khổ mà quên không chú nguyện không chỉ định cho ai để quá hạn kỳ 10 ngày thì phải đem y ấy xả bỏ giữa Chư Tăng hoặc một, hai, ba vị cũng được, rồi sám hối mới hết tội. Xả giữa Chư Tăng thì đọc: Idam me bhante cìvaram dasàhàtikhantam nissaggiyam, imàham sanghassa nissajjāmi – Bạch đại đức Tăng, y này tôi để quá 10 ngày, phải xả bỏ, tôi xin xả y này đến Chư Tăng. Vị luật sư phải tuyên ngôn trình Chư Tăng như vậy: Sunātu me bhante sangho, idam cìvaram (tên...) bhikkhuno nissaggiyam sanghassa nissattham, yadi sanghassa pattakallam, sangho imam cìvaram (tên...) bhikkhuno dadeyya – Bạch Chư Tăng, xin Chư Tăng nghe tôi trình, y này của vị Tỳ Khuru tên... đã xả bỏ đến Chư Tăng; sự xả bỏ này nếu hợp thời đến Chư Tăng xin Chư Tăng cho y này lại vị Tỳ Khuru tên...

nếu y nhiều thì khi xả bỏ phải đọc như vậy: imàni me bhante cìvarāni dasàhàtikkhantāni, ninaggiyāni imànāham sanghassa nissajjāmi. (chỉ đổi lại số nhiều thôi). Nếu xả y với ba vị thì: idam me bhante cìvaram dasàhàtikkhantam, ninaggiyam, imàham àyasmantānam nissajjāmi. Chỉ có khác là bạch các Ngài, nghĩa y như trên.

Cách cho y xả ấy lại, nếu nói tiếng pàli không được thì thứ tiếng nào cũng được miễn là người nghe cho hiểu công việc ấy. Pàli đọc trình các vị Tỳ Khuru đặng cho y lại: sunantu me àyasmantā, idam cìvaram (tên...) bhikkhuno nissaggiyam àyasmantānam nissattham; yad'àyasmantānam pattakallam, àyasmantā imam cìvaram (tên...) bhikkhuno dadeyya, chỉ có khác nghĩa là: Bạch chư đại đức.

Nếu vị xả y với một vị Tỳ Khuru thì nói: idam me bhante cìvaram dasàhàtikkhantam nissaggiyam, imàham àyasmato nissajjāmi. Nếu vị lớn hạ hơn xả y thì nói: àvuso và àyasmato... nếu xả bỏ bất quá 10 ngày trước Chư Tăng thì chỉ đổi chữ cìvaram ra chữ pattam – Nhiều bất thì nói: ime... Patte...

---o0o---

CÁCH XẢ VÀNG BẠC MÀ MÌNH ĐÃ THỌ LÃNH

Thầy Tỳ Khuru nào cố ý hoặc vô ý mà thọ lãnh vàng bạc thì phải đem đến giữa Chư Tăng xả bỏ như vậy:

Aham bhante rūpiyam patiggahesim idam me nissaggiyam, imāham sanghassa nissajjāmi – Bạch đại đức Tăng, tôi đã thọ lãnh tiền bạc, tiền bạc này tôi phải xả bỏ, tôi xin xả bỏ tiền bạc này đến Chư Tăng.

Xong rồi phải sám hối tội lỗi ấy – Còn về phần Chư Tăng thì phải xử dụng tiền bạc ấy cho đúng luật theo cách Đức Phật đã dạy (coi luật xuất gia quyển hạ).

---o0o---

CÁCH NHẬP HẠ VAS'ÙPANÀYIKA

(T. Tg 3 Tr. 2).

Theo trong Phật Giáo khi đến mùa mưa các vị Tỳ Khuru và sadi phải nhập hạ trong ba tháng.

Trong Phật Giáo mỗi năm có ba mùa: mùa nắng kể từ 16 tháng 2 đến rằm tháng 6 (cả thảy 4 tháng) mùa mưa kể từ 16 tháng Asàlha (nếu năm đi điều hòa không có tháng nhuận trong mùa nắng, thì nhằm tháng 6 âm lịch) cho đến rằm tháng 10; mùa lạnh từ 16 tháng 10 đến rằm tháng 2. Nhưng khi nhập hạ thầy Tỳ Khuru chỉ cư trú trong ba tháng thôi. Vì cách nhập hạ có hai:

- Purimikāvassà: nhập hạ kỳ trước, kể từ 16 tháng 6 cho đến rằm tháng chín âm lịch.

- Pacchimikāvassà: nhập hạ kỳ sau, kể từ 16 tháng 7 cho đến rằm tháng 10.

Khi đến mùa kiết hạ mà thầy Tỳ Khuru không chịu nhập hạ kỳ nào hết, phạm hành ác.

Trong lúc kiết hạ nếu có tai hại bỏ đi chỗ khác không phạm tội chỉ đức hạ thôi (nếu dứt hạ thì chỉ không được phước báu do lễ kathina). Như có

chuyện thì được phép đi trong 7 ngày nội ngày thứ 7 phải về tới chỗ nhập hạ đùng để đến mặt trời mọc lên ngày thứ 8 thì dứt hạ. Như năm hạng người đồng đạo hoặc cha mẹ đau hoặc có việc cần thiết không cần ai thỉnh mình đi karaniyakicca trong 7 ngày, ngoài ra phải có người đến thỉnh để làm phước, thuyết pháp, dâng chùa v.v.. thì mới được phép đi. Đến ngày kết hạ phải dọn quét chỗ ở cho sạch sẽ, vị sư trưởng phải các nghĩa ranh giới của chùa trong bốn hướng cho mỗi vị điều biết ngửa khi ra khỏi ranh giới khi mặt trời mọc. Như có việc cần đi ra khỏi chùa phải trở vào trước khi mặt trời mọc, còn khi muốn ra đi thì phải chờ cho mặt trời mọc lên rõ rệt. Sự nhất định mặt trời mọc là thấy những tia ánh hồng rọi lên ở phương đông, hoặc xem chỉ tay thấy rõ rệt, hoặc thấy phân biệt lá cây tươi khô. Khi ra đi lâu thì lúc khỏi ranh chùa nên chú nguyện trong tâm rằng: "Ta phải trở về trong khoảng 7 ngày".

Nếu chùa to khi kết hạ cu hội vào chánh điện đọc chung như vậy: Imasmim àvase imam temà sam vassam upema. - "Chúng ta ở kết hạ chỗ này trong ba tháng"

n?u ở chung trong chùa hoặc tịnh thất to lớn thì đọc:

Imasmim vihàre imam temàsam vassam upema – "Chúng ta ở kết hạ chỗ này trong ba tháng"

Nếu chỗ ở có một mình thì đọc:

Imasmim senàsane imam temàsam vassam upemi - "Tôi ở kết hạ chỗ này trong ba tháng"

khi đến kỳ nhập hạ, nếu không biết tiếng pàli nhưng chỉ chú nguyện trong tâm rằng: "Ta phải kết hạ ở đây trong ba tháng" cũng được .(1)

---o0o---

CÁCH THỌ LỄ DÂNG Y – KATHINA

(T. Tg. 8è: Trg. 1-8)

thầy Tỳ Khuru nào kết hạ kỳ trước, khi ra hạ rồi nếu có thí chủ dâng y kathina thì được phép lãnh. Nếu chùa mình ở không đủ năm vị Tỳ Khuru để thọ lãnh thì thỉnh thêm các vị ở chùa gần cho đủ Tăng (năm vị trở lên) đặng

đọc tuyên ngôn phải làm lễ trong vòng sima mới thành tựu phước báu. Thầy Tỳ Khuru nào muốn thọ lãnh lễ kathina phải thông hiểu 8 pháp là:

1. Pubbakarana – phận sự phải làm trước (như cắt, may, nhuộm v.v..)
2. Paccuddhàra: cách xả y cũ (coi cách xả y phía trước).
3. Adhitthàna: cách nguyện y mới.
4. Atthàra: cách nên thọ và không nên thọ (cách nên thọ lãnh có 17, cách thọ không thành tựu có 24).
5. Maticà: nhân sanh 8 thể cách để thọ lãnh cho đúng phép.
6. Palibodha: hai vật ràng buộc (y và chỗ ở).
7. Ubbhàra: hai cách xả kathina.
8. Anisansa: năm phước báu (đây chỉ tóm tắt các pháp này có giải rộng trong quyển kathinakathà)

Nếu như y thí chủ đã may sẵn đem đến dâng, thầy Tỳ Khuru thông thạo xem xét coi cách cắt, may, nhuộm, có đúng luật không. Như đúng theo luật rồi thì phải xả y cũ, chú nguyện theo tên thứ y nào mà mình thọ (ngoài tam y ra thọ không thành tựu). Như thọ y Tăng già lê thì nên nói lớn cho mấy vị khác nghe như vậy: Imàya sanghàtiyā kathinam attharāmi: tôi thọ kathina với y Tăng già lê này. Như thọ y Uất đà la tăng thì nói: Iminā uttārasangena kathinam attharāmi: tôi thọ kathina với y Uất đà la tăng này. Nếu thọ y An đà hội thì nói: Iminā antaravāsakena kathinam attharāmi: tôi thọ kathina với y An đà hội này. Khi thọ xong ngồi chồm hỏm chấp tay dảy về phía Chư Tăng đọc cho mấy vị kia đồng hưởng phước báu như mình: - Atthatam àvuso sanghassa kathinam dhammiko kathinatthāro anumodathā: này các bạn, kathina của Chư Tăng tôi đã thọ rồi, sự thọ này được hợp pháp, xin các Ngài hoan hỷ thọ lãnh phước báu.

Nếu ở chùa ấy chỉ có hai vị thì vị lãnh cao hạ hơn phải nói với một vị kia chừa sau chót hết như vậy: anumodāhi.

Mấy vị kia đều ngồi chồm hỏm chấp tay đọc thọ lãnh phước báu như vậy: Atthatam bhante sanghassa kathinam dhammiko kathinatthāro anumodāma:

bạch Ngài, kathina của Chư Tăng Ngài đã thọ, sự thọ ấy hợp pháp, chúng tôi xin hoan hỷ thọ lãnh phước báu. Như cao hạ hoặc nhỏ hạ chỉ đổi bhante ra àvuso thôi. Nếu chỗ ấy chỉ có một vị thọ phước báu thì chữ sau chót đổi lại là anumodàmi: tôi xin thọ lãnh phước báu.

Khi đọc thọ như thế rồi thì cũng được đầy đủ năm phước như vị kia vậy.

---o0o---

THỜI HẠN PHỨC TẠP CỦA VẬT DỤNG

KÀLIKA SANSAGGA (T, Tg. 7e Trg. 378)

Thời hạn của vật dụng có 4:

Yâvakàlika: thời hạn từ sáng tới đúng Ngọ.

Yâmakàlika: thời hạn trong một ngày một đêm.

Satt'âhavika: thời hạn trong bảy ngày.

Yâvajivika: thời hạn vô tận (dùng xài cho đến hết vật ấy).

Thầy Tỳ Khuru thọ lãnh vật dụng phải biết rõ thời hạn của vật ấy là bao lâu đặng cất giữ, nếu không biết phân biệt được hoặc quên mà để quá thời hạn (như đường, sữa, mật v.v..) thì cũng phạm tội. Như vật thọ lãnh xong chỉ được phép cất giữ từ sáng đến trưa gọi là Yâvakàlika nếu để quá Ngọ ăn uống hoặc để cách đêm rồi lấy ra dùng như cơm, vật thực, bánh mới cũ v.v.. Khi sái thời hạn mà còn lấy ăn uống phạm mỗi tiếng ăn mỗi tội – Tám thứ nước dùng để giải khát trong buổi chiều tối như là: nước trái trâm, trái xoài, trái chuối, trái viêt: Srâkum, thanh trà v.v.. Khi chinh xế nếu có người chưa thọ cụ túc giới làm đem dâng thì được phép cất giữ thọ dụng cho đến sáng hôm sau, nhưng khi mặt trời mọc ngày sau thì không được dùng, nếu dùng phạm hành ác. Các thứ nước ấy gọi là yâmakàlika. Trong buổi sáng thầy Tỳ Khuru thọ trái cây tự làm nước xong chỉ được phép trong buổi sáng thôi, đến buổi chiều uống phạm tội vì tự mình làm lấy. Còn thọ trái cây trong buổi sáng, đến chiều tự mình làm lấy uống cũng không được. Nếu sadi làm lượm xong dâng cho thì thọ được.

Năm thứ như bơ đặt, bơ tươi, đường, mật ong (dầu mè v.v..) thầy Tỳ Khuru khi thọ lãnh chỉ được phép cất giữ trong 7 ngày gọi là Satt'âhakàlika, nếu để quá 7 ngày các vật ấy không thể dùng được vì đã phạm Ưng Xã Đối Trị. Khi đã phạm Ưng Xã Đối Trị rồi mà còn lấy ra uống phạm hành ác.

Các thứ thuốc để dành dặng chữa bệnh như rễ cây, củ, lá, bông, trái, vỏ thuộc loại dùng làm thuốc hoặc muối hay là một thứ thuốc nào theo cách cần dùng hiện tại đều gọi là thuốc để ngừa bệnh: Yâvajivaka khi thọ lãnh rồi có thể để dành cần dùng cho đến khi hết vật ấy. Nhưng muối lấy đem ra thọ dụng chung với vật thực thì không nên, chỉ dùng để chữa bệnh không mà thôi. Còn các vật này mà phức tạp trộn lộn lẫn nhau thì Đức Phật có giải như vậy: Nay các thầy Tỳ Khuru, vật dụng có thời hạn từ sáng đến trưa mà lẫn lộn nhau với vật dụng có thời hạn trong một ngày một đêm, thầy Tỳ Khuru thọ lãnh trong ngày ấy thì chỉ dùng được từ sáng đến trưa thôi. Như vật dụng có thời hạn trong bảy ngày trộn lộn với vật dụng có thời hạn từ sáng đến trưa thì chỉ dùng được trong buổi sáng thôi. Còn vật dụng thời vô hạn trộn chung với vật có thời hạn từ sáng đến trưa chỉ được phép dùng trong buổi sáng, sái giờ không nên dùng.

Như vật dụng có thời hạn 7 ngày trộn lộn với vật một ngày một đêm thì chỉ được phép dùng trong một ngày đêm ấy thôi.

Còn vật dụng có thời vô hạn trộn lộn với vật 7 ngày thì chỉ dùng được trong 7 ngày thôi, quá 7 ngày không nên dùng. Như thầy Tỳ Khuru đi khát thực họ để bát có nhiều vật có thời hạn khác nhau, khi về rồi vật nào không trộn dính lộn với nhau như họ để củ gừng, trái đầu khấu, trà, đường sữa v.v.. thì lấy ra để riêng dùng được tùy thời hạn của vật dụng ấy. Như đường sữa thì để trong 7 ngày, còn gừng, trà, trái đầu khấu thì cất giữ dùng cho đến hết.

---o0o---

BỐN PHÁP DUNG HÒA – MAHÀPADESA

(T. Tg. 7e Trg 377)

Pháp dung hòa là pháp tùy theo hoặc chịu theo trường hợp. Lúc ấy các thầy Tỳ Khuru phát tâm nghi ngờ không biết điều nào Đức Phật cho phép, điều nào Ngài không cho phép. Bèn đến bạch Phật. Nhân có ấy đức Bốn Sư giải rằng:

Yam bhikkhave mayâ idam na kappatiti appatikkhittam tance akappiyam anulimeti kappiyam patibahati tam vo na kappati, yam bhikkhave mayâ idam na kappatiti appatikkhittam tance kappiyam anulometi akappiyam patibahati tam vo kappati, yam bhikkhave mayâ idam kappatiti ananunnâtam tance

akappiyam anulometi kappiyam patibahati tam vo na'kappati, yam bhikkhave mayâ idam kappâtiti ananunnâtam tance kappiyam anulometi akappiyam patibahati tam vo kappatiti.

Này các thầy Tỳ Khuru, điều nào mà Như Lai không cấm chỉ rằng là điều không nên làm, nếu điều ấy mà dung hòa theo điều không nên làm thì các thầy không nên làm điều ấy. Còn điều mà Như Lai không cấm chỉ rằng là điều không nên làm, nếu điều ấy mà không dung hòa theo điều nên làm thì các thầy nên làm điều ấy.

Điều nào mà Như Lai không thể chế định (cho phép) rằng là điều nên làm, nếu điều ấy mà dung hòa theo điều không nên làm thì các thầy không nên làm điều ấy. Còn điều mà Như Lai không chế định rằng là điều nên làm, nếu điều ấy mà dung hòa theo điều nên làm (điều tốt) thì các thầy nên làm điều ấy.

Bốn pháp dung hòa trên đây, hai pháp trước thuộc về cấm chỉ, hai pháp sau thuộc về chế định. Như vậy thầy Tỳ Khuru mỗi khi muốn làm một điều chi (ngoài điều học mà Ngài đã cấm hoặc cho phép) thì nên suy xét coi điều ấy có nên làm không. Thí dụ như tám thứ nước của trái cây Phật cho phép độ trong lúc sái giờ mặc dầu nước các thứ trái nho nhỏ khác Ngài chưa cho phép nhưng các nước của thứ trái cây ấy có thể dung hòa được. Như Ngài cấm 7 thứ mẽ cốc không cho dùng làm nước độ trong buổi chiều, dầu các thứ đậu Ngài chưa cấm nhưng các loại đậu ấy cũng dung hòa theo 7 thứ mẽ cốc, cho nên dùng làm nước độ chiều cũng không được.

Còn như Phật chưa cho phép dùng dưa hoặc mu?i nia, nhưng các vật này dùng có vệ sinh và phù hợp theo quốc độ thì các vật ấy cũng dung hòa cho dùng được. Như nha phiến Phật Ngài chưa cấm nhưng tùy tình trạng xã hội và quốc luật thì các vật ấy cũng dung hòa theo vật không nên dùng.

Các pháp dung hòa này dùng để cho các bậc trí thức suy xét cho tỉ mỉ đặng thực hành cho khỏi lầm lộn.

---o0o---

LINH TINH – PAKINNAKA

Ngoài những phạm sự kể phía trước, thầy Tỳ Khuru còn cần phải biết nguyên nhân phát sanh tội lỗi có 6 là:

1. Alajjità: Không sợ tội lỗi (dầu cho biết làm như thế là phạm tội nhưng vẫn cứ làm).

2. Annànatà: Không hiểu luật (là không chịu học hỏi muốn làm chi thì làm dầu phạm dầu không cũng mặc kệ).

3. Kukkucca pakattakà: Nghi cũng cứ làm (như trong nước không có vi trùng (con quăn) mà tâm hoài nghi không chừng có, nhưng vẫn múc nước ấy dùng xài) như thế cũng phạm tội.

4. Akappiye kappiya sannità: Điều không nên làm tưởng cho rằng nên làm (như 10 thứ thịt không nên dùng mà thầy Tỳ Khuru tưởng cho rằng thứ thịt nên dùng rồi ăn cũng vẫn phạm tội).

5. Kappiye akappiya sannità: Điều nên làm tưởng cho rằng không nên làm (như y mới phải làm dấu và chú nguyện nhưng không làm cũng vẫn phạm tội).

6. Satì samosà: Quên không chú ý (như đường, sữa, mật ong chỉ để dành trong 7 ngày nhưng quên vô ý để 8, 9 ngày cũng vẫn phạm tội vì vô ý).

Khi biết được nguyên nhân phát sanh tội lỗi thì thầy Tỳ Khuru khi làm điều chi coi có lọt vào trong những nhân ấy không, mới tránh được điều tội lỗi.

-ooOoo-

CÁCH TỎ SỰ ỨNG THUẬN VÀ TRONG SẠCH

CHANDA PÀRISUDDHI (T. Tg 6è 387 – 391)

Thầy Tỳ Khuru ở chung nhau trong một Simà (chỗ kết giới) khi Chư Tăng có hành Tăng sự nào mà mình mắc bận không thể đến cu hội được thì nên tỏ sự ưng thuận của mình với công việc làm của Chư Tăng ấy, như ở gần hoặc gặp vị nào sẽ đi hành Tăng sự mình nói: chandam dammi chandam me hara chandam me àrocchi – Tôi xin tỏ sự ưng thuận, bạn hãy đem sự ưng thuận của tôi nói với Chư Tăng.

Đức Phật có giải rằng: Nay các thầy Tỳ Khuru. Khi thầy Tỳ Khuru có bệnh hoặc bận việc tỏ sự ưng thuận của mình cho vị Tỳ Khuru nào mà vị ấy khi đi được giữa đường hoàn tục, xuống sadi, hoặc chết v.v.. thì sự ưng thuận của vị Tỳ Khuru ấy chưa đem đến Chư Tăng, nếu đem đến Chư Tăng rồi trở lại hoàn tục hoặc chết v.v.. thì sự ưng thuận của vị Tỳ Khuru ấy đã được đem đến Chư Tăng rõ rệt. Còn như vị nào lãnh đem sự ưng thuận của vị khác đến Chư Tăng, nhưng khi đến nơi ngủ quên, hoặc vô thiền, hoặc quên không nói thì sự cho ưng thuận của vị kia để đến Chư Tăng rõ rệt, nhưng nếu vị lãnh đem nói lại mà cố ý không chịu nói thì phạm hành ác còn vị kia vẫn cô tội và sự ưng thuận ấy kể như đã đem đến Chư Tăng tròn đủ rồi.

Nếu như Tăng sự ấy là lễ Phát Lộ như ở chung một Simà thì khi cho sự ưng thuận (chanda) rồi thì nên tỏ sự trong sạch (pàrisuddhi) của mình luôn, như không tỏ sự trong sạch của mình thì phạm hành ác. Muốn tỏ sự trong sạch, vào gần một vị Tỳ Khuru ngồi chồm hóm chấp tay lên nói: Pàrisuddhim dammi pàrisuddhim me hara pàrisuddhim me àrocehi. Tôi xin tỏ sự trong sạch, bạn hãy đem sự trong sạch của tôi nói với Chư Tăng.

Cách đem đến Chư Tăng thành tựu hay không y như cách giải đem sự ưng thuận vậy.

Còn như ở ngoài vòng simà, đến ngày làm lễ Phát Lộ, Tỳ Tứ không cần cho chanda chỉ tỏ sự trong sạch của mình thôi... Nếu mình có bệnh hoặc bận rộn không thể đi được.

---o0o---

CÁCH XUẤT GIA SADI (TÓM TẮT)

PABBAJJA VIDHÌ

Giới tử nào muốn xuất gia phải học cho thuộc 16 phép quán tưởng (như đã giải phái trước), thập giới bằng tiếng Pali và những bài Pali xin xuất gia sau này: Khi cạo râu tóc sạch sẽ vào đánh lễ ông thầy tế độ xong đứng chấp tay đọc: Ukàsa vandàmi bhante mayà katam punnam sàminà anumoditabbam sàminà kalam punnam sàminà anumoditabbam sàminà katam punnam mayham dàtabbam sàdhu sàdhu anumodàmi. Bạch Ngài tôi xin đánh lễ Ngài, xin Ngài xá những tội lỗi cho tôi. Phước báu mà tôi đã làm xin Ngài hoan hỉ thọ lãnh, còn phước báu của Ngài đã làm, xin Ngài chia sót cho tôi,

tôi rất vui lòng thọ lãnh phước báu ấy cho được thành tựu những điều lợi ích.

Xong đọc tiếp: Ukàsa kàrunnam katvà pabbajjam dema me bhante. Bạch Ngài xin Ngài vui lòng bi mẫn cho tôi xuất gia, ngồi xuống đọc tiếp: Aham bhante pabbajjam yàcàmi dutiyampi..., tatiyampi... Bạch Ngài, tôi xin xuất gia.

Kế tiếp bưng y cà sa lên đọc: Sabbadukkha nissarana nibbànasacchi karanatthàya imam kàsàvam gahetvà pabbàjetha mam bhante anukampam upadàya: Bạch Ngài, xin Ngài từ bi thọ lãnh y cà sa này và tế độ làm phép xuất gia cho tôi được lợi ích hầu đặng làm cho thấu rõ Niết Bàn là pháp giải thoát tất cả các sự thống khổ.

Xong, dâng y ấy cho thầy, rồi đọc xin y lại:

Sabbadukkha nissarana nibbànasacchi karanatthàya etam kàsàvam upadàya: Bạch Ngài, xin Ngài vì lòng bi mẫn cho y cà sa lại tôi và tế độ làm phép xuất gia cho tôi được sự lợi ích, hầu đặng làm cho thấu rõ Niết Bàn là pháp giải thoát tất cả các sự thống khổ.

Xong, thầy tế độ lấy y cà sa cho lại và dạy pháp thiền định về năm thể trước: kesà, lomà, nakhà, dantà, taco, taco, dantà, nakhà, lomà, kesà: tóc, lông, móng, răng, da (xuôi và ngược lại).

Xong, ra ngoài thay y cà sa trở vô đọc: Ukasà vandàmi bhante..., xong đọc tiếp: Ukàsa karunam katvà tisarannena saha silani detha me bhante: Bạch Ngài, xin Ngài vì lòng bi mẫn cho tôi tam qui giới.

Rồi đọc tiếp: Aham bhante sarana sīlam yācāmi dutiyampi..., tatiyampi....
Xong đọc Namo tassa... 3 lần.

Thầy nói: Yamaham vadāmi tam vadehi: ta nói sao ngươi nên nói theo: trả lời Ama bhante: Dạ, vâng.

Thầy truyền tam qui và thập giới.

Pānātipātā veramanī sikkhāpattam samā diyami.

Adinnādāna veramanī sikkhāpattam samā diyami.

Abrahmacariyâ veramanî sikkhâpattam samâ diyami.

Musâvâdâ veramanî sikkhâpattam samâ diyami.

Surâ me raya-,ajjapanâdatthâna veramanî sikkhâpattam samâ diyami.

Vikala bhojanâ veramanî sikkhâpattam samâ diyami.

Nanca gîta vadita visûkadassanâ veramanî sikkhâpattam samâ diyami.

Malâ gandha vilepana dhârana mandana vidhûsanthânâ veramanî sikkhâpattam samâ diyami.

Uccâsayana mâlâssayanâ veramanî sikkhâpattam samâ diyami.

Jâta rûpa rajata patigghanâ veramanî veramanî sikkhâpattam samâ diyami.

(nghĩa: coi theo cuốn "Cư sĩ thực hành").

Thầy nói tiếp: Imâni dasa veramanî sikkhâpattam samâ diyami: Tôi xin thọ trì 10 điều học này, trò nói theo 3 lần.

Kế tiếp đọc: Ukasa vandâmi bhante..., rồi đọc xin ở nương nhờ (nissaya): Ukâsa kârunnam katvâ nissayam detha me bhante: Bạch Ngài, xin Ngài từ bi cho tôi nương nhờ,

Rồi đọc luôn 3 lần: Aham bhante nissayam Yâcâmi. Dutiyampi..., Tatiyampi... Lạy xuống đọc tiếp: Upajjhâyo me bhante hohi: Bạch Ngài xin Ngài là thầy tế độ của tôi.

Thầy trả lời: Sâdhu, tahu, patirûpam: Lành thay, nhẹ rồi, làm như vậy đúng rồi (trong một tiếng nào cũng được). Trò trả lời: Ukâsa sampaticchâmi sampaticchâmi, sampaticchâmi: Tôi xin cung kính thọ lãnh.

Xong sa di nói tiếp ba lần: Ajjatagge thero mayham bhâro ahampi therassa bhâro. Từ đây về sau, những phận sự của Ngài tôi phải cung kính hành theo luôn luôn. Về phần tôi cũng là một gánh nặng của Ngài là phận sự Ngài nên nhắc nhở dạy dỗ đến tôi luôn. (Lạy ba lần xong cuộc lễ).

Nếu sadi hoặc Tỳ Khuru mà thầy tế độ đi vắng (mình chưa đủ năm hạ và không thông kinh luật thì luôn luôn phải xin nương nhờ (nissaya) với ông thầy chỉ dẫn (àcariya). Nếu không có, nương với vị nào thì phạm hành ác mỗi ngày. Cách xin nương nhờ với àcariya như vậy đọc: Ukàsa vandàmi bhante... Kế tiếp đọc: Acariyo me bhante hohi dutiyampi...., tatiyampi...., bạch Ngài, xin Ngài làm thầy chỉ dẫn cho tôi.

Thầy đã thọ lãnh phạm sự mà không nhắc nhở, dạy dỗ thì ông thầy cũng phạm hành ác.

Dứt phạm sự của bậc xuất gia./.

Vinayo sàsana mùlam
Giới luật là nền tảng Phật Giáo

-Hết-

Soạn xong tại Sài Gòn cuối mùa thu
năm Mậu Tuất (31. 10. 1958)